ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025)

SHB
Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 52/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 3 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp từ ngày: ..... tháng ..... năm 2026 tại:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3942 3388 Fax: (84 24) 3941 0844

Website: www.shb.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ngô Thu Hà Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84 24) 3942 3388

Quyển số 1



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025)

SHB

Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 52./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19. tháng 3... năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp từ ngày: ..... tháng ..... năm 2026 tại:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3942 3388 Fax: (84 24) 3941 0844

Website: www.shb.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ngô Thu Hà Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84 24) 3942 3388

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 VND *(Mười nghìn đồng)*/Cổ phiếu

Giá chào bán: 12.500 đồng/Cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 459.370.384 *(Bốn trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn ba trăm tám mươi tư)* Cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 4.593.703.840.000 VND *(Bốn nghìn năm trăm chín mươi ba tỷ bảy trăm linh ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84 24) 7105 0000 Fax: (84 24) 6288 5678

Website: *www.deloitte.com/vn*

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84 24) 3818 1888 Fax: (84 24) 3818 1688

Website: *www.shs.com.vn*

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 3

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 3

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 13

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 13

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 13

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 16

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 18

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 20

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 46

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 49

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 57

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 57

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 60

10. Hoạt động kinh doanh 60

11. Chính sách đối với người lao động 89

12. Chính sách cổ tức 90

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 91

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 91

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành 92

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 93

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 93

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 93

2. Tình hình tài chính 101

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ chức phát hành 113

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 115

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 116
1. Thông tin về cổ đông lớn 116
2. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ và Kế toán trưởng 118
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 145
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 145
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/Cổ phiếu 145
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 459.370.384 cổ phiếu 145
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 4.593.703.840.000 đồng 146
5. Giá chào bán dự kiến: 12.500 đồng/Cổ phiếu 146
6. Phương pháp tính giá 146
7. Phương thức phân phối 146
8. Đăng ký mua cổ phiếu 147
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 147
10. Phương thức thực hiện quyền 148
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 148
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 148
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 149
14. Hủy bỏ đợt chào bán 149
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 149
16. Các loại thuế có liên quan 149
17. Thông tin về các cam kết 150
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 151
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 153
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 154
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 154
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 155
XII. PHỤ LỤC 155

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Ông Đỗ Quang Hiển	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thu Hà	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Vân	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Ông Nguyễn Duy Linh	Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0502/2026/HĐTVTC/SHS.IIS.TV ngày 12/02/2026 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2024, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,09%, cho thấy sự tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động và khó khăn. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt lần lượt 405,5 tỷ USD (tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước) và 380,8 tỷ USD (tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước). Về tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng 3,63%, nằm trong mức lạm phát mục tiêu của Chính Phủ. Trong 6 tháng đầu năm 2025, tăng trưởng GDP và CPI của Việt Nam lần lượt ở mức 7,52% và 3,27%.

Trong năm 2025, một số rủi ro tiếp tục có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam cũng như kết quả hoạt động của SHB bao gồm:

- *Các rủi ro khách quan:* (i) Các rủi ro chính trị, biến động kinh tế có tầm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt

Nam, bao gồm: xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng trên phạm vi toàn cầu; xung đột chính trị, quân sự tiếp tục kéo dài tại Nga - Ukraine và khu vực Trung Đông; và (ii) các hiện tượng/hậu quả của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, hạn hán, bão lũ và việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn gây ảnh hưởng bất lợi trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và lan truyền đến các ngành chế biến và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp…

- *Các rủi ro từ nội tại nền kinh tế:* (i) rủi ro chất lượng tăng trưởng thấp do nền kinh tế Việt Nam hiện vẫn còn phụ thuộc nhiều vào việc tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là các động lực tăng trưởng từ bên ngoài, thiếu tính bền vững trong khi đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào GDP thấp và chậm được cải thiện; (ii) sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều, đặc biệt trong bối cảnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối, mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp; và (iii) chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động thấp, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế, đặc biệt trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

SHB hoạt động trong ngành ngân hàng, là một ngành chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, đồng thời cũng ảnh hưởng lớn tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác. Bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của Tổ chức phát hành. Tuy nhiên, SHB hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế, hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như SHB.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD;.... Sau khi Luật Các TCTD 2024 được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ và NHNN đã ban hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và dự kiến sẽ tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động của TCTD. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có SHB trong thời gian tới sẽ tiếp tục được hoàn thiện, hứa hẹn những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, SHB luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng, chú trọng an toàn pháp lý trong mọi quyết định về kinh doanh. Trong cơ cấu tổ chức bộ máy của SHB, luôn có các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm đảm bảo SHB tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn: Đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật và đề xuất thực hiện sửa đổi, bổ sung; hỗ trợ quá trình xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; thông báo về thay đổi, sự tác động của các quy định pháp luật liên quan, hỗ trợ/ xử lý vướng mắc về việc tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, SHB luôn sẵn sàng tham vấn ý kiến từ các tổ chức tư vấn độc lập, có uy tín trong nước và quốc tế để đảm bảo an toàn pháp lý, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SHB.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa dảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của SHB và đòi hỏi Ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả, SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp, (ii) hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện, (iii) nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Bên cạnh đó, SHB đang dần hoàn thiện hoạt động quản lý rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế. Cụ thể, SHB đã triển khai nhiều dự án theo định hướng này như Dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS, Dự án Quản trị rủi ro và tính vốn theo phương pháp nâng cao Internal Rating – Based approach – Basel (IRB). Kết quả của các dự án này sẽ bổ sung thêm các công cụ để quản lý rủi ro tín dụng của SHB, hỗ trợ việc đưa ra các quyết định kinh doanh trên cơ sở rủi ro một cách hiệu quả.

Các quy trình, chính sách, sản phẩm tín dụng trước khi ban hành đều được xem xét, đánh giá bởi 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo kiểm soát, ngăn chặn rủi ro tín dụng có tính hệ thống. Ngoài ra, hệ

thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm điều chỉnh để phù hợp với định hướng kinh doanh, thực tiễn hoạt động của Ngân hàng và các mục tiêu về quản trị rủi ro từng thời kỳ.

3.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- *Rủi ro lãi suất* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng.
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ.
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng.
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

SHB đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thị trường, thiết lập hệ thống hạn mức để quản lý, đồng thời các hạn mức rủi ro thị trường cũng được rà soát tối thiểu định kỳ hàng năm. Công tác đo lường/theo dõi/kiểm soát/báo cáo rủi ro thị trường được thực hiện hàng ngày, đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quyết định của NHNN cũng như quy định nội bộ của SHB và hạn chế tối đa các tổn thất, rủi ro cho SHB.

3.3 Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng ("RRLSSNH"): là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

Để quản lý rủi ro lãi suất, SHB ban hành và áp dụng hạn mức RRLSSNH phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh, khẩu vị rủi ro cũng như khả năng đo lường, quản lý RRLSSNH của Ngân hàng, bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất và hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần (NII – Net interest income) do thay đổi của lãi suất. SHB đo lường RRLSSNH thông qua các phương pháp và hệ thống các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất, đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE), xác định vốn yêu cầu cho RRLSSNH thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất tập trung tại Hội sở chính và sự phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan như Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Ban ALM, Khối Quản trị rủi ro và các khối kinh doanh, công tác quản lý RRLSSNH được thực hiện kịp thời, an toàn hiệu quả, từ đó hạn chế các RRLSSNH mà Ngân hàng có thể phải đối mặt như: rủi ro định giá lại, rủi ro cơ bản ....

3.4 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của ngân hàng làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổ chức phát hành. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng, có lỗi/sự cố hệ thống; do quy định/quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót hoặc không hiệu quả, hoặc do yếu tố bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro trên, SHB đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và hướng tới các chuẩn mực quốc tế, cụ thể bao gồm:

- *Xây dựng cơ cấu tổ chức QLRRHD toàn diện, xuyên suốt:* Quy định thống nhất vai trò trách nhiệm QLRRHĐ từ HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành, Lãnh đạo cấp cao và toàn bộ cán bộ nhân viên SHB, thiết lập Phòng Quản lý rủi ro Hoạt động thuộc Khối Quản trị rủi ro chuyên trách về QLRRHD, thiết lập nhân sự, bộ phận phụ trách về QLRRHĐ tại một số Đơn vị tuyến 1.
- *Tăng cường nhận thức văn hóa QLRRHĐ:* Đào tạo QLRRHĐ, an toàn thông tin (ATTT) cho cán bộ tân tuyển và đào tạo hằng năm cho CBNV, đào tạo trực tiếp/ trực tuyến về phòng ngừa RRHD theo nghiệp vụ cụ thể; áp dụng đa dạng các hình thức truyền thông khác như bản tin, ấn phẩm ATTT, sổ tay, video clip, tổ chức các chương trình thi đua, ...
- *Triển khai các phương pháp QLRRHĐ:* 1) Thu thập phân tích sự kiện RRHĐ, 2) Nhận diện đánh giá RRHĐ và đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát (RCSA), 3) Theo dõi, giám sát chỉ số rủi ro chính (KRIs), 4) Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ, 5) Phân tích kịch bản (về vốn).
- *Quản lý rủi ro gian lận:* Ban hành quy định về quản lý rủi ro gian lận, Bộ quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp, áp dụng các nguyên tắc phòng ngừa gian lận trong các quy định, quy trình; Truyền thông cảnh báo rủi ro gian lận với CBNV, cảnh báo tới KH các hình thức lừa đảo, tội phạm công nghệ cao qua website, fanpage, app Mobile banking, ...; Thiết lập Bộ phận điều tra gian lận và xây dựng cơ chế tố giác gian lận.
- *Quản lý rủi ro công nghệ thông tin (QLRRCNTT):* Hiện tại, Khối CNTT SHB vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế (ITIL), Trung tâm an toàn bảo mật công nghệ thuộc Khối CNTT là đơn vị độc lập có chức năng đảm bảo an toàn, bảo mật; phối hợp Khối QTRR (Đơn vị tuyến 2) quản trị rủi ro CNTT tại SHB. Hệ thống CNTT SHB đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế *(tuân thủ ISO 27001 từ 2015, Tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật Thẻ PCI DSS từ 2016, SWIFT CSCF từ 2019, bảo mật giao dịch bằng 3D Secure từ 2016, bảo vệ dữ liệu của ngân hàng và dữ liệu khách hàng bằng DLP từ năm 2018)*. SHB đã xây dựng Quy định, quy trình về QLRRCNTT, định kỳ/đột xuất triển khai đánh giá rủi ro cho các hệ thống CNTT trọng yếu, theo dõi và giám

sát các rủi ro.

- *Quản trị kinh doanh liên tục (BCM):* SHB đã thiết lập Ban xử lý khủng hoảng (CMT); Xây dựng hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn lập và kiểm thử kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) cho các tình huống bất khả kháng (cháy nổ, bão lũ, dịch bệnh...); hệ thống CNTT bị sự cố; mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng. SHB tổ chức kiểm thử BCP định kỳ hằng năm theo kế hoạch được phê duyệt.
- *Quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài:* SHB đã xây dựng Quy định và Quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro khi triển khai hoạt động thuê ngoài; Thực hiện đánh giá rủi ro khi phát sinh các hoạt động thuê ngoài mới và định kỳ đánh giá với các hợp đồng thuê ngoài tái tục.
- *Bảo hiểm tổn thất RRHĐ:* SHB đã triển khai ký kết 03 Hợp đồng bảo hiểm: Bảo hiểm về gian lận ngân hàng (BBB&ECC), Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (FIPI), bảo hiểm An ninh mạng (Cyber risk) nhằm thiết lập giải pháp chuyển giao/chia sẻ rủi ro cho ngân hàng, giúp hạn chế tổn thất cho SHB khi các sự kiện tổn thất RRHĐ phát sinh.

3.5 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SHB không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

SHB đã ban hành và áp dụng các chỉ tiêu hạn mức rủi ro thanh khoản như: tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR – Loan deposit ratio), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa. Các hạn mức được đánh giá, rà soát định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ. Công tác đo lường rủi ro thanh khoản được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số rủi ro thanh khoản như: Mô hình hành vi (Bchavior), báo cáo Gap MCO (Maximum cumulative outflow), các tỷ lệ thanh khoản, đánh giá khả năng tiếp cận vốn trên thị trường...

Cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản như Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Khối Kinh doanh vốn & thị trường tài chính, các khối kinh doanh, Ban ALM và Khối quản trị rủi ro, công tác theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản của SHB được thực hiện an toàn, hiệu quả đảm bảo khả năng chi trả hàng ngày và có dự phòng về nguồn vốn trong trường hợp khủng hoảng.

3.6 Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

3.7 Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết, SHB sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán

thay cho khách hàng. Khi đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1.Rủi ro của việc chào bán

Đợt chào bán diễn ra trong bối cảnh biến động nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, cùng với việc đợt chào bán không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, SHB không thu được số tiền đúng như dự kiến để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc tìm kiếm các nhà đầu tư để phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua với mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo quy định pháp luật về xử lý cổ phiếu còn dư.

4.2.Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu đợt này của SHB nhằm để bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh của SHB bao gồm các hoạt động cho vay, đầu tư, cấp tín dụng; qua đó nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của SHB. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, …

5. Rủi ro pha loãng

➢ Pha loãng giá cổ phiếu

Cổ phiếu SHB đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán ("Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền"): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + I_1 \times P_{r1}}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc}	:	Giá tham chiếu tại ngày Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
PR_{t-1}	:	Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
P_{r1}	:	Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
I_1	:	Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

Ví dụ minh họa:

- *Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là ngày 31/03/2026*
- *Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền: 18.000 đ/cp*
- *Phát hành cho CĐHH tỷ lệ 100:10 giá 12.500 đ/cp (I_1= 0,1; P_{r1}=12.500 đồng)*
- *Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là:*

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{18.000 + 0,1*12.500}{1 + 0,1} = 17.500 \text{ đồng / cp}$$

Như vậy, trong trường hợp trên, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của SHB.

➢ **Rủi ro pha loãng EPS**

Công thức tính pha loãng EPS như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SHB tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của SHB. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

➢ **Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu**

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV) như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm và ngược lại.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như SHB sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

➢ **Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu)

6. Rủi ro quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGĐ, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ chức phát hành. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ chức phát hành phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ chức phát hành. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Để giảm thiểu rủi ro, SHB luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, SHB luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Rủi ro truyền thông, thương hiệu

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về ngân hàng, các sản phẩm tài chính cốt lõi của ngân hàng, các sản phẩm của các công ty con trực thuộc, có thể gây ảnh hưởng đến niềm tin của công chúng, khách hàng và tác động tới nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Những rủi ro về thông tin sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Ngân hàng, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng dẫn đến những thiệt hại về tài chính cho Ngân hàng.

Đối với SHB, thương hiệu là một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Công tác quản trị rủi ro thương hiệu là nhiệm vụ trọng tâm của các cán bộ quản lý, đặc biệt là đối với đội ngũ quản trị thương hiệu của SHB. Hội đồng Quản trị đã định hướng, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Khối Marketing và Phát triển thương hiệu có giải pháp, biện pháp giảm thiểu rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động kiểm soát quản trị thông tin truyền thông chung của SHB liên quan tới ngành tài chính ngân hàng, các ngành nghề liên quan, có các quy trình về quản trị thương hiệu và cơ chế phối hợp với hệ thống quản trị rủi ro chung. Việc quản trị thông tin thương hiệu cũng được truyền thông và thường xuyên trao đổi với các đơn vị nghiệp vụ, các đơn vị kinh doanh địa bàn, nhằm đảm bảo các thông tin và hình ảnh bất thường, không có lợi cho thương hiệu và vị thế thương hiệu của SHB luôn luôn được báo cáo kịp thời về các bộ phận chuyên trách để có phương án giải quyết ngay theo đúng các quy trình và thời gian quy định. Trong các trường hợp khẩn cấp, ban lãnh đạo luôn nhanh chóng thành lập các Tổ công tác xử lý rủi ro tổng thể, bao gồm xây dựng các tình huống truyền thông để nhanh chóng chủ động công bố thông tin và các giải pháp tức thời để đảm bảo uy tín thương hiệu.

SHB luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với sự quan tâm ngày càng lớn đối với thương hiệu của SHB, SHB nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời. Trong năm 2025, việc công bố thông tin và chủ động trao đổi chia sẻ thông tin với các nhà đầu tư tài chính đã cho thấy sự cải thiện rõ nét trên các kênh truyền thông truyền thống và mạng xã hội.

Việc quản trị chặt chẽ và toàn diện sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu của SHB và hệ thống nhãn hiệu các công ty con tạo một cơ sở pháp lý vững chắc cho SHB trong bất kỳ các tình huống vi phạm nghiêm trọng về hình ảnh thương hiệu của SHB trong thực tế kinh doanh, trong các địa bàn và trên các kênh truyền thông mạng xã hội.

8. Rủi ro khác

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHB. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã xây dựng các kịch bản chi tiết với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của Ngân hàng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHB.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- **"SHB", "Tổ chức phát hành", "Ngân hàng", "Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội"**: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
- **"ĐHĐCĐ"**: Đại hội đồng cổ đông
- **"HĐQT"**: Hội đồng quản trị
- **"BKS"**: Ban kiểm soát
- **"TGĐ"**: Tổng Giám đốc
- **"ATM"**: Máy rút tiền tự động
- **"ALCO"**: Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả
- **"BCTC"**: Báo cáo tài chính
- **"CAR"**: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- **"CBNV"**: Cán bộ nhân viên
- **"CCCD"**: Căn cước công dân
- **"CNTT"**: Công nghệ thông tin
- **"CTCP"**: Công ty cổ phần
- **"ĐVKD"**: Đơn vị kinh doanh
- **"GCNĐKDN"**: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- **"GPHĐ"**: Giấy phép hoạt động
- **"LNTT"**: Lợi nhuận trước thuế
- **"LNST"**: Lợi nhuận sau thuế
- **"L/C"**: Tín tụng thư (Letter of Credit)
- **"HNX"**: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **"KSNB"**: Kiểm soát nội bộ
- **"KTNB"**: Kiểm toán nội bộ
- **"KHDN"**: Khách hàng doanh nghiệp
- **"KHCN"**: Khách hàng cá nhân
- **"ISO"**: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- **"MTV"**: Một thành viên
- **"NHNN"**: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- **"NHTM"**: Ngân hàng thương mại
- **"NIM"**: Thu nhập lãi cận biên
- **"NPL"**: Tỷ lệ nợ xấu
- **"PGD"**: Phòng piao dịch
- **"TCTD"**: Tổ chức tín dụng
- **"TMCP"**: Thương mại cổ phần
- **"TNHH"**: Trách nhiệm hữu hạn
- **"TTS"**: Tổng tài sản
- **"USD"**: Đồng đô la Mỹ
- **"UBCKNN"**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **"VND"**: Đồng Việt Nam
- **"VSDC"**: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- **"HOSE"**: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này về các khoản tiền được liệt kê và tổng số tiền hoặc số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và tổng phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Tên viết tắt: SAHABANK

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank

Mã cổ phiếu: SHB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Logo: SHB

Vốn điều lệ: 45.942.000.240.000 VND (*theo Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội)*

Trụ sở chính: Số 77, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 39423388 **Fax:** (024) 39420844

Website: *www.shb.com.vn*

Mã số thuế: 1800278630

Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018 ("Giấy phép 115"); Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021; Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép 115.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu Hà - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64

Các lĩnh vực hoạt động:

➢ **Huy động vốn:**

- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các TCTD khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

➢ **Hoạt động tín dụng:**

Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức cho vay, chiết khấu/tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.

➢ **Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:**

- Cung ứng các phương tiện thanh toán.

- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước.

➢ **Các hoạt động khác:**

- Tham gia thị trường tiền tệ: đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm: ngoại hối, phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN; được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.
- Kinh doanh bất động sản: Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
  - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
  - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
  - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.
- Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:
  - Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
  - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.

- Hoạt động mua nợ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngày 30/11/2018, NHNN đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN cho SHB, thay thế cho Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993.

Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13/11/1993.

Sau hơn 32 năm hoạt động, SHB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt 45.942.000.240.000 VND. Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 1 Trụ sở chính, 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 4 chi nhánh tại Campuchia. Ngân hàng có 3 công ty con và 1 công ty liên kết. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31/12/2025 là 6.949 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm	Thành lập & Phát triển
1993	Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái - tiền thân của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) được thành lập vào ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.
2006	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quyết định số 93/QĐ-NHNN về việc chấp thuận cho SHB chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn sang Ngân hàng Thương mại Cổ phần đô thị, từ đó tạo được thuận lợi cho SHB có điều kiện nâng cao năng lực về tài chính, mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đủ sức cạnh tranh và phát triển, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của SHB và đây là Ngân hàng TMCP đô thị đầu tiên có trụ sở chính tại Thành phố Cần Thơ, trung tâm tài chính - tiền tệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cũng trong năm 2006, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).
2007	SHB tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND.
2008	SHB chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Thủ đô Hà Nội, tại số 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2009	Chính thức niêm yết 200 triệu cổ phiếu SHB trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
2010	SHB phát hành thành công 150 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.497,5 tỷ VND và chính thức triển khai hệ thống CoreBanking mới.

Năm	Thành lập & Phát triển
2011	SHB chuyển đổi thành công 1.500 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi để nâng vốn điều lệ lên 4.815,8 tỷ VND và vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2012	SHB thực hiện sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) đồng thời mở chi nhánh nước ngoài tại Campuchia và Lào.
2013	SHB kỷ niệm 20 năm ngày thành lập và vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng nhì của Chủ tịch nước ghi nhận những đóng góp của SHB đối với ngành ngân hàng nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.
2015	SHB tăng vốn điều lệ lên gần 9.500 tỷ VND, chính thức khai trương ngân hàng con 100% vốn tại Lào. Với kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, an toàn, SHB tiếp tục nhận được nhiều danh hiệu, cờ thi đua, giải thưởng do NHNN và các cơ quan, đơn vị trao tặng.
2016	SHB tăng vốn điều lệ lên 11.197 tỷ VND, mạng lưới tăng lên gần 500 điểm giao dịch trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, SHB nhận sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF), tiến tới thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC), mở rộng cơ hội kinh doanh trên thị trường bán lẻ cho SHB. SHB khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia, thể hiện những nỗ lực vượt bậc của SHB sau thời gian kinh doanh tại thị trường này ở cấp độ chi nhánh.
2017	SHB tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ VND.
2018	SHB kỷ niệm 25 năm thành lập và phát triển, vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng Nhì lần thứ 2 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam.
2020	SHB tăng vốn điều lệ lên 17.510 tỷ VND. SHB phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam và là Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.
2021	SHB tăng vốn điều lệ lên 26.674 tỷ VND; mua lại trước hạn và không còn Trái phiếu đặc biệt VAMC, nâng cao chất lượng tài sản; chuyển giao dịch cổ phiếu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), mang lại sức mạnh cộng hưởng, mở ra những động lực tăng trưởng mới; hoạt động hiện đại hóa ngân hàng và chuyển đổi số toàn diện đã đạt được những thành công bước đầu. SHB đồng thời tạo ra cú hích lớn với nhà đầu tư, điểm nhấn trên thị trường M&A khi ký thỏa thuận thoái 100% vốn tại SHB Finance cho Ngân hàng Krungsri - Thái Lan trong vòng 3 năm; trở thành thương vụ M&A với giá trị cao thứ 2 trong các thương vụ mua bán công ty tài chính tiêu dùng trên thị trường, đem lại nguồn thặng dư vốn đáng kể cho cổ đông của SHB cũng như nâng cao năng lực tài chính và vị thế của SHB.
2022	SHB tăng vốn điều lệ lên 30.674 tỷ VND.

Năm	Thành lập & Phát triển
2023	SHB tăng vốn điều lệ lên 36.194 tỷ VND. Cổ phiếu SHB được lựa chọn vào chỉ số VN30.
2024	SHB tăng vốn điều lệ lên 36.629 tỷ VND
2025	SHB tăng vốn điều lệ lên 45.942 tỷ VND. SHB được tạp chí Global Finance vinh danh là "Ngân hàng có hoạt động Tài trợ Bền vững tốt nhất Việt Nam" năm thứ ba liên tiếp. SHB nhận giải thưởng "Ngân hàng có Sáng kiến Giải pháp Thanh toán tốt nhất Việt Nam" từ The Asian Banker.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của SHB



Mô hình tổ chức Ngân hàng SHB bao gồm ngân hàng mẹ và các ngân hàng con, công ty con, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Hệ thống mạng lưới kinh doanh và hoạt động của SHB tính đến ngày 31/12/2025 bao gồm:

➢ **Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội**

Địa chỉ: Số 77, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 39423388 Fax: (024) 39420844

Trụ sở chính của Ngân hàng là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc và Phòng/Ban nghiệp vụ.

➢ **Ngân hàng con**

- **Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào (SHB Lào)**

Địa chỉ: Tổ 1 đường Lanexang, Bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn,

Lào.

- **Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)**

Địa chỉ: Số 107, Đại lộ Norodom, Phường Boeung Reang, Quận Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia.

➢ **Công ty con**

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB AMC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

➢ **Công ty liên kết**

Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB FC)

Địa chỉ: Tầng 6, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

➢ **Điện thoại: 024 7109 8888** **Fax: 024 7107 7688**

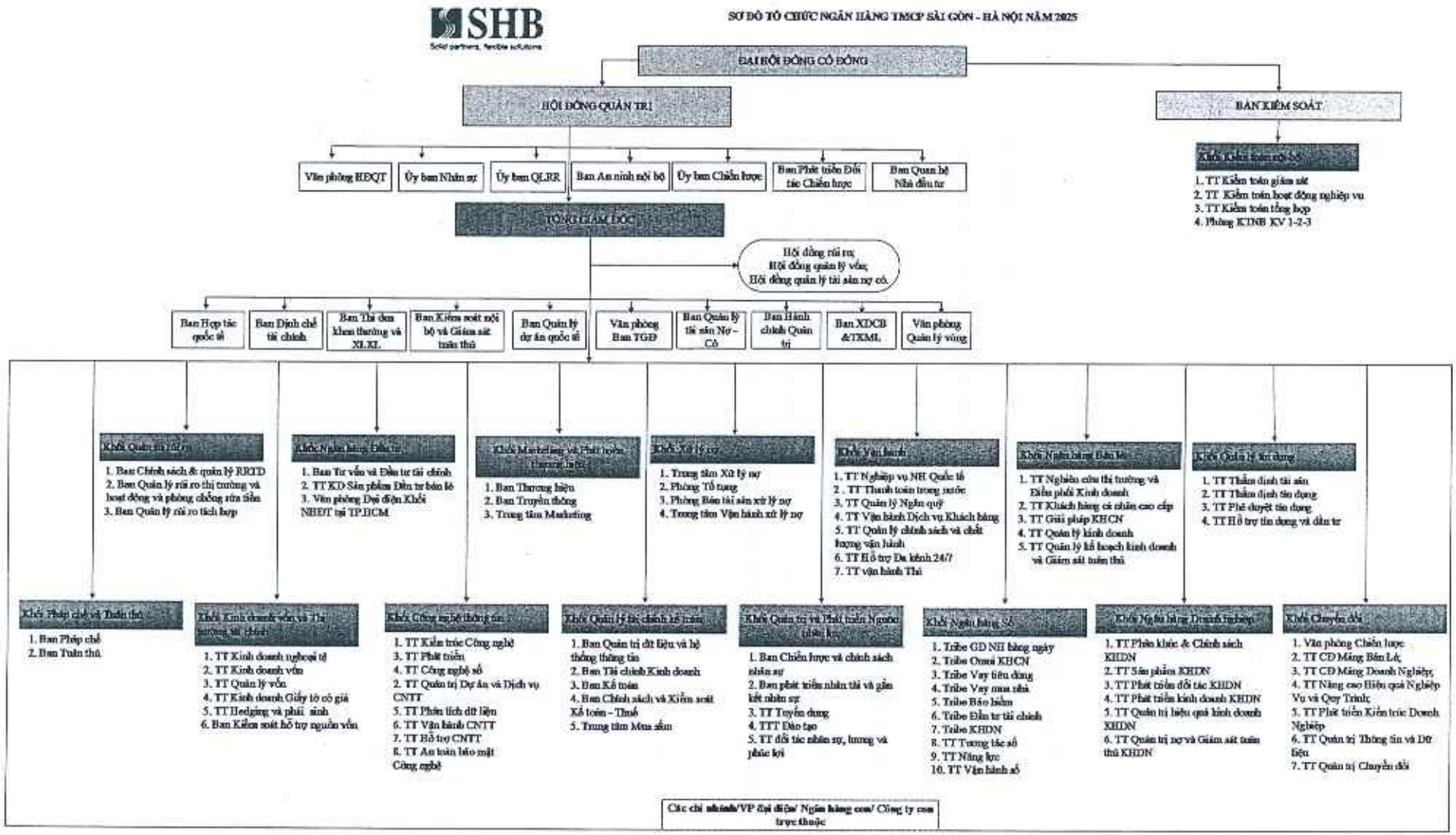
❖ **Các chi nhánh và phòng giao dịch**

Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 4 chi nhánh tại Campuchia.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của SHB



4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của SHB, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của SHB;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB;
- Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ của SHB và pháp luật có liên quan;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho SHB và cổ đông của SHB
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của SHB;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua phương án quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD
- Thông qua BCTC hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SHB;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SHB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SHB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của SHB; công ty con, công ty liên kết của SHB, trừ trường hợp SHB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản;
- Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật Các TCTD;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của SHB;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.2 Hội Đồng Quản Trị

HĐQT của SHB là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh SHB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của SHB. HĐQT có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ SHB;
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SHB;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng HĐQT và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SHB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SHB quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 31 Điều lệ SHB;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 136 Luật Các TCTD về giới hạn cấp tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SHB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của SHB; công ty con, công ty liên kết của SHB;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, Hội đồng Quản trị có thể ban hành quy định nội bộ để quy định nguyên tắc, phân cấp về thẩm quyền quyết định theo thực tế hoạt động trong từng thời kỳ;

- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của SHB phù hợp với quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SHB;
- Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SHB
- Quyết định mua lại cổ phần của SHB theo phương án được duyệt;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước những thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị được sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- Hội đồng Quản trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật của SHB từng thời kỳ.
- Xây dựng, phê duyệt, triển khai, sửa đổi và bổ sung phương án phát triển kinh doanh, phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của SHB, các phương án/đề án theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Quyết định, triển khai thực hiện các vấn đề khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm.
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.3 Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SHB trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ SHB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ SHB;
- Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của SHB về kế toán, báo cáo;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành SHB, có quyền sử dụng các nguồn lực của TCTD để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ vủa BKS;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN;
- Định kỳ hằng năm, chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của SHB;
- Ban hành chính sách kiểm toán nội bộ; ban hành và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng Giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SHB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD năm 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết hoặc trong trường hợp theo quy định tại Khoản 11 Điều 58 Điều lệ SHB;
- Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành SHB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SHB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB;
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ SHB;
- Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 10, 12 và 15 Điều 58 Điều lệ SHB và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật này;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của SHB;
- Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước;
- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.4 Văn phòng HĐQT và các Ủy ban: Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

4.5 Tổng Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ SHB. Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SHB;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua BCTC; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của BCTC, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;

- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SHB;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của SHB trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ SHB;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SHB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh SHB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SHB;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.6 Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính

- Tham mưu cho Ban Điều hành thực hiện chính sách quản lý nguồn vốn tập trung, điều hành thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, hoạt động kinh doanh tiền tệ, ngoại hối của toàn hệ thống SHB;
- Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, điều hòa và quản lý khả năng thanh khoản, khả năng chi trả của toàn Ngân hàng;
- Thực hiện giao dịch kinh doanh nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh và đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, kinh doanh và cung ứng các sản phẩm phái sinh lãi suất, phái sinh hàng hóa và tiền tệ;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.7 Khối Ngân hàng Doanh nghiệp

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc, HĐQT về chiến lược, định hướng phát triển KHDN nhằm mục tiêu kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ;
- Nghiên cứu thị trường, thực hiện các phân tích để tư vấn, tham mưu về chiến lược tổng thể cho phân khúc khách hàng mục tiêu của mảng KHDN.
- Nghiên cứu, xây dựng và quản lý hệ thống chính sách, phát triển sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN.
- Quản lý, hỗ trợ, giám sát hiệu quả triển khai chính sách, sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN trên toàn hệ thống.

- Quản trị hiệu quả danh mục KHDN trên toàn hệ thống, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch thông qua đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch hàng bao gồm chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính.
- Xây dựng và quản lý các chiến dịch bán hàng triển khai đồng bộ qua các kênh bán để thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh mảng KHDN.
- Phát triển và quản lý nhân sự kinh doanh bao gồm tất cả các chức danh thuộc mảng KHDN.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.8 Khối Ngân hàng Bán lẻ

- Đối với chức năng tham mưu, Khối NHBL thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, am hiểu các quy định của pháp luật, ngân hàng nhà nước có liên quan, tác động đến hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động phát triển NHBL nói riêng;
- Nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi và/hoặc trên cơ sở thông tin từ Khối Marketing&PTTH/Ủy ban chiến lược để am hiểu các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, các chủ trương, chính sách chung và phát triển kinh tế xã hội của từng Vùng/địa bàn có liên quan đến công tác phát triển bán lẻ tại SHB;
- Nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi các cơ chế chính sách, quy chế, quy định quy trình của các tổ chức tài chính/ngân hàng tiên tiến trong và ngoài nước về mảng NHBL; xác định các lợi thế và các hạn chế của SHB so với các tổ chức tín dụng khác liên quan chính sách, quy định, quy trình…
- Tham mưu HĐQT/TGD về mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của mảng NHBL toàn hệ thống, đảm bảo phù hợp định hướng HDQT từng thời kỳ;
- Tham mưu HĐQT/TGD về phân giao mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho từng Vùng/DVKD đảm bảo hợp lý, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng đơn vị theo địa bàn, thị trường;
- Tham mưu HĐQT/TGD về quy định, quy trình, chính sách sản phẩm (bao gồm để phát triển kinh doanh và vận hành, quản trị rủi ro nghiệp vụ), và tổ chức bộ khung/khung chỉ tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực… của các chức danh tại Khối và thuộc mảng NHBL tại DVKD.

- Đối với chức năng Quản lý, xây dựng chính sách hệ thống liên quan tới hoạt động NHBL và kiểm tra, giám sát công tác triển khai kinh doanh mảng NHBL, Khối thực hiện các nhiệm vụ sau:
  - Về mục tiêu kế hoạch phát triển kinh doanh bán lẻ: Phân bổ các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh bán lẻ cho Vùng/DVKD trên cơ sở phê duyệt của HĐQT/TGD.
  - Về cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, sản phẩm, giải pháp phát triển kinh doanh:
    - Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu (nghiên cứu chủ động của Khối và các nội dung phối hợp nghiên cứu với Khối Marketing&PTTH) bao gồm: nghiên cứu quy định pháp luật/NHNN, chính sách kinh tế xã hội từng thời kỳ, đặc điểm thị trường/địa bàn Vùng/khu vực, chính sách sản phẩm của ngân hàng tiên tiến trên thị trường…, Khối NHBL xây dựng, ban hành chính sách, sản phẩm, giải pháp phát triển kinh doanh, tiêu chuẩn dịch vụ và trải nghiệm khách hàng, mô hình bán hàng… cho các phân khúc khách

hàng để Vùng/DVKD điều hành triển khai hoạt động phát triển kinh doanh bán lẻ hiệu quả, phù hợp khách hàng/thị trường/địa bàn;

- Truyền thông, hướng dẫn, đồng hành, hỗ trợ ĐVKD am hiểu và cung cấp các giải pháp, sản phẩm đến khách hàng đạt được hiệu quả cao nhất;
- Quản lý, đánh giá hiệu quả, tính phù hợp của giải pháp/sản phẩm để kịp thời điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường/địa bàn và định hướng của SHB;

- Về công tác phát triển kinh doanh bán lẻ:
  - Xây dựng các chương trình truyền thông về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược của SHB, các định hướng và mục tiêu phát triển mảng NHBL của SHB từng thời kỳ tới các ĐVKD để đảm bảo đồng nhất và đồng bộ về phương pháp tiếp cận, triển khai công việc của các ĐVKD;
  - Tổ chức công tác đào tạo chính sách sản phẩm, quy trình quy định để Vùng/DVKD thực thi đúng/hiệu quả;
  - Giám sát việc triển khai thực thi các chính sách sản phẩm, quy trình quy định đảm bảo ĐVKD triển khai theo đúng quy định của pháp luật, định hướng chiến lược về bán lẻ, định hướng tín dụng, quy định chính sách, sản phẩm từng thời kỳ; bao gồm việc giám sát Văn phòng quản lý Vùng trong việc ban hành các chính sách/sản phẩm đặc thù tại Vùng (thuộc thẩm quyền của Vùng), giám sát Vùng/DVKD trong việc triển khai thực thi các chính sách/sản phẩm do Khối ban hành;
  - Đồng hành cùng Giám đốc Vùng (với các đơn vị đã có mô hình Văn phòng quản lý Vùng) hoặc GĐCN (với ĐVKD chưa có mô hình Vùng) trong quá trình triển khai hoạt động phát triển kinh doanh bán lẻ bao gồm: hỗ trợ GĐ Vùng/ĐVKD xây dựng các giải pháp/biện pháp để điều hành NHBL hiệu quả; tiếp nhận và đề xuất/phối hợp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai ĐVKD;
  - Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh mảng NHBL toàn hàng; tham mưu xây dựng cơ chế quản lý, đánh giá hiệu quả – chi phí hoạt động mảng NHBL, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả – tiết giảm chi phí hoạt động mảng NHBL trên toàn hệ thống;
  - Nghiên cứu, xây dựng và soát định kỳ các cơ chế, quy trình phối hợp triển khai công việc giữa các đơn vị trong nội bộ Khối, giữa Khối NHBL với các Khối/ban/trung tâm có liên quan. Đồng thời tổ chức điều phối hoạt động giữa các đơn vị thuộc Khối và/hoặc giữa các Khối/ban/TT tại TSC/ĐVKD để tối ưu hóa công tác vận hành, phát triển kinh doanh đảm bảo hoạt động kinh doanh bán lẻ thông suốt, đạt được các mục tiêu kinh doanh của SHB.

- Về quản lý và phát triển nguồn nhân lực:
  - Định hướng tổng thể và xây dựng nguyên tắc/tiêu chí/quy định về định biên nhân sự, các chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ kế cận, lộ trình phát triển cho CBNV, KPI lực lượng bán… tại ĐVKD/Vùng, đảm bảo duy trì nguồn lực đầy đủ và chất lượng;

- Tham mưu TGD/HĐQT trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, HĐLD, KPI... của NLĐ mảng NHBL theo quy định SHB từng thời kỳ;
- Xây dựng các chính sách, quy định về thi đua phát triển kinh doanh (khen thưởng/kỷ luật) để thúc đẩy hoạt động kinh doanh toàn hệ thống.

- Về quản trị rủi ro:
  - Phối hợp Khối QTRR (đầu mối) và Khối Pháp chế và tuân thủ (phối hợp) trong việc truyền thông, đào tạo và thường xuyên cập nhật/cảnh báo tới các ĐVKD các rủi ro trong hoạt động phát triển kinh doanh bán lẻ (bao gồm từ cơ chế, chính sách đến công tác vận hành hoạt động);
  - Xây dựng các công cụ kiểm soát và cảnh báo các nguy cơ, rủi ro tiềm tàng trong hoạt động phát triển bán lẻ của các ĐVKD và các đơn vị thuộc Khối NHBL và đề xuất các giải pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro;
  - Chủ động rà soát, tổng hợp các rủi ro mang tính hệ thống trong quá trình triển khai phát triển kinh doanh để xây dựng/điều chỉnh/bổ sung các chính sách, quy định, sản phẩm bán lẻ phù hợp.
- Về giám sát tuân thủ:
  - Xây dựng quy trình, quy định và kế hoạch kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định, quy trình nghiệp vụ tín dụng và các nghiệp vụ vận hành khác của các ĐVKD... thuộc mảng NHBL và giám sát tuân thủ quy định, quy trình nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Khối NHBL;
  - Chủ động rà soát, đảm bảo tính tuân thủ trong quá trình xây dựng và áp dụng các chính sách, quy định, quy trình, sản phẩm NHBL bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu (1) tuân thủ quy định pháp luật; (2) tuân thủ quy định nội bộ SHB, không mâu thuẫn/chồng chéo giữa các văn bản; (3) tuân thủ và phù hợp chiến lược SHB; (4) không cản trở hoạt động kinh doanh; (5) phù hợp yêu cầu phát triển kinh doanh của ĐVKD, trên cơ sở phù hợp thị trường/địa bàn và lấy KH làm trọng tâm;

- Thiết lập và quản lý triển khai các hoạt động quản lý danh mục nợ, nhắc nợ và đảm bảo tuân thủ các quy định quản trị rủi ro của mảng NHBL theo phạm vi phân công từng thời kỳ.

4.9 Khối Vận hành

- **Đối với chức năng tham mưu các nhiệm vụ đã triển khai gồm:**
  - Nghiên cứu, tổng hợp cơ sở pháp lý, mô hình tổ chức, thông lệ ngành và xu hướng phát triển có liên quan hoặc tác động đến hoạt động vận hành của SHB như chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Nhà nước/ NHNN; cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình, và phương pháp tổ chức vận hành của các tổ chức tài chính/ ngân hàng trong và ngoài nước; xu hướng vận hành hiện đại, ứng dụng công nghệ và các mô hình vận hành tiên tiến trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính...
  - Phân tích và đề xuất chiến lược, chính sách, cơ chế quản lý, mô hình, định hướng vận hành và kế hoạch triển khai phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngân hàng đảm bảo phù

hợp với yêu cầu pháp lý, xu hướng thị trường, mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả vận hành và mục tiêu chung của SHB.

- Đánh giá, báo cáo hiện trạng hệ thống vận hành và mức độ hiệu quả triển khai chính sách, quy trình, mô hình tổ chức vận hành phi tín dụng trên toàn hệ thống, tổng hợp ý kiến phản hồi của khách hàng và khó khăn, vướng mắc từ các ĐVKD và các Đơn vị tại TSC.

- **Đối với chức năng tổ chức triển khai cung ứng các dịch vụ vận hành, các nhiệm vụ đã triển khai gồm:**

  - Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc triển khai hệ thống chính sách và các văn bản khác liên quan đến hoạt động của mảng vận hành phi tín dụng theo quy định của Pháp luật, NHNN và SHB.
  - Tham gia cung ứng các dịch vụ vận hành gồm: Ngân quỹ, DVKH, TTQT, TTTN, thẻ, Hỗ trợ KH đa kênh 24/7 và Quản trị trải nghiệm khách hàng.
  - Xử lý tác nghiệp tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán trong nước thông qua kênh quầy và kênh số, thẻ.
  - Quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quan trọng, hỗ trợ tài sản bảo đảm tại TSC; điều hòa tiền mặt, ngoại tệ, vàng trong hệ thống SHB; hỗ trợ các ĐVKD SHB trong việc xử lý các vướng mắc liên quan đến hoạt động ngân quỹ.
  - Giải đáp, tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn về SPDV của SHB với KH/DVKD; tiếp nhận và xử lý các phản ánh, khiếu nại của khách hàng về SP/DV của SHB; truyền thông, quảng bá, khảo sát các chương trình ưu đãi, khuyến mại… của SHB qua đa kênh như điện thoại, email, SMS, chat online, fanpage,…
  - Thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, bán hàng (Telesale) và chăm sóc khách hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài/ hotline dịch vụ (điện thoại, email, SMS, chat online, fanpage,…).
  - Quản lý việc ban hành chính sách và cải tiến nâng cao chất lượng vận hành, trải nghiệm khách hàng. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ (con người, không gian giao dịch); các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ, thu thập ý kiến khách hàng về trải nghiệm dịch vụ tại SHB.
  - Đánh giá chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng, đề xuất các chương trình đào tạo; đào tạo nghiệp vụ đối với các cá nhân/ đơn vị toàn hệ thống tham gia cung ứng các dịch vụ vận hành phi tín dụng gồm Ngân quỹ, DVKH, CLDV, TTQT, TTTN, Thẻ, Hỗ trợ đa kênh 24/7.
  - Xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống nghiệp vụ: DVKH, thanh toán quốc tế, thanh toán trong nước, thẻ, ngân quỹ, hệ thống tổng đài/ hỗ trợ KH và hệ thống quản trị trải nghiệm khách hàng.
  - Thực hiện các nhiệm vụ tối ưu hóa hoạt động vận hành, bao gồm: Nghiên cứu và triển khai lộ trình tự động hóa, số hóa quy trình vận hành; quản lý trải nghiệm khách hàng; quản lý hiệu suất và hiệu quả vận hành.

- Đầu mối đề xuất, triển khai và quản lý các dự án/ sáng kiến hỗ trợ hoạt động vận hành phi tín dụng, đảm bảo an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu trải nghiệm khách hàng.

- Các nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của HĐQT và TGD/ người được TGD phân công/ phân quyền/ ủy quyền.

4.10 Khối Quản trị và Phát triển Nguồn Nhân lực

- Tham mưu, đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị chức năng trong toàn hệ thống SHB về xây dựng, triển khai, rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản về quản trị nhân sự, bảo đảm tính phù hợp, nhất quán, đồng bộ, tuân thủ và không chồng chéo, phục vụ mục tiêu phát triển của SHB trong ngắn hạn và dài hạn.
- Tổ chức hướng dẫn, đào tạo, quản lý và giám sát việc thực thi chính sách, chiến lược, quy định và nghiệp vụ nhân sự trong toàn hệ thống SHB; chuẩn hóa, cập nhật và phát triển hệ thống thông tin nhân sự bảo đảm chính xác, ổn định và đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, phục vụ hiệu quả công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB.
- Lập Kế hoạch nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo, chế độ đãi ngộ; tổ chức triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động đúng quy định, kịp thời, chất lượng, đảm bảo công bằng, khách quan và phục vụ tốt hoạt động kinh doanh.
- Tham mưu xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi toàn hàng, bảo đảm tuân thủ quy định, công bằng, khách quan, tương xứng với năng lực – đóng góp và có tác dụng thu hút, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiên cứu, phát triển và triển khai các mô hình đào tạo hiệu quả, thúc đẩy liên kết đào tạo với các đối tác phù hợp; xây dựng và duy trì đội ngũ giảng viên nội bộ cùng hệ thống chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.
- Phát hiện, phát triển và duy trì đội ngũ nhân sự kế cận có năng lực và tiềm năng tốt, bảo đảm tính chủ động về nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của SHB.
- Tổ chức đánh giá định kỳ, đột xuất chất lượng đội ngũ nhân sự toàn hệ thống, theo địa bàn, đơn vị, lĩnh vực nghiệp vụ, đồng thời đề xuất giải pháp cải thiện nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Phối hợp với Ban Thi đua Khen thưởng và Xử lý kỷ luật trong việc hướng dẫn, tổ chức triển khai và giám sát các hoạt động thi đua – khen thưởng, kỷ luật và giải quyết tranh chấp lao động, bảo đảm đúng quy định, khách quan và công bằng trong toàn hệ thống.
- Tổ chức giám sát việc thực thi chính sách nhân sự, đo lường hiệu quả hoạt động, phân tích dữ liệu để có cơ sở đề xuất cải tiến hoạt động, giúp gia tăng hiệu quả vận hành, tối ưu nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ nhân sự.
- Triển khai, duy trì và truyền thông các giá trị cốt lõi, văn hóa doanh nghiệp thông qua hoạt động quản lý nhân sự và chương trình gắn kết CBNV.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của HĐQT và Tổng Giám đốc, bảo đảm phù hợp với chức năng, phạm vi hoạt động của Khối.

4.11 Khối Marketing và Phát triển thương hiệu

- Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, HĐQT trong việc định hướng chiến lược Marketing, hoạch định kế hoạch quản lý/phát triển thương hiệu và truyền thông trên toàn hệ thống SHB trung và dài hạn;
- Quản lý điều hành, tổ chức triển khai hoạt động Marketing, thương hiệu, truyền thông phù hợp theo từng giai đoạn, đảm bảo bám sát đúng mục tiêu, chiến lược của Ngân hàng.
- Định kỳ/đột xuất tổ chức rà soát/đánh giá thực trạng/tồn tại (điểm mạnh/hạn chế) trong công tác truyền thông, thương hiệu, marketing tại SHB; Nghiên cứu xu thế thị trường trong/ngoài nước, tìm hiểu, học hỏi, so sánh đối thủ cạnh tranh, từ đó đề xuất kế hoạch hành động và các giải pháp triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, bám sát mục tiêu của ngân hàng đã đề ra;
- Đầu mối xây dựng ban hành: chính sách, quy định, quy trình công cụ hướng dẫn, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện ... đối với hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống đảm bảo chặt chẽ, nhất quán và tối ưu hiệu quả;
- Bám sát định hướng chiến lược của ngân hàng, chủ động đề xuất các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm phát triển truyền thông SHB theo hướng đúng, trúng và tiên phong;
- Đo lường, nhận định rủi ro, nhạy bén với các diễn biến của thị trường và xu thế chung, để luôn sẵn sàng kịch bản ứng phó, giảm thiểu rủi ro, tăng cường truyền thông thông tin tích cực về thương hiệu, các thông tin liên quan cổ phần, cổ phiếu;
- Xây dựng đề xuất kế hoạch ngân sách và quản lý việc sử dụng ngân sách các hoạt động marketing, truyền thông, thương hiệu đảm bảo chi phí sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.
- Trực tiếp tổ chức triển khai hoạt động/chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing tại Trụ sở chính; Phối hợp, hướng dẫn thực hiện đối với các chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing theo đề xuất của Khối/Ban/Trung tâm/ĐVKD;
- Giám sát đảm bảo các hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống có tính thống nhất, nhất quán theo định hướng chung của SHB;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.12 Khối Xử lý nợ

- Quản lý danh mục nợ xấu được phân giao cho Khối Xử lý nợ (XLN) xử lý, thu hồi nợ; tiếp nhận, đánh giá hồ sơ và phân luồng các khoản nợ xấu nhận từ ĐVKD.
- Trực tiếp xử lý, thu hồi các khoản nợ được phân giao cho Khối XLN xử lý, thu hồi nợ; Đại diện SHB tham gia bảo vệ quyền và lợi ích của SHB trong công tác XLN đối với các Khoản nợ được giao trực tiếp cho Khối XLN thu hồi;
- Có giải pháp, phương án xử lý đối với 100% khoản nợ được phân giao cho Khối XLN xử lý, thu hồi nợ;

- Tham gia tích cực trong việc xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất chế tài, giải pháp khắc phục tổn thất liên quan đến các khoản nợ thuộc danh mục nợ Khối đang xử lý, thu hồi nợ. Tổng hợp các vấn đề rủi ro trong hoạt động tín dụng phát hiện được trong quá trình XLN để phối hợp, hỗ trợ các Đơn vị liên quan thực hiện công tác cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro phát sinh trong hệ thống SHB;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế, quy định, quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn, mẫu biểu liên quan đến việc xử lý các khoản nợ xấu để hướng dẫn ĐVKD và các Đơn vị trong hệ thống triển khai thực hiện quản lý và xử lý các khoản nợ xấu; phối hợp với các Đơn vị trong hệ thống giữ tỷ lệ nợ xấu trong mức giới hạn Ngân hàng đặt ra hàng năm và 100% khoản nợ xấu phát sinh có phương án, giải pháp xử lý;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về XLN xấu và tổ chức quản lý hệ thống dữ liệu XLN xấu;
- Giám sát hiệu quả thực hiện những biện pháp, giải pháp XLN do Khối XLN trực tiếp trình/tham gia ý kiến theo đề xuất của Đơn vị trình mà biện pháp/giải pháp đó đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt/chỉ đạo thực hiện;
- Báo cáo thường xuyên, kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác XLN xấu và đề xuất đến Cấp có thẩm quyền các giải pháp/chính sách/chiến lược xử lý nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ;
- Tổ chức đào tạo và hướng dẫn nghiệp vụ xử lý các khoản nợ xấu nhằm hỗ trợ các nhân sự tham gia vào công tác quản lý và XLN có đầy đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng mục tiêu quản lý và XLN hiệu quả; tuyên truyền phổ biến các quy định về nghiệp vụ thu hồi nợ xấu của SHB, của pháp luật đến các cá nhân, Đơn vị liên quan trong hệ thống SHB;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cấp có thẩm quyền phân giao.

4.13 Khối Quản trị rủi ro

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng Xây dựng và triển khai hệ thống chính sách quản lý rủi ro
  - Là đầu mối nghiên cứu, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu, các chính sách, quy định phục vụ đánh giá nội bộ mức đủ vốn, các chính sách, quy chế nội bộ về công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.
  - Hướng dẫn triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định đã ban hành; đảm bảo các chính sách, quy định được thực thi đầy đủ cũng như nhận diện kịp thời các bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp phát sinh trong quá trình áp dụng thực tế.
  - Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, quy định đã ban hành; thực hiện điều chỉnh, bổ sung nếu cần nhằm đảm bảo hệ thống chính sách phát huy hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu thực tiễn mới.
  - Thẩm định, cho ý kiến đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với các chính sách, quy trình, sản phẩm của các đơn vị trên toàn hệ thống.
  - Đào tạo, phổ biến, giải đáp thắc mắc về các cơ chế, chính sách, quy định, quy trình đã ban hành cho các đơn vị, cá nhân liên quan để hiểu và thực thi đúng tại SHB.

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng Quản lý, giám sát rủi ro
  - Thiết lập hệ thống đánh giá, xác định rủi ro trọng yếu. Đối với từng rủi ro trọng yếu, xây dựng, triển khai các phương pháp, mô hình, công cụ, hệ thống đo lường rủi ro.
  - Xây dựng, vận hành và quản lý hệ thống hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro cho từng loại rủi ro trọng yếu; theo dõi, giám sát trạng thái rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động trong hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro được phê duyệt.
  - Xây dựng các tiêu chí nhận biết sớm rủi ro nhằm phát hiện nguy cơ vi phạm hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro; kiến nghị, đề xuất các biện pháp để ngăn chặn và phòng ngừa, khắc phục rủi ro.
  - Rà soát, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý các giao dịch đáng ngờ liên quan đến hoạt động phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm hạn chế rủi ro cho SHB.
  - Định kỳ rà soát, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của các phương pháp, mô hình, công cụ, từ đó đề xuất nâng cấp, sửa đổi, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của các phương pháp, mô hình, công cụ, hệ thống đo lường rủi ro.
  - Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất trang bị, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo để nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát các rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng.
  - Thực hiện các dự án của ngân hàng liên quan nghiệp vụ quản lý rủi ro, công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.
- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng Đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả
  - Triển khai xây dựng hệ thống báo cáo nội bộ gồm các báo cáo về trạng thái rủi ro, tình hình tuân thủ khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, các báo cáo khác nhằm mục đích tham mưu, tổng hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ ra quyết định kinh doanh cho Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh.
  - Đầu mối triển khai quy trình đánh giá nội bộ mức đủ vốn, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai đầy đủ các bước đánh giá nội bộ mức đủ vốn theo quy định của SHB, phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
  - Đầu mối triển khai các báo cáo ra bên ngoài liên quan đến công tác quản trị rủi ro, đánh giá nội bộ mức đủ vốn, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc phục vụ các đối tác, nhà đầu tư của SHB.
  - Triển khai công tác đào tạo & truyền thông về quản lý rủi ro đảm bảo tất cả thành viên trong Ngân hàng nhận thức đầy đủ, nhất quán về tầm quan trọng của công tác QLRR, nâng cao năng lực QLRR, chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong từng hoạt động hằng ngày tại đơn vị mình và hoạt động của Ngân hàng nói chung, hình thành văn hóa QLRR trong toàn hệ thống SHB.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Lãnh đạo trong từng thời kỳ.

4.14 Khối Ngân hàng số

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm và định kỳ của Khối trên cơ sở phù hợp với kế hoạch, định hướng kinh doanh chung của Ngân hàng và chiến lược, lộ trình chuyển đổi số của SHB.
- Lập kế hoạch, xây dựng và đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai số hóa các trải nghiệm dành cho KHCN và KHDN tại SHB.
- Xây dựng năng lực nội bộ về chuyển đổi số (đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng của các nhân sự) thông qua các hoạt động sau:
  - Áp dụng phương thức tiếp cận dựa trên hành trình của khách hàng để thiết kế và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.
  - Tối ưu tư duy thiết kế để xây dựng các trải nghiệm khách hàng mới dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc về khách hàng và khởi đầu từ con số 0 (zero–base).
  - Triển khai phương pháp luận Agile để tăng tốc độ đưa ra giao phẩm, từ đó tạo ra giá trị sớm hơn cho SHB và khách hàng, bao gồm các kỹ năng và năng lực mới (ví dụ như Product Owner, Scrum Master, UI/UX, Change Management, Data…).
  - Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu (data–based decision making). Các quyết định của các nhóm triển khai (squad) được căn cứ vào kết quả phân tích dữ liệu để tối ưu trải nghiệm khách hàng và hiệu quả kinh doanh.
- Xác định các định vị giá trị khách hàng số, mô hình kinh doanh các sản phẩm dịch vụ số, từ đó triển khai các hoạt động marketing số, kinh doanh số, phát triển đối tác qua kênh số để gia tăng nguồn lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng số (NHS).
- Nghiên cứu, đề xuất và xây dựng các quy định, chính sách để xây dựng, triển khai, quản lý các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số.
- Xây dựng mô hình Ngân hàng số toàn năng (Digital Challenger Bank) để giúp SHB nhảy vọt lên trước các đối thủ hiện tại và tạo lập vị thế dẫn đầu lĩnh vực ngân hàng số trong thập kỷ tới. Để xây dựng được mô hình này, SHB cần xác định vị trí rõ ràng của Ngân hàng số toàn năng trong toàn bộ lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB, thống nhất về phân khúc khách hàng mục tiêu, tuyên bố giá trị khách hàng và mô hình kinh doanh để Khối Ngân hàng số và các đơn vị có liên quan tập trung toàn bộ nỗ lực triển khai.

4.15 Khối Công nghệ thông tin

- Tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ mới, sản phẩm của đối thủ cạnh tranh trên thị trường và các xu hướng của ngành Ngân hàng trên thế giới phục vụ công tác tham mưu xây dựng chiến lược và kế hoạch CNTT đáp ứng chiến lược kinh doanh của SHB;
- Xây dựng, cập nhật định kỳ Kiến trúc tổng thể CNTT (EA – Enterprise Architecture) và thực hiện công tác quản lý, giám sát, rà soát, phê duyệt thiết kế các hệ thống CNTT đảm bảo phù hợp với kiến trúc tổng thể, tuân thủ các nguyên tắc kiến trúc đã được đề ra;
- Tư vấn và thiết kế các giải pháp công nghệ mức tổng quan;
- Xây dựng các tiêu chuẩn kiến trúc công nghệ và định kỳ cập nhật các tiêu chuẩn này;

- Tiếp nhận nhu cầu CNTT, các yêu cầu về ứng dụng CNTT từ các đơn vị nghiệp vụ, thực hiện phân tích sơ bộ nhu cầu này từ đó đề xuất các phương án triển khai phù hợp và hiệu quả;
- Xây dựng, quản lý danh mục các công việc của Khối, theo dõi giám sát tiến độ, định kỳ báo cáo tình hình triển khai công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc;
- Quản lý danh mục dự án CNTT theo chiến lược, lộ trình và nhu cầu kinh doanh, quản trị của Ngân hàng; tổ chức triển khai, quản lý triển khai dự án đảm bảo mục tiêu, phạm vi, tiến độ, chất lượng, nguồn lực, ngân sách và rủi ro của dự án;
- Tổ chức các công tác vận hành các hệ thống CNTT (bao gồm phần cứng và phần mềm), thực hiện giám sát các hệ thống này và xử lý các sự cố CNTT phát sinh;
- Triển khai công tác tối ưu hiệu năng hệ thống, định kỳ thực hiện bảo hành bảo trì hệ thống CNTT;
- Tiếp nhận và xử lý tất cả các yêu cầu hỗ trợ về CNTT của người dùng cuối (bao gồm cả yêu cầu phân quyền truy cập vào các hệ thống);
- Tổ chức công tác giám sát an ninh mạng 24/7, kịp thời phát hiện, phản ứng xử lý sự kiện, sự cố ANTT;
- Triển khai công tác đánh giá rủi ro CNTT, kịp thời nhận diện, phân tích các rủi ro CNTT tồn tại, đề xuất phương án, theo dõi và đôn đốc xử lý rủi ro CNTT;
- Triển khai công tác đánh giá bảo mật các hệ thống CNTT định kỳ và khi hệ thống có thay đổi, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các điểm yếu bảo mật có thể bị tấn công mạng;
- Triển khai công tác kiểm tra tuân thủ Chính sách, QĐ, QT CNTT, cải tiến liên tục QĐ, QT CNTT;
- Xây dựng danh mục dịch vụ CNTT, triển khai và duy trì danh mục dịch vụ CNTT;
- Thiết lập các mục tiêu, chỉ tiêu chất lượng cho các dịch vụ CNTT. Thực hiện giám sát, đo lường, đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ CNTT.

4.16 Khối Kiểm toán nội bộ

- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với ĐVKD và đơn vị khác trong hệ thống SHB;
- Xây dựng, rà soát để trình BKS ban hành, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Kiểm toán viên nội bộ, các quy định nội bộ của BKS về KTNB, kế hoạch KTNB;
- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGĐ SHB và các cá nhân, bộ phận có liên quan;
- Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các Cơ quan chức năng khác đối với KTNB;
- Lập báo cáo về KTNB theo quy định của NHNN;

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.17 Khối Chuyển đổi

- Tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc xây dựng và quản lý chiến lược toàn hàng theo định hướng của Ủy Ban Chiến lược và HĐQT
  - Xây dựng chiến lược toàn hàng thông qua phân tích, dự báo tình hình kinh tế, thị trường và đối thủ cạnh tranh
  - Giám sát và tổ chức quản lý chiến lược toàn hàng
  - Lập kế hoạch triển khai chiến lược chuyển đổi thống nhất theo định hướng chiến lược của Ngân hàng
- Xây dựng, phát triển và tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc xây dựng và quản lý kiến trúc tổ chức cho ngân hàng
  - Thiết lập, giám sát và quản trị Kiến trúc doanh nghiệp tổng thể của ngân hàng
  - Tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc xây dựng kiến trúc doanh nghiệp của ngân hàng
  - Xây dựng kiến trúc nghiệp vụ, vận hành và công nghệ cho các sáng kiến chuyển đổi
- Xây dựng, phát triển và tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu
  - Thiết lập, giám sát và quản trị cấu trúc và vận hành thông tin – dữ liệu trong quá trình chuyển đổi của ngân hàng
  - Triển khai chiến lược xây dựng và quản trị thông tin, dữ liệu của ngân hàng
  - Hỗ trợ phân tích dữ liệu cho các dự án/chương trình/sáng kiến chiến lược
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc, Ủy Ban Chiến lược và Hội đồng Quản trị đánh giá tính khả thi và hiệu quả sáng kiến/dự án chuyển đổi mang tính chiến lược
  - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc/Ủy Ban Chiến lược/Hội Đồng Quản Trị đánh giá tính khả thi và hiệu quả sáng kiến/dự án chuyển đổi mang tính chiến lược; xây dựng kế hoạch hành động, phương án triển khai chi tiết các dự án chuyển đổi do Khối Chuyển Đổi làm Đơn vị chủ quản
  - Đánh giá phân tích khả thi các sáng kiến/dự án chuyển đổi theo phân luồng: Ngân hàng bán lẻ/Ngân hàng Doanh nghiệp/Vận hành tác nghiệp theo phân khúc và định hướng phát triển khách hàng hệ sinh thái, chuỗi giá trị của tệp khách hàng chiến lược/khách hàng doanh nghiệp lớn và thế mạnh của Ngân hàng
  - Phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, xu hướng ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các ngành khác, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin các Ngân hàng có cùng quy mô làm dữ liệu tham khảo cho việc xây dựng các yêu cầu của các dự án
  - Đánh giá thực trạng thị phần, địa bàn, phân khúc, khách hàng hệ sinh thái, chuỗi giá trị của tệp khách hàng chiến lược/khách hàng doanh nghiệp lớn, các điểm mạnh, điểm hạn

chế, thách thức (SWOT) của Ngân hàng để làm thông tin đầu vào cho việc xây dựng, đánh giá tính khả thi các yêu cầu của các dự án

- Tham mưu, thẩm định và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động, phương án triển khai chi tiết các dự án có tác động thay đổi tích cực, hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống
  - Tham mưu, thẩm định và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động, phương án triển khai chi tiết các dự án có tác động thay đổi tích cực, hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống từ các Khối Chức năng
  - Ghi nhận, tổng hợp, đánh giá, đưa ra nhận định/tham mưu đối với các Dự án mang tính chất cải tiến, chuyển đổi từ các Đơn vị trên phạm vi toàn hệ thống
  - Xây dựng các cơ chế – chính sách có liên quan đối với nhóm nhân sự/nhóm chức năng tham gia vào các dự án nhằm tạo động lực cho CBNV phát huy hết khả năng; đóng góp vào sự phát triển bền vững chung của Ngân hàng
- Hỗ trợ và giám sát việc thực hiện chuyển đổi của các Khối nghiệp vụ theo phân luồng theo đúng định hướng của Tổng Giám đốc/Hội đồng Quản trị
  - Hỗ trợ và giám sát việc thực hiện chuyển đổi của các Khối nghiệp vụ theo phân luồng: Ngân hàng bán lẻ/Ngân hàng Doanh nghiệp/Vận hành tác nghiệp hoặc các phân luồng được Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc phê duyệt từng thời kỳ
  - IIỗ trợ, tham mưu đến các Khối nghiệp vụ thực hiện các sáng kiến/dự án mang tính chuyển đổi do các Khối Nghiệp vụ chủ quản; đảm bảo tính đồng bộ – nhất quán và vận hành xuyên suốt trong quá trình vận hành
  - Hỗ trợ chuyển các dự án chuyển đổi trọng điểm, trong đó chú trọng vào các dự án nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, tinh gọn bộ máy, ứng dụng khoa học – công nghệ ngành tài chính – ngân hàng
  - Tham mưu/phối hợp cùng các Khối chức năng xây dựng các cơ chế – chính sách nhằm gia tăng trải nghiệm CBNV, hướng đến một môi trường làm việc hạnh phúc, chuyên nghiệp, năng động và hiệu quả
  - Tham mưu/phối hợp cùng các Khối chức năng xây dựng các cơ chế – chính sách nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng, nâng cao mức cạnh tranh trên thị trường, hướng đến mục tiêu xây dựng Ngân hàng thương mại cổ phần có tầm ảnh hưởng tích cực ở Việt Nam và Khu vực
- Tham mưu, điều chỉnh, cải tiến hệ thống Văn bản lập quy, hệ thống/công cụ quản lý nền tảng khác nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động chung
  - Tham mưu, điều chỉnh, cải tiến các Văn bản lập quy (Quy chế, Quy định, Quy trình), hệ thống/công cụ nền tảng nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao hiệu quả hoạt động
  - Thiết kế, phát triển tổ chức, các cách thức vận hành tổ chức tương thích với chiến lược chuyển đổi trong từng giai đoạn, trong đó trọng tâm chuyển đổi các hệ thống/công cụ hiện hữu theo định hướng chuyển đổi trong từng thời kỳ

- Gia tăng năng suất lao động bằng cách tinh gọn các biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo quá trình vận hành được xuyên suốt và giảm thiểu rủi ro trong tác nghiệp
- Hỗ trợ người dùng trong các ứng dụng liên quan đến chức năng quản trị văn bản; lưu trữ văn bản hành, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt và dễ sử dụng nhưng vẫn đảm bảo an toàn hệ thống
- Tham mưu cải tiến liên tục các văn bản lập quy, các hệ thống/công cụ trong quá trình vận hành liên quan đến Quy trình tối ưu trên phạm vi toàn hệ thống
- Tham mưu cải tiến các văn bản quy định có liên quan đến chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng theo định hướng rút ngắn thời gian xử lý giao dịch, giảm các bước nhận thông tin, biểu mẫu… trong quá trình giao dịch, nhưng vẫn đảm bảo về mặt quản trị rủi ro

- Cập nhật các xu hướng ngành, đảm bảo các thông tin ứng dụng liên tục, sát thực tế, phù hợp với định hướng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Ngân hàng trong từng thời kỳ
  - Cập nhật các xu hướng ngành Tài chính – Ngân hàng và các lĩnh vực có liên quan khác, đảm bảo các thông tin sát thực tế, phù hợp với định hướng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tổng giám đốc/Hội đồng Quản trị
  - Phân tích các dữ liệu thu thập làm nguồn thông tin đầu vào, trên cơ sở tham mưu cho các Dự án nhằm gia tăng tính hiệu quả, đảm bảo chi phí, ngân sách, nguồn nhân lực trong quá trình triển khai và sau khi vận hành
  - Nghiên cứu, phát triển các dự án mang tính mới, hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động – hình ảnh – thương hiệu của Ngân hàng trong từng giai đoạn
  - Tham mưu các chiến lược chuyển đổi mang tính thực tiễn, khả quan và vận dụng những mô hình hiệu quả của ngành Ngân hàng ở Việt Nam, khu vực và thế giới, góp phần nâng tầm thương hiệu Ngân hàng lên một vị thế mới
- Trực tiếp thực hiện các dự án chuyển đổi, có ý kiến tham mưu, phản hồi về các đóng góp chuyển đổi từ các Đơn vị trên phạm vi toàn hệ thống
  - Trực tiếp triển khai các dự án chuyển đổi trọng điểm, trong đó chú trọng vào các dự án nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, tinh gọn bộ máy, ứng dụng khoa học – công nghệ ngành tài chính – ngân hàng
  - Triển khai thực hiện các dự án chuyển đổi: Trình phê duyệt, đánh giá chi phí, mức độ tác động của dự án chuyển đổi; xây dựng kế hoạch hành động triển khai chi tiết theo các nội dung được phê duyệt
  - Có ý kiến tham mưu, phản hồi về các đóng góp chuyển đổi từ các Đơn vị trên phạm vi toàn hệ thống; đảm bảo tính khách quan, minh bạch và nhất quán trong quá trình tham mưu
  - Theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo những thành tựu, hạn chế, ưu điểm, nhược điểm của từng dự án và có kế hoạch hành động tương ứng

- Tổ chức truyền thông dự án, chuyển giao kết quả dự án tới Đơn vị vận hành; báo cáo theo dõi đánh giá kết quả dự án sau chuyển giao; hoàn thiện các thủ tục – hồ sơ sau giai đoạn chuyển giao

- Triển khai và quản lý các Dự án chuyển đổi trọng tâm theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc/Hội đồng Quản trị trong thời kỳ
  - Trực tiếp triển khai, điều phối và quản lý các Dự án chuyển đổi trọng tâm theo chỉ đạo của Tổng giám đốc/Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ
  - Tham mưu kế hoạch hành động, cách thức vận hành, triển khai và bàn giao cho các Đơn vị sử dụng sau quá trình chuyển đổi
  - Thiết lập cách thức đo, ghi nhận hiệu quả hoặc hạn chế phát sinh trong quá trình chuyển đổi, hướng đến hoàn thiện công tác chuyển đổi ở từng dự án
- Làm việc với đối tác dự án trong trường hợp được lựa chọn tham gia dự án có bên thứ ba và vai trò tư vấn chiến lược hoặc triển khai chuyển đổi ở từng chức năng.

4.18 Khối Quản lý tài chính kế toán

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng kế toán:
  - Thực hiện công tác hạch toán Kế toán cho toàn hệ thống ngân hàng SHB: Kế toán xây dựng cơ bản, Kế toán thuế, phí, lệ phí; doanh thu; chi phí hoạt động; phải thu, phải trả; tài sản/CCDC, lương, thưởng…
  - Kiểm tra và giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tài chính.
  - Phân tích và tổng hợp thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất các giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị và quyết định các phương án kinh doanh, quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.
  - Cung cấp thông tin chính xác cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ cho sự chỉ đạo thực thi các chính sách kế toán, chính sách thuế.
  - Lập và trình bày báo cáo Tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các chuẩn mực khác được quy định; kiểm soát tài khoản, cân đối và thực hiện xác minh số dư; hạch toán và đối soát số liệu chia sẻ doanh thu và phân bổ chi phí toàn hàng.
  - Lập và gửi báo cáo thống kê, các thông tin tài chính SHB định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan chức năng, các đối tác bên ngoài.
  - Thực hiện các hoạt động kế toán cho toàn hàng: thanh toán, kê khai, báo cáo, quyết toán tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của SHB với Ngân sách nhà nước; tiếp nhận thông tin, thông báo, yêu cầu từ Cơ quan Thuế để trực tiếp làm việc và giải trình trước cơ quan Thuế khi có yêu cầu.
  - Nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình, hướng dẫn, mẫu biểu liên quan đến hoạt động kế toán.
- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng kiểm soát kế toán – thuế:

- Xây dựng, ban hành và củng cố các chính sách liên quan đến Kế toán – Thuế.
- Thực hiện công tác kiểm soát Kế toán – Thuế tại Hội sở.
- Thiết lập chính sách và phương thức kiểm soát rủi ro và tuân thủ Kế toán – Thuế toàn hàng dựa trên các yếu tố rủi ro và trọng yếu.
- Thực hiện triển khai và giám sát kiểm soát rủi ro và tuân thủ Kế toán – Thuế toàn hàng dựa trên các yếu tố rủi ro và trọng yếu.
- Thực hiện các báo cáo kiểm soát rủi ro và tuân thủ trong lĩnh vực Kế toán – Thuế dựa trên các yếu tố rủi ro và trọng yếu.

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng quản trị tài chính, quản lý kế hoạch kinh doanh:
  - Xây dựng các chính sách, quy định, quy trình Quản trị tài chính nội bộ, đáp ứng một cách đầy đủ nhu cầu quản lý của SHB, minh bạch, công bằng, thống nhất, dễ vận hành và tạo động lực phát triển.
  - Xây dựng khung, tiêu chuẩn, chỉ số làm cơ sở để thẩm định, giám sát, đánh giá về mặt hiệu quả tài chính, ngân sách đầu tư đối với toàn hàng, Khối kinh doanh, Vùng, ĐVKD.
  - Xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính, ngân sách, chi phí, thu nhập, nguồn lực toàn hàng hằng năm và dài hạn theo định hướng kinh doanh và chiến lược của ngân hàng.
  - Giám sát các chỉ tiêu, chỉ số tài chính toàn hàng theo tiêu chuẩn và quy định của SHB, theo kế hoạch, định hướng kinh doanh hằng năm và chiến lược ngân hàng.
  - Kiểm soát và giám sát chi phí toàn hàng, các Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, Vùng và các ĐVKD nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí.
  - Phân tích tài chính chuyên sâu nhằm giám sát, đánh giá và tham mưu cho HĐQT và TGĐ về các chỉ số tài chính, các chỉ tiêu mục tiêu toàn hàng.
  - Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn xây dựng kế hoạch kinh doanh, thiết lập các chỉ tiêu, đánh giá, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Khối/Ban/Trung tâm/Vùng/DVKD.
  - Định hướng và phân bổ kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu toàn hàng hằng năm cho Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, Vùng, Công ty con.
  - Tham định kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, Vùng, ĐVKD, Công ty con theo mục tiêu toàn hàng hằng năm.
  - Giám sát, đánh giá, đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh của các Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, Vùng, ĐVKD và Công ty con.
  - Tổng hợp và đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch của Khối, Vùng, ĐVKD và Công ty con.
  - Thẩm định về hiệu quả tài chính, chỉ số/nguồn lực hiệu quả, ngân sách đối với các sản phẩm, cơ cấu danh mục sản phẩm, giá/gói sản phẩm, các chương trình khuyến mại, sáng kiến, dự án chuyển đổi của các Đơn vị.

- Nghiên cứu thị trường và phân tích đối thủ cạnh tranh: nghiên cứu, đánh giá, dự báo xu hướng thị trường, phân tích năng lực cạnh tranh của SHB và đối thủ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- Phân tích chuyên sâu kết quả kinh doanh và hiệu quả tài chính của các sản phẩm, phân khúc, kênh bán… để cung cấp hỗ trợ thông tin cho các Khối kinh doanh trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh.
- Tham gia đóng góp ý kiến và tư vấn cho các Khối kinh doanh trong việc triển khai phát triển kinh doanh bao gồm: giá/gói sản phẩm, phân khúc khách hàng, kênh bán, các chương trình khuyến mại, các chương trình thúc đẩy bán, các sáng kiến kinh doanh và dự án chuyển đổi quan trọng.

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng quản trị dữ liệu:
  - Tham mưu xây dựng, điều chỉnh các chính sách, quy định, quy trình quản lý dữ liệu và báo cáo, đảm bảo phù hợp với thông lệ thị trường và quy định pháp luật.
  - Nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp, tiêu chuẩn hóa chỉ tiêu và danh mục báo cáo thống kê; các công cụ và giải pháp công nghệ hỗ trợ việc lập báo cáo thống kê chính xác, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của NHNN.
  - Tham mưu các giải pháp khai thác dữ liệu phục vụ lập báo cáo phân tích, hỗ trợ lãnh đạo trong việc ra quyết định kinh doanh và quản trị rủi ro, hỗ trợ cho quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu.
  - Tham mưu cơ chế phòng ngừa rủi ro và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong công tác quản trị dữ liệu và báo cáo thống kê.
  - Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quy trình để cụ thể hóa các chính sách, quy định, hướng dẫn của NHNN đối với công tác báo cáo thống kê trong phạm vi toàn hàng nói riêng, đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức, quy định nội bộ của SHB từng thời kỳ, đảm bảo các văn bản ban hành không được trái với cơ chế, chính sách, quy định của NHNN và quy định của pháp luật có liên quan.
  - Phát triển các công cụ và hệ thống hỗ trợ giám sát chất lượng và tiến độ báo cáo, giúp phát hiện và khắc phục kịp thời các sai sót.
  - Cập nhật hệ thống báo cáo định kỳ theo các quy định và hướng dẫn mới nhất từ NHNN.
  - Cung cấp hướng dẫn, tư vấn cho các ĐVKD trong quá trình thực hiện báo cáo thống kê tại đơn vị theo yêu cầu của cơ quan quản lý tại địa bàn.
  - Triển khai xây dựng khung quản trị dữ liệu (Data Governance Framework), bao gồm vai trò, trách nhiệm và quy trình phối hợp giữa các khối liên quan, đảm bảo tính đồng nhất trong cách thức quản lý dữ liệu trên toàn hệ thống.
  - Xây dựng và ban hành các chính sách, quy trình, quy chế nội bộ của ngân hàng để tuân thủ Nghị định 13/NĐ-CP, cập nhật thường xuyên các văn bản đã ban hành đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của cơ quan quản lý.

- Hướng dẫn các đơn vị có liên quan trong nội bộ SHB thực hiện các quy định liên quan đến bảo vệ và khai thác dữ liệu khách hàng theo Nghị định 13/NĐ-CP.
- Quản lý kho dữ liệu mô hình, đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ các yêu cầu vận hành và tính toán mô hình.
- Xây dựng các quy trình, quy định nội bộ liên quan đến quản trị, sử dụng, vận hành mô hình, phối hợp xây dựng hệ thống quản trị vận hành và giám sát mô hình tài chính.
- Xây dựng và vận hành các mô hình tính toán tổn thất tín dụng dự phòng rủi ro tín dụng theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và hướng dẫn của cơ quan quản lý, đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong quản trị tính toán.
- Xây dựng các mô hình, công cụ, hệ thống phục vụ việc phân tích chỉ số tài chính nhằm dự báo các thay đổi, các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ quá trình ra quyết định kinh doanh, kế hoạch phát triển kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.
- Đề xuất và triển khai các công cụ tự động hóa nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý dữ liệu và báo cáo, bao gồm xây dựng kho lưu trữ thông minh và hệ thống hỗ trợ phân tích dữ liệu tiên tiến.
- Thực hiện các báo cáo thống kê gửi NHNN và các cơ quan chức năng quản lý theo phân công từng thời kỳ.
- Thực hiện cung cấp thông tin liên quan đến chỉ tiêu, số liệu trong hệ thống báo cáo thống kê đảm bảo tuân thủ thủ tục quy định pháp luật, quy định nội bộ của SHB.
- Tư vấn cung cấp thông tin phù hợp cho các đơn vị bên ngoài, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ cũng như đáp ứng được nhu cầu thông tin của khách hàng, đối tác, nhà đầu tư.
- Hỗ trợ các đơn vị trong việc truy xuất dữ liệu phục vụ quản trị rủi ro và phát triển kinh doanh.

- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng mua sắm:
  - Lập hồ sơ mời thầu, phối hợp với các Khối/Ban/Trung tâm/Phòng chuyên môn có nhiệm vụ ra đầu bài thầu để làm rõ đề bài, tiến độ thực hiện, thời gian yêu cầu, xây dựng tiêu chí lựa chọn nhà thầu, nhằm lựa chọn nhà thầu có năng lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu của SHB.
  - Thực hiện công tác mời thầu, chấm thầu, lựa chọn nhà thầu, đơn vị cung cấp các hạng mục mua sắm đảm bảo tuân thủ quy chế tài chính của SHB.
  - Xây dựng, quản lý và triển khai chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn các ĐVKD trong công tác mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản, công cụ dụng cụ, hàng hóa, dịch vụ trên toàn hệ thống SHB.

- Chủ động nghiên cứu, tìm kiếm, cập nhật và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin thị trường, hệ thống nhà cung cấp trong và ngoài nước có uy tín về chất lượng, sản phẩm, giá cả (bao gồm toàn bộ hệ thống nhà cung cấp tài sản, hàng hóa, xây dựng cơ bản, dịch vụ...).
- Định kỳ hằng năm lập báo cáo theo dõi đánh giá các nhà cung cấp đang thực hiện với SHB để từ đó có các phương án sử dụng, lựa chọn nhà cung cấp các hạng mục mua sắm của SHB cho các năm tiếp theo.
- Thực hiện các báo cáo việc mua sắm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, của SHB và các cơ quan chức năng theo định kỳ hay đột xuất.
- Quản lý, duy trì và cải thiện chất lượng các nhà cung cấp đảm bảo công tác mua sắm được hoàn thiện.
- Thực hiện công tác thẩm định mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của TGĐ và HĐQT.
- Phối hợp với các Đơn vị chuyên môn xây dựng hệ thống dữ liệu chấm thầu: dữ liệu quy chuẩn về vật tư, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc trưng, phục vụ SHB; Ngân hàng dữ liệu giá; Ngân hàng dữ liệu các nhà thầu.
- Phối hợp với các Ban/Trung tâm/Đơn vị khác để thu thập thông tin phản hồi nhằm giám sát chất lượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ đã mua sắm tại SHB.

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Lãnh đạo trong từng thời kỳ.

4.19 Khối Quản lý tín dụng:

- Tham mưu, giúp việc HĐQT, Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, mục tiêu kế hoạch quản lý các hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống;
- Trực tiếp thẩm định tín dụng, phê duyệt cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng vượt quyền của đơn vị kinh doanh;
- Quản lý, giám sát hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống;
- Xây dựng khung thẩm định và phê duyệt, chuẩn hóa các tiêu chí/tiêu chuẩn so sánh, đánh giá khách hàng đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh và quản trị rủi ro của SHB trong từng thời kỳ;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.20 Khối Pháp chế và tuân thủ:

- Tham mưu, giúp việc HDQT, Ban Điều hành về các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành hoạt động của SHB khi được yêu cầu nhằm mục đích bảo đảm an toàn pháp lý trong hoạt động kinh doanh của SHB.
- Tư vấn và đưa ra giải pháp pháp lý phù hợp nhu cầu hoạt động của các Đơn vị trong hoạt động kinh doanh hoặc khi có các vướng mắc pháp lý phát sinh nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của SHB được thông suốt, an toàn pháp lý và bảo đảm tối đa quyền lợi của SHB.

- Làm đầu mối hoặc phối hợp với các Đơn vị đầu mối để đàm phán, thương lượng với các đối tác, khách hàng hoặc bên thứ ba khác trong các giao dịch, thương vụ, hợp đồng, ... để bảo đảm tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của SHB.
- Thẩm định, tham gia ý kiến về các khía cạnh pháp lý đối với các hợp đồng, văn bản của SHB ký kết với các khách hàng, đối tác (không có hoặc khác với mẫu biểu Hợp đồng của SHB).
- Làm đầu mối xây dựng, chỉnh sửa hệ thống mẫu biểu Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm của SHB nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích hợp pháp của SHB và khách hàng, đối tác, góp phần phục vụ hoạt động kinh doanh của SHB được an toàn, hiệu quả.
- Tư vấn, đề xuất giải pháp pháp lý phù hợp hoặc đại diện SHB trong quá trình giải quyết tranh chấp và tham gia tố tụng với các bên liên quan (bao gồm tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài) diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (trừ hoạt động khởi kiện, tham gia tố tụng và thi hành án để thu hồi nợ và/hoặc có liên quan đến hoạt động thu hồi nợ, các hoạt động tố tụng ngoài lãnh thổ Việt Nam và chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài).
- Thực hiện nghiên cứu, cảnh báo các rủi ro pháp lý có thể phát sinh và đưa ra giải pháp phòng ngừa các rủi ro pháp lý này trong quá trình hoạt động quản trị điều hành và kinh doanh của SHB.
- Phối hợp với các Đơn vị liên quan tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh nói chung.
- Đầu mối, phối hợp với Đơn vị đầu mối làm việc với các cá nhân, tổ chức tư vấn pháp luật, luật sư theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, để cung cấp các dịch vụ pháp lý cho SHB (nếu có).
- Đầu mối, phối hợp với Đơn vị đầu mối tham gia các hội thảo, hội nghị và các diễn đàn pháp luật theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, để cập nhật thông tin và các quy định pháp luật theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
- Đánh giá tác động của các văn bản pháp luật mới ban hành có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của SHB và/hoặc hệ thống văn bản của SHB để báo cáo HĐQT, Ban điều hành, gửi các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống SHB. Đánh giá tác động bao gồm: cập nhật các điểm mới của văn bản luật; đánh giá các tác động của điểm mới đó đến hệ thống văn bản cũng như hoạt động của SHB; đề xuất các chỉnh sửa trong hệ thống văn bản của SHB cũng như các thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của SHB nhằm tuân thủ quy định mới. Đồng thời, đánh giá tác động của văn bản nội bộ mới với các văn bản hiện hành của SHB tại thời điểm ban hành văn bản nội bộ mới đó.
- Quản lý toàn bộ hệ thống văn bản tại SHB (bao gồm ban hành, rà soát, chỉnh sửa/bổ sung, quy chuẩn chất lượng văn bản...) đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong hoạt động soạn thảo và ban hành văn bản toàn hệ thống, phù hợp với quy định của SHB và pháp luật.
- Đôn đốc, đánh giá, theo dõi các đơn vị đầu mối trong việc rà soát, chỉnh sửa văn bản nhằm nâng cao chất lượng, phù hợp và tuân thủ với quy định của SHB và quy định pháp luật.

- Hỗ trợ các bộ phận liên quan trong việc xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; xử lý các vướng mắc về việc tuân thủ quy định của pháp luật theo quy định nội bộ của SHB
- Định kỳ đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định pháp luật của các quy định nội bộ của SHB3.
- Báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của SHB, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của SHB.
- Rà soát, đánh giá quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận tuân thủ để trình TGĐ sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết.
- Báo cáo định kỳ/đột xuất cho TGĐ về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của SHB; báo cáo TGĐ, thông báo cho các bộ phận liên quan về thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của SHB.
- Đầu mối phối hợp với các Khối/Ban/Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đầu mối hoặc phối hợp với các Đơn vị để tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức pháp luật, kiến thức về tuân thủ nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ trong toàn hệ thống SHB.
- Tuân thủ nội quy, quy định nội bộ và góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp SHB.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, phân công của lãnh đạo có thẩm quyền.

4.21 Các chi nhánh, phòng giao dịch:

- Tổ chức hoạt động và phát triển kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan phù hợp với các quy định về quản lý, điều hành của SHB và của pháp luật;
- Xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh thương hiệu giữa ngân hàng trên địa bàn, đầu mối đại diện SHB trong việc xây dựng, phát triển mối quan hệ giữa Ngân hàng với các cơ quan/ban ngành/đối tác/khách hàng trên địa bàn;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành:

SHB có 03 công ty con như sau:

Bảng 1: Danh sách công ty con của SHB

Stt	Tên công ty	Ngày thành lập	Được thành lập theo	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của SHB tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại SHB
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	11/03/2009	GCNĐKDN số 0103811666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2009	Quản lý nợ và khai thác tài sản	31/12/2023	100%	0%
					31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%
2	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào	23/03/2015	GCNĐKDN số 554/2018/CV-SHB.LAO do Ngân hàng Trung ương CHDCND Lào cấp ngày 08/07/2015	Tài chính /Ngân hàng	31/12/2023	100%	0%
					31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia	19/10/2015	GPHĐ số B.35 ngày 31/10/2016 của Ngân hàng Quốc gia Campuchia và Giấy chứng nhận số MOC-6193635 của Bộ Thương mại Campuchia	Tài chính /Ngân hàng	31/12/2023	100%	0%
					31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%

Nguồn: SHB

5.3.Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành: Không có

5.4.Thông tin về những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

5.5.Thông tin về những công ty liên doanh, liên kết của Tổ chức phát hành

SHB có 01 công ty liên kết như sau:

Bảng 2: Danh sách công ty liên kết của SHB

Stt	Tên công ty	Ngày thành lập	Được thành lập theo	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của SHB tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại SHB
1		12/12/2016			31/12/2023	50%	0%

Stt	Tên công ty	Ngày thành lập	Được thành lập theo	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của SHB tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại SHB
	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance)		GCNĐKDN số 0107779290 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/03/2017	Tài chính, tín dụng	31/12/2024	50%	0%
					31/12/2025	50%	0%

Nguồn: SHB

Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 25/08/2021 của HĐQT Ngân hàng đã thông qua việc Ngân hàng chuyển nhượng 100% sở hữu của Ngân hàng tại SHB Finance, công ty con của Ngân hàng. Việc chuyển nhượng vốn được chia thành 2 giai đoạn, giai đoạn hiện tại Ngân hàng đã hoàn thành các thủ tục chuyển 50% vốn điều lệ cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya ("Krungsri") của Thái Lan – thành viên Tập đoàn MUFG (Nhật Bản). Sau 3 năm cùng sở hữu SHB Finance, Ngân hàng sẽ chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại cho Krungsri và Krungsri sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất của SHB Finance. Ngày 25/04/2023, NHNN ban hành Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 21/GP-NHNN (thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính MTV TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 71/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2021) với thời gian hoạt động là 50 năm với số vốn điều lệ là 1.000.000 triệu đồng. Ngày 09/06/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107779290, sửa đổi lần thứ 7, ghi nhận danh sách thành viên góp vốn của SHB Finance bao gồm Ngân hàng và Krungsri với tỷ lệ 50% vốn góp mỗi bên. Do SHB Finance đã được thỏa thuận để chuyển nhượng cho Krungsri, Krungsri có quyền bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt tại SHB Finance và thông qua đó thực hiện quyền kiểm soát đối với SHB Finance. Hiện tại, Ngân hàng vẫn có ảnh hưởng đáng kể tới chính sách và hoạt động của SHB Finance, do đó, đã ghi nhận khoản đầu tư còn vào SHB Finance là công ty liên kết tại ngày 31/03/2025.

Ngày 04/11/2024, HĐQT SHB đã ban hành Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua bán/chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Krungsri. Thời gian thực hiện: sau khi có chấp thuận của NHNN.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngân hàng được thành lập năm 1993 với vốn điều lệ là 400 triệu VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ lên 45.942.000.240.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn của SHB được trình bày dưới đây:

Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ kể từ khi thành lập

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	1993			400.000.000	Thành lập	- Giấy phép hoạt động số 0041 NH/GP ngày 13/11/1993 của NHNN - Giấy ĐKKD 063912 do Trọng tài Kinh tế tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993
2	1995	600.000.000	600	1.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Giấy ĐKKD số 063912 do Ủy ban Kế hoạch tỉnh Cần Thơ cấp lần thay đổi lần 01 ngày 09/11/1995
3	1996	2.000.000.000	2.000	3.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 259/CV-NH5 ngày 03/05/1996 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái (tiền thân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội) - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 02 ngày 15/5/1996
4	1999	2.000.000.000	2.000	5.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 273/CV-NH5 ngày 03/05/1999 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 03 ngày 27/5/1999
5	2002	3.500.000.000	3.500	8.500.000.000	Phát hành	- Văn bản số 166/2022.TH ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 04 ngày 19/9/2002
6	2004	3.500.000.000	3.500	12.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 17/NHNN.CTH2 ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 7 ngày 23/2/2004
7	2005	58.329.000.000	583.290	70.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Biên bản ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2005 ngày 04/07/2005 - Văn bản số 52/CTH7 ngày 18/7/2005 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 185/TTr/NHNA-2005 ngày 24/8/2005 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 64/CTH7 ngày 24/08/2005 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 8 ngày 29/8/2005
8	02/2006	48.000.000.000	480.000	118.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 06/TTr/NHNA-2006 ngày 20/2/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 12/CTH7 ngày 22/02/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 9 ngày 27/02/2006

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
9	03/2006	12.000.000.000	120.000	130.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 19/TTr/NHNA-2006 ngày 06/03/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 15/CTH7 ngày 07/03/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 10 ngày 15/03/2006
10	06/2006	171.600.000.000	1.716.000	301.929.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006 - Văn bản số 53/CTH7 ngày 14/06/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nhơn Ái tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 029/TTr/HĐQT.2006 ngày 22/06/2006 của Ngân hàng TMCP Nhơn Ái về việc xin chuẩn y vốn điều lệ - Văn bản số 58/CTH7 ngày 30/06/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 12 ngày 15/09/2006
11	12/2006	198.071.000.000	1.980.710	500.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006 - Văn bản số 100/CTH7 ngày 27/11/2006 của NHNN về việc chấp thuận thay đổi vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 13 ngày 26/12/2006

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
12	2007	1.500.000.000.000	150.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2007 của Đại hội đồng cổ đông - Văn bản số 77/CTH7 ngày 14/08/2007 của NHNN về việc chấp thuận cho SHB thay đổi vốn Điều lệ trong năm tài chính 2007. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 187/UBCK-GCN ngày 08/10/2007 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 14 ngày 28/12/2007
13	2010	1.497.519.070.000	149.751.907	3.497.519.070.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/11/2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2010 - Công văn số 472/QĐ-NHNN ngày 31/03/2010 của Thống đốc NHNN về việc chấp thuận cho SHB được phát hành cổ phiếu - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 578/UBCK-GCN ngày 03/06/2010 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 17 ngày 20/10/2010
14	2011	1.318.276.400.000	131.827.640	4.815.795.470.000	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010 - Công văn số 79/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2011 của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi số 488/UBCK-GCN ngày 31/12/2009 của UBCKNN - Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi số 80/HĐQT ngày 12/05/2011 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 18 ngày 17/05/2011
15	2012	4.050.000.000.000	405.000.000	8.865.795.470.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội để sáp nhập	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2012 - Quyết định số 1559 ngày 07/08/2012 của NHNN về việc chấp thuận giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 27/UBCK-GCN ngày 18/7/2012 của UBCKNN - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 166/HĐQT ngày 28/8/2012 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 21 ngày 29/10/2012
16	2015	620.149.140.000	62.014.914	9.485.944.610.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 của ĐHĐCĐ - Công văn số 5420/NHNN-TTGSNH ngày 17/07/2015 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của SHB. - Công văn số 4650/UBCK-QLPH ngày 24/07/2015 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 24 ngày 03/06/2016
17	2016	710.946.390.000	71.094.639	10.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 06/04/2016 của HĐQT và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 06/04/2016 - Công văn số 9609/NHNN-TTGSNH ngày 16/12/2016 của NHNN - Công văn số 8381/UBCK-QLCB ngày 19/12/2016 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017
18	2017	1.000.000.000.000	100.000.000	11.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel để sáp nhập	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 06/04/2016 của HĐQT và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 06/04/2016 - Quyết định số 2400/QĐ-NHNN ngày 12/12/2016 của NHNN về việc sáp nhập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu để hoán đổi số 63/GCN-UBCK của UBCKNN cấp. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017
19	2018	839.270.100.000	83.927.010	12.036.161.100.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 14/04/2017 của HĐQT - Công văn số 350/NHNN-TTGSNH.m ngày 26/04/2017 của NHNN - Công văn số 6353/UBCK-QLCB ngày 22/09/2017 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 26 ngày 16/05/2018
20	2020	5.473.929.840.000	547.392.984	17.510.090.940.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 11/04/2019 của HĐQT SHB và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 11/04/2019 - Công văn số 9693/NHNN-TTGSNH ngày 11/12/2019 của NHNN - Công văn số 10184/NHNN-TTGSNH ngày 27/12/2019 của NHNN

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 156/GCN-UBCK ngày 31/12/2019 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 27 ngày 11/3/2021
21	05/2021	1.750.397.430.000	175.039.743	19.260.488.370.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2020 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 01/HĐQT ngày 04/06/2020 của HĐQT - Công văn số 2514/NHNN-TTGSNH ngày 15/04/2021 của NHNN - Công văn số 1508/UBCK-QLCB ngày 20/04/2021 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 28 ngày 09/06/2021
22	11/2021	7.413.209.620.000	741.320.962	26.673.697.990.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của ĐHĐCĐ - Công văn số 6662/NHNN-TTGSNH ngày 17/09/2021 của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 252/GCN-UBCK ngày 02/11/2021 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 31 ngày 12/08/2022
23	2022	4.000.133.970.000	400.013.397	30.673.831.960.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 của ĐHĐCĐ - Công văn số 7102/NHNN-TTGSNH ngày 10/10/2022 của NHNN - Công văn số 7265/UBCK-QLCB ngày 02/11/2022 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 32 ngày 17/01/2023
25	2023	5.520.149.170.000	552.014.917	36.193.981.130.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN - Công văn số 4201/UBCK-QLCB ngày 30/06/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 34 ngày 20/09/2023
26	2024	435.104.290.000	43.510.429	36.629.085.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ - Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN - Công văn số 9409/UBCK-QLCB ngày 29/12/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 35 ngày 02/07/2024
27	02/2025	4.028.384.600.000	402.838.460	40.657.470.020.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của ĐHĐCĐ - Công văn số 10678/NHNN-TTGSNH ngày 30/12/2024 của NHNN - Công văn số 187/UBCK-QLCB ngày 12/03/2025 của UBCKNN - Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội
28	08/2025	5.284.530.220.000	528.453.022	45.942.000.240.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 của ĐHĐCĐ - Công văn số 6241/NHNN-QLGS ngày 18/07/2025 của NHNN - Công văn số 5033/UBCK-QLCB ngày 08/09/2025 của UBCKNN - Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

SHB không thực hiện các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của SHB tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của SHB tại ngày 31/12/2025

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ phiếu quỹ**	**1**	**496.186**	**0,011%**
2	**Trong nước**	**159.162**	**4.410.656.186**	**96,005%**
a	Cá nhân trong nước	158.907	3.704.421.200	80,633%
b	Tổ chức trong nước	255	706.234.986	15,372%
3	**Nước ngoài**	**608**	**183.047.652**	**3,984%**
a	Cá nhân nước ngoài	536	7.736.529	0,168%
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	72	175.311.123	3,816%
	Tổng cộng	**159.771**	**4.594.200.024**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của SHB do VSDC cung cấp ngày 31/12/2025

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

- Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2025: 5.000.000.000.000 VND
- Đặc điểm: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2025: 15.030.000.000.000 VND
- Đặc điểm:

- 13.030.000.000.000 là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
- 2.000.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.

Bảng 5: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2025

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	**Năm 2024**					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBL2427002	1.000.000.000.000	17/07/2024	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
2	SHBL2427003	1.000.000.000.000	05/08/2024	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
II	**Năm 2025**					
Trái phiếu ra công chúng						
1	SHBC7Y202401	2.350.619.000.000	28/02/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của SHB
2	SHBC7Y202402	2.649.381.000.000	28/07/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của SHB

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHB12501	3.000.000.000.000	18/06/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
2	SHB12502	1.500.000.000.000	14/07/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
3	SHB12503	800.000.000.000	15/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
4	SHB12504	500.000.000.000	21/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
5	SHB12505	750.000.000.000	25/09/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
6	SHB12506	380.000.000.000	28/10/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
7	SHB12507	600.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
8	SHB12508	500.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
Tổng cộng		**15.030.000.000.000**				

Nguồn: SHB

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Căn cứ văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB là 30%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 13/02/2026 (bao gồm cá nhân và tổ chức) tại SHB là 160.730.506 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 3,50%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác…

- **<u>Sản phẩm, dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân:</u>**

- ***Tài khoản thanh toán & các dịch vụ liên quan:***

SHB cung cấp nhiều loại tài khoản thanh toán và đóng gói các sản phẩm dịch vụ thanh toán phù hợp với từng phân khúc khách hàng như:

+ Gói giải pháp thanh toán trọn gói dành cho KHCN Cao cấp với các chính sách ưu đãi hấp dẫn
+ Gói giải pháp thanh toán Đẳng cấp vượt trội dành cho các khách hàng duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn (Casa) ở mức cao và ổn định, tích hợp nhiều tiện ích thanh toán phù hợp với nhu cầu quản lý tài chính của khách hàng

+ Gói dịch vụ trọn gói dành cho chủ hộ kinh doanh bao gồm quản lý dòng tiền và loa thanh toán với tính năng bảo mật với nhiều phương thức, giúp khách hàng an tâm, thuận tiện trong giao dịch
+ Gói tài khoản trả lương với nhiều ưu đãi thanh toán dành cho khách hàng đến từ các đối tác đã ký kết thoả thuận chiến lược với SHB, dựa trên cơ sở thấu hiểu đặc điểm và nhu cầu của khách hàng
+ Sản phẩm tài khoản số đẹp với quyền lợi cho phép khách hàng lựa chọn toàn bộ dãy số của tài khoản theo nhu cầu cá nhân hoá, kèm theo nhiều ưu đãi giá phí linh hoạt, giúp tăng trải nghiệm và gắn kết khách hàng;
+ Dịch vụ kết nối thanh toán trên Cổng Dịch vụ Công Quốc gia cho các khách hàng có nhu cầu: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; nộp phạt xử lý hành chính; nộp tiền điện; nộp thuế; nộp phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nộp xử lý vi phạm hành chính; nộp viện phí và các khoản phí trong thực hiện dịch vụ y tế; nộp học phí và các khoản phí trong dịch vụ giáo dục và đào tạo; nộp án phí....

- ***Sản phẩm tiền gửi:***

SHB cung cấp các sản phẩm tiết kiệm với đặc tính linh hoạt, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng:

+ Tiết kiệm gửi góp: dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiền tại SHB nhằm tích lũy tài chính định kỳ hoặc thường xuyên để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sử dụng vốn trong tương lai;
+ Tiết kiệm lãi suất bậc thang theo số tiền: là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với lãi suất lũy tiến theo mức tiền gửi. Vì vậy, khách hàng gửi tiền với cùng một kỳ hạn nhưng khoản tiền gửi càng lớn thì lãi suất càng cao;
+ Hợp đồng tiền gửi: kỳ hạn linh hoạt (ngày/tuần/tháng/năm);
+ Tiết kiệm online: sản phẩm đáp ứng nhu cầu gửi tiền mọi lúc mọi nơi với mức lãi suất ưu đãi, tiết kiệm thời gian tối đa cho khách hàng vì không cần chờ đợi giao dịch tại Ngân hàng.

- ***Sản phẩm tín dụng:***

Các sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân của SHB được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng từ sản xuất kinh doanh tới tiêu dùng phục vụ đời sống. Các sản phẩm bao gồm:

+ Cho vay sản xuất kinh doanh;
+ Cho vay mua nhà dự án/nhà dân cư;
+ Cho vay xây dựng, sửa chữa nhà;
+ Cho vay mua ô tô;
+ Cho vay tiêu dùng;
+ Cho vay tái tài trợ các khoản vay tại TCTD khác của khách hàng theo mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, mua nhà, mua ô tô, tiêu dùng;
+ Cầm cố giấy tờ có giá: sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, kỳ phiếu do các TCTD phát hành.

Theo chiến lược về chuyển đổi số và hiện đại hóa Ngân hàng, SHB đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số qua ứng dụng SHB Mobile, bao gồm:

+ Sản phẩm vay thấu chi online tín chấp;
+ Sản phẩm vay online cầm cố sổ tiết kiệm.

- ***Sản phẩm, dịch vụ thẻ:***

Ngoài các dòng sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa dành cho nhóm khách hàng vãng lai/khách hàng trả lương, SHB còn cung cấp các sản phẩm thẻ quốc tế bao gồm:

+ Thẻ tín dụng SHB Visa Platinum/SHB Mastercard World: dành cho nhóm khách hàng trung và cao cấp, có hạn mức tín dụng cao với nhu cầu chi tiêu cao với chính sách phí, lãi ưu đãi so với các sản phẩm thẻ cùng loại trên thị trường;
+ Thẻ tín dụng SHB Mastercard Cashback: dành cho nhóm khách hàng có nhu cầu chi tiêu tiêu dùng hàng ngày với chính sách ưu đãi hoàn tiền cho các hoạt động chi tiêu thuộc các lĩnh vực gồm: siêu thị, giáo dục, bảo hiểm, y tế và thời trang;
+ Thẻ tín dụng SHB Mastercard Truly Free: là sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế với nhiều ưu đãi về phí như: miễn phí thường niên trọn đời cho thẻ chính; miễn phí chuyển đổi trả góp trên App SHB & Hotline 24/7 với kỳ hạn 3 tháng; miễn phí phát hành thẻ và ưu đãi khác theo chương trình của SHB từng thời kỳ;
+ Các sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế như thẻ ghi nợ đồng thương hiệu SHB FCB Mastercard, thẻ Visa Debit/Mastercard Debit với thiết kế dọc trẻ trung, hiện đại: phù hợp với các khách hàng trẻ, văn phòng, khách hàng chi lương với mức phí cạnh tranh trên thị trường (phí chuyển đổi ngoại tệ, hoàn tiền,...).

- ***Dịch vụ ngân hàng điện tử:***

SHB phát triển ngân hàng số theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính trong toàn bộ hành trình sử dụng dịch vụ, đồng thời bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ quy định pháp luật.

Các nhóm dịch vụ chính trên nền tảng số gồm:

+ **Định danh và quản lý tài khoản:**
  Mở tài khoản trực tuyến qua eKYC, xác thực sinh trắc học thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia; quản lý và tra cứu thông tin tài khoản, tiền gửi, tiền vay trên Internet Banking và ứng dụng ngân hàng số.
+ **Thanh toán và giao dịch:**
  Chuyển khoản nội bộ và liên ngân hàng 24/7; thanh toán hóa đơn, QR Pay; nạp tiền, thanh toán dịch vụ; tích hợp thanh toán trên các nền tảng và hệ sinh thái đối tác.
+ **Thẻ và thẻ tín dụng:**
  Phát hành và phê duyệt thẻ tín dụng trực tuyến; quản lý thẻ trên kênh số (kích hoạt, khóa/mở thẻ, thay đổi hạn mức, trả góp); đẩy mạnh khai thác khách hàng qua các chương trình liên kết và hệ sinh thái tiêu dùng.

+ **Tín dụng số:**
Cấp tín dụng trực tuyến đối với thấu chi tín chấp, thẻ tín dụng, vay cầm cố sổ tiết kiệm với quy trình phê duyệt tự động/bán tự động, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

+ **Tiết kiệm – đầu tư – bảo hiểm:**
Gửi và quản lý tiết kiệm online; triển khai sản phẩm đầu tư chứng chỉ quỹ trên nền tảng số; phân phối và quản lý các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, cung cấp giải pháp tài chính và bảo vệ toàn diện.

+ **Phát triển hệ sinh thái số:**
Mở rộng hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực giao thông, y tế, du lịch và các nền tảng công nghệ nhằm tích hợp dịch vụ tài chính vào hệ sinh thái tiêu dùng – dịch vụ công, gia tăng khả năng tiếp cận và khai thác khách hàng trên môi trường số.

- ***Dịch vụ bảo hiểm:***

SHB là đại lý của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và các công ty bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm: Công ty cổ phần tập đoàn bảo hiểm DBV, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Quân đội, Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ cho khách hàng thông qua các điểm giao dịch/kênh bán tại SHB:

+ Danh mục các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ:

+ Các sản phẩm chính: bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (tên của sản phẩm: Vững bước thịnh vượng, Cuộc sống an vui, An Gia thịnh vượng). Ngoài ra, tùy theo gói sản phẩm do khách hàng lựa chọn sẽ có thêm một số quyền lợi như: nhận lại giá trị hợp đồng sau thời gian tích lũy, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung/quỹ liên kết đơn vị, thưởng đồng hành/duy trì hợp đồng…;

+ Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (bán kèm sản phẩm chính): gia tăng mức bảo vệ trước rủi ro tai nạn, bệnh hiểm nghèo, nằm viện...

+ *+ Danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ:* Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm sức khỏe người vay vốn; Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe cơ giới; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới; Bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi trên xe nhà; Bảo hiểm nhà tư nhân; Bảo lãnh viện phí ...

- ***Dịch vụ chuyển tiền quốc tế:***

+ Dịch vụ chuyển tiền định cư, thừa kế: cung cấp giải pháp chuyển tiền ra nước ngoài hợp lí, an toàn và thuận tiện;

+ Dịch vụ chuyển tiền du học: giúp khách hàng thanh toán các chi phí cho mục đích du học (đặt cọc, học phí, sinh hoạt phí,…), hỗ trợ du học sinh nhanh chóng ổn định cuộc sống ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền trợ cấp thân nhân: giúp khách hàng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu hỗ trợ cho thân nhân ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền khám chữa bệnh và sinh hoạt phí cho người bệnh ở nước ngoài: giúp khách hàng thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình chữa trị, an tâm dưỡng bệnh ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển các loại phí và lệ phí: giúp khách hàng thanh toán các khoản phí khi sử dụng các dịch vụ ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền thăm viếng, du lịch, công tác: giúp khách hàng chi trả các chi phí của chuyến đi, yên tâm suốt hành trình ở nước ngoài.

- ***Gói sản phẩm dịch vụ dành cho đối tượng khách hàng mục tiêu:***

Ngoài các sản phẩm dịch vụ tài chính riêng lẻ, SHB chú trọng xây dựng các gói sản phẩm dịch vụ dành cho các đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm may đo sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, bao gồm:

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân cao cấp (khách hàng VIP);

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn cao và ổn định (Đẳng cấp vượt trội)

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng tiểu thương;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV các doanh nghiệp lớn;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV Kho bạc nhà nước;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng và CBNV các bệnh viện hợp tác với SHB;

+ Gói sản phẩm dành cho khách hàng là CBNV các Đơn vị Hành chính sự nghiệp;

+ Gói sản phẩm dành cho các khách hàng là CBNV các Đơn vị trả lương qua SHB.

- **<u>Sản phẩm, dịch vụ dành cho Khách hàng doanh nghiệp:</u>**

- ***Tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản:***

+ Tiền gửi: SHB cung cấp các sản phẩm tiền gửi theo các kỳ hạn linh hoạt và đa dạng phương thức tính lãi (đầu kỳ/cuối kỳ/định kỳ);

+ Dịch vụ quản lý tài khoản:

  - Dịch vụ chi trả lương;
  - Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước;
  - Giải pháp thu hộ dành cho trường học, bệnh viện;
  - Dịch vụ thu hộ qua tài khoản định danh Slink;
  - Dịch vụ thu nộp thuế hải quan điện tử 24/7;
  - Dịch vụ ký quỹ hoạt động của doanh nghiệp/đảm bảo thực hiện dự án đầu tư;
  - Dịch vụ nộp thuế hải quan điện tử theo chương trình doanh nghiệp nhờ thu;
  - Dịch vụ thông báo giao dịch tiền gửi/giấy tờ có giá qua thư điện tử Email.

- ***Tín dụng:***

SHB tập trung thiết kế các giải pháp tín dụng nhằm phục vụ nhu cầu của các khách hàng doanh nghiệp theo đặc thù các ngành kinh tế của từng địa bàn/vùng miền. Trong đó, SHB đi sâu vào các giải pháp tổng thể cho toàn bộ hệ sinh thái bao gồm các chuỗi cung cấp/chuỗi phân phối lấy các khách hàng doanh nghiệp lớn làm trọng tâm.

Sản phẩm trọn gói phục vụ các chuỗi cung cấp/chuỗi phân phối của các khách hàng doanh nghiệp lớn	+ Sản phẩm tín dụng dành cho các đối tác đầu ra của khách hàng doanh nghiệp lớn: SHB cấp sẵn một hạn mức tín dụng tín chấp cho khách hàng để chủ động hỗ trợ cho các đối tác đầu ra của mình. Theo đó, các đối tác đầu ra này được SHB cấp tín dụng tín chấp dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đã được thống nhất giữa SHB và khách hàng. + Sản phẩm tài trợ nhà cung cấp: SHB cấp tín dụng cho chuỗi các nhà cung cấp đầu vào, dựa trên khoản phải thu của các khách hàng doanh nghiệp là bên mua hàng đã được lựa chọn.
Sản phẩm tín dụng theo lĩnh vực/ngành nghề kinh tế	+ Tài trợ cho doanh nghiệp xây lắp; + Tài trợ cho doanh nghiệp ngành gạo; + Tài trợ đại lý bán vé của các hãng hàng không.
Sản phẩm tín dụng dành cho phân khúc KHDN nhỏ, siêu nhỏ	+ Cấp tín dụng nhanh: KHDN có nhu cầu cấp tín dụng ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; + Tài trợ hóa đơn: KHDN có nhu cầu vay vốn thế chấp quyền đòi nợ đã hình thành phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ trong nước; + Gia tăng hạn mức: KHDN đã được cấp tín dụng có tài sản bảo đảm tại SHB và có nhu cầu gia tăng hạn mức; + Cho vay vốn lưu động trả góp; + Cho vay doanh nghiệp mua ô tô không bao gồm mục đích kinh doanh; + Cho vay doanh nghiệp mua phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, logistic.
Sản phẩm về Bảo lãnh	+ SHB cung cấp đầy đủ các loại bảo lãnh bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh thanh toán với tỷ lệ cạnh tranh và điều kiện phát hành linh hoạt.
Sản phẩm về Tài trợ thương mại	+ Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng theo L/C; + UPAS L/C (L/C trả chậm được phép thanh toán ngay); + Cho vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thư tín dụng, nhờ thu; + Chiết khấu hối phiếu đòi nợ kèm bộ chứng từ xuất khẩu.

- ***Dịch vụ ngân hàng điện tử:***

SHB cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng nhằm mang tới cho khách hàng kênh giao dịch thay thế thuận tiện, dễ dàng và bảo mật, bao gồm:

+ Linh hoạt lựa chọn các cấp nhập – kiểm soát – phê duyệt theo quy mô của doanh nghiệp với

phương thức xác thực an toàn cho từng cấp giao dịch;

+ Thanh toán chuyển tiền 24/7 trong và ngoài ngân hàng SHB thuận tiện cho hành trình thanh toán đối tác của doanh nghiệp;
+ Thanh toán lương;
+ Thanh toán hóa đơn (điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp...), mua vé máy bay/tàu xe, đặt phòng khách sạn ...;
+ Truy vấn, sao kê tài khoản, sao kê sổ phụ trực tuyến;
+ Quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi phân phối;
+ Thấu chi, quản lý hạn mức thấu chi tối ưu nguồn vốn của doanh nghiệp;
+ Sẵn sàng kết nối linh hoạt với hệ thống quản trị của doanh nghiệp.

- ***Ngoại hối và giao dịch nguồn vốn:***

+ Giao dịch hối đoái giao ngay: là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và hoàn tất thanh toán trong vòng hai (02) ngày làm việc tiếp theo;
+ Giao dịch hối đoái kỳ hạn: là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua/bán một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai;
+ Giao dịch hối đoái hoán đổi: là giao dịch mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch), trong đó thời hạn thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng giao dịch.

10.1.2. Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động

Bảng 6: Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động của SHB (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	55.921,7	91,67%	49.481,2	91,53%	56.053,8	85,53%	13,28%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	747,4	1,23%	1.500,1	2,77%	3.390,7	5,17%	126,03%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.875,2	4,71%	1.566,5	2,90%	952,9	1,45%	-39,17%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	69,2	0,11%	9,7	0,02%	42,0	0,06%	330,94%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	183,7	0,30%	121,1	0,22%	186,0	0,28%	53,58%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	470,5	0,77%	1.338,3	2,48%	4.902,1	7,48%	266,29%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	737,4	1,21%	41,0	0,08%	9,9	0,02%	-75,95%
	Tổng cộng	**61.005,1**	**100,00%**	**54.058,0**	**100,00%**	**65.537,2**	**100,00%**	**21,24%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 7: Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động của SHB (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57.589,4	91,36%	50.511,0	91,33%	57.355,2	85,63%	13,55%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	912,7	1,45%	1.545,8	2,80%	3.428,7	5,12%	121,80%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.039,3	4,82%	1.745,1	3,16%	1.087,8	1,62%	-37,67%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	69,2	0,11%	9,7	0,02%	42,0	0,06%	330,94%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	183,7	0,29%	121,1	0,22%	186,0	0,28%	53,58%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	501,0	0,79%	1.341,8	2,43%	4.903,7	7,32%	265,46%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743,2	1,18%	29,5	0,05%	(22,8)	-0,03%	-177,16%
	Tổng cộng	**63.038,4**	**100,00%**	**55.304,1**	**100,00%**	**66.980,6**	**100,00%**	**21,11%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB;

10.1.3. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa với 100% nguồn vốn huy động hiện tại của SHB đến từ thị trường trong nước.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của Ngân hàng. Nguồn vốn huy động của SHB bao gồm:

- Tiền gửi và vay từ Chính Phủ và NHNN
- Tiền gửi của khách hàng
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Phát hành giấy tờ có giá

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Theo loại hình	**559.718,1**	**100,00%**	**670.399,4**	**100,00%**	**800.598,4**	**100,00%**	**19,42%**
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.333,7	0,24%	1.242,9	0,19%	16.553,6	2,07%	1231,89%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	69.323,6	12,39%	132.373,2	19,75%	147.488,0	18,42%	11,42%
Tiền gửi của khách hàng	444.627,8	79,44%	496.105,4	74,00%	567.655,7	70,90%	14,42%
Vốn Tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.611,2	0,29%	1.429,7	0,21%	15.804,5	1,97%	1005,48%
Phát hành giấy tờ có giá	42.821,7	7,65%	39.248,2	5,85%	53.096,6	6,63%	35,28%
II. Theo loại tiền	**559.718,1**	**100,00%**	**670.399,4**	**100,00%**	**800.598,4**	**100,00%**	**19,42%**
Bằng VND	536.874,5	95,92%	643.253,5	95,95%	762.509,1	95,24%	18,54%
Bằng ngoại tệ	22.843,6	4,08%	27.145,8	4,05%	38.089,3	4,76%	40,31%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Theo loại hình	**564.036,3**	**100,00%**	**675.908,3**	**100,00%**	**807.024,5**	**100,00%**	**19,40%**
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.333,7	0,24%	1.242,9	0,18%	16.553,6	2,05%	1231,89%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	70.766,3	12,55%	134.091,0	19,84%	149.419,5	18,51%	11,43%
Tiền gửi của khách hàng	447.503,4	79,34%	499.896,6	73,96%	572.150,3	70,90%	14,45%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Vốn Tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.611,2	0,29%	1.429,7	0,21%	15.804,5	1,96%	1005,48%
Phát hành giấy tờ có giá	42.821,7	7,59%	39.248,2	5,81%	53.096,6	6,58%	35,28%
II. Theo loại tiền	**564.036,3**	**100,00%**	**675.908,3**	**100,00%**	**807.024,5**	**100,00%**	**19,40%**
Bằng VND	536.831,3	95,18%	643.206,1	95,16%	762.460,8	94,48%	18,54%
Bằng ngoại tệ	27.205,0	4,82%	32.702,2	4,84%	44.563,7	5,52%	36,27%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Tổng số dư huy động vốn hợp nhất tại ngày 31/12/2025 của SHB đạt 807.024 tỷ VND, tăng 19,4% so với cuối năm 2024. Cụ thể, Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Huy động vốn từ Tiền gửi và vay các TCTD khác chiếm lần lượt 70,90% và 18,51% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng có giá chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay.

b) Huy động từ Phát hành giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá hợp nhất đạt 53.096 tỷ VND, tăng 35,28% so với cuối năm 2024, gồm hai loại chính là chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Việc phát hành giấy tờ có giá của SHB không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 74,73% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của SHB trong giai đoạn 2023 – 2025 và chiếm 70,90% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Theo loại hình	**444.627,8**	**100,00%**	**496.105,4**	**100,00%**	**567.655,7**	**100,00%**	**14,42%**
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	102.062,9	22,95%	111.080,3	22,39%	133.196,7	23,46%	19,91%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền gửi của cá nhân	312.672,8	70,32%	349.059,6	70,36%	394.738,9	69,54%	13,09%
Tiền gửi của các đối tượng khác	29.892,2	6,72%	35.965,6	7,25%	39.720,1	7,00%	10,44%
II. Theo kỳ hạn	**444.627,8**	**100,00%**	**496.105,4**	**100,00%**	**567.655,7**	**100,00%**	**14,42%**
Tiền gửi không kỳ hạn	42.092,4	9,47%	36.072,1	7,27%	44.573,6	7,85%	23,57%
Tiền gửi có kỳ hạn	400.659,5	90,11%	458.168,0	92,35%	520.656,5	91,72%	13,64%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	1,7	0,00%	1,3	0,00%	5,9	0,00%	350,84%
Tiền gửi ký quỹ	1.874,2	0,42%	1.863,9	0,38%	2.419,7	0,43%	29,82%
III. Theo loại tiền	**444.627,8**	**100,00%**	**496.105,4**	**100,00%**	**567.655,7**	**100,00%**	**14,42%**
Bằng VND	437.521,1	98,40%	488.450,4	98,46%	558.204,0	98,33%	14,28%
Bằng ngoại tệ	7.106,7	1,60%	7.655,0	1,54%	9.451,8	1,67%	23,47%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Theo loại hình	**447.503,4**	**100,00%**	**499.896,6**	**100,00%**	**572.150,3**	**100,00%**	**14,45%**
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	104.196,2	23,28%	112.242,6	22,45%	135.114,3	23,62%	20,38%
Tiền gửi của cá nhân	313.020,8	69,95%	350.283,5	70,07%	395.962,8	69,21%	13,04%
Tiền gửi của các đối tượng khác	30.286,4	6,77%	37.370,4	7,48%	41.073,3	7,18%	9,91%
II. Theo kỳ hạn	**447.503,4**	**100,00%**	**499.896,6**	**100,00%**	**572.150,3**	**100,00%**	**14,45%**
Tiền gửi không kỳ hạn	43.074,2	9,63%	37.158,4	7,43%	45.550,3	7,96%	22,58%
Tiền gửi có kỳ hạn	402.524,5	89,95%	460.850,8	92,19%	524.150,9	91,61%	13,74%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	1,7	0,00%	1,3	0,00%	5,9	0,00%	350,84%
Tiền gửi ký quỹ	1.903,0	0,43%	1.886,1	0,38%	2.443,2	0,43%	29,54%
III. Theo loại tiền	**447.503,4**	**100,00%**	**499.896,6**	**100,00%**	**572.150,3**	**100,00%**	**14,45%**
Bằng VND	437.481,6	97,76%	488.403,4	97,70%	558.155,7	97,55%	14,28%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Bằng ngoại tệ	10.021,8	2,24%	11.493,2	2,30%	13.994,6	2,45%	21,76%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 của SHB

Về loại hình khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, đạt trung bình 69,64% tổng lượng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 – 2025 và đạt 69,21% tổng lượng tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/12/2025. Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của SHB là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn của SHB có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 91,61% tổng tiền gửi của khách hàng tại cuối năm 2025, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 31/12/2025, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 7,96% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Tại thời diểm 31/12/2025, tỷ trọng tiền gửi nội tệ (VND) đạt 558.155 tỷ VND, tăng 14,28% so với cuối năm 2024 và chiếm tỷ trọng 97,55% tổng tiền gửi của khách hàng.

10.1.4. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Với mục tiêu phát triển bền vững, SHB xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn, đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	177.972,0	41,91%	200.786,0	39,47%	208.728,1	34,71%	3,96%
2	Nợ trung hạn	97.483,8	22,95%	124.495,6	24,47%	156.347,9	26,00%	25,59%
3	Nợ dài hạn	149.245,3	35,14%	183.438,3	36,06%	236.346,2	39,30%	28,84%
	Tổng cộng	**424.701,2**	**100,00%**	**508.720,0**	**100,00%**	**601.422,3**	**100,00%**	**18,22%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	184.512,7	42,08%	207.297,2	39,67%	215.455,2	35,04%	3,94%
2	Nợ trung hạn	97.604,7	22,26%	124.733,6	23,87%	156.575,8	25,47%	25,53%
3	Nợ dài hạn	156.346,7	35,66%	190.526,5	36,46%	242.830,9	39,49%	27,45%
	Tổng cộng	**438.464,1**	**100,00%**	**522.557,3**	**100,00%**	**614.862,0**	**100,00%**	**17,66%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay trung dài hạn hợp nhất của SHB đạt 399.406 tỷ VND, chiếm 64,96% tổng dư nợ cho vay khách hàng và tăng 52,98% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ cho vay ngắn hạn tại 31/12/2025 là 215.455 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 35,04%), tăng 3,94% so với thời điểm cuối năm 2024. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được SHB chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, SHB đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho SHB.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, SHB đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, SHB cũng thiết lập quan hệ với các khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắp thép, xăng dầu, hàng không và vận tải,...qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu,...từ những lĩnh vực này.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của SHB. Số dư bảo lãnh hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 đạt 28.259 tỷ VND, tăng 57,36% cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, SHB đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của SHB. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 ở mức 2,12% tổng dư nợ cho vay khách hàng, so với mức 2,88% tại thời điểm 31/12/2024 và mức 3,02% tại thời điểm 31/12/2023.

Bảng 14: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	403.623,1	95,04%	490.634,3	96,44%	587.079,9	97,62%	19,66%
2	Nợ cần chú ý	8.444,8	1,99%	4.476,1	0,88%	2.606,6	0,43%	-41,77%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	577,5	0,14%	1.092,0	0,21%	1.683,7	0,28%	54,18%
4	Nợ nghi ngờ	2.351,3	0,55%	1.937,9	0,38%	4.062,7	0,68%	109,65%
5	Nợ có khả năng mất vốn	9.704,5	2,29%	10.579,7	2,08%	5.989,3	1,00%	-43,39%
	Tổng cộng	**424.701,2**	**100,00%**	**508.720,0**	**100,00%**	**601.422,3**	**100,00%**	**18,22%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 15: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	416.692,2	95,03%	502.112,2	96,09%	598.846,9	97,40%	19,27%
2	Nợ cần chú ý	8.532,7	1,95%	5.380,4	1,03%	3.005,1	0,49%	-44,15%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	761,1	0,17%	1.969,4	0,38%	1.708,6	0,28%	-13,24%
4	Nợ nghi ngờ	2.493,6	0,57%	2.052,5	0,39%	4.106,7	0,67%	100,08%
5	Nợ có khả năng mất vốn	9.984,5	2,28%	11.042,8	2,11%	7.194,7	1,17%	-34,85%
	Tổng cộng	**438.464,1**	**100,00%**	**522.557,3**	**100,00%**	**614.862,0**	**100,00%**	**17,66%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được SHB nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 16: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	5.692	3.094	**8.786**
31/12/2024	4.449	3.730	**8.180**
31/12/2025	4.878	4.456	**9.334**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 17: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	5.890	3.212	**9.101**
31/12/2024	4.985	3.832	**8.816**
31/12/2025	6.159	4.562	**10.721**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN ("***Thông tư 11***") quy định về phân loại tài sản Có, mức trích lập phương pháp trích lập và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 01/07/2024, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN ("***Thông tư 31***") quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo số liệu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 là 12,59%, so với mức 11,82% tại thời điểm 31/12/2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 18: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	11,84%	11,48%	12,26%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	12,20%	11,82%	12,59%

Nguồn: SHB, tỷ lệ tính theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ("Thông Tư 41")

Từ năm 2023, SHB đã bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn của Basel III trong quản lý rủi ro thanh khoản, có sự đánh giá tuân thủ của một công ty tư vấn quốc tế nhằm bảo đảm phù hợp với những thông lệ tốt và yêu cầu của Uỷ ban Basel theo Basel III. Đồng thời, SHB đang triển khai áp dụng

Basel II theo phương pháp nâng cao IRB sẽ giúp ngân hàng tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tài chính.

10.1.5. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của SHB bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng.

Bảng 19: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.875,2	1.566,6	952,9	-39,17%
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(2.594,0)	(1.480,7)	(695,8)	-53,01%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**281,3**	**85,9**	**257,5**	**199,56%**

Nguồn: SHB

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.039,3	1.745,1	1.087,8	-37,67%
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(2.757,1)	(1.658,8)	(829,6)	-49,99%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**282,2**	**86,3**	**258,2**	**199,22%**

Nguồn: SHB

Trong năm 2025, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của SHB đạt 258,2 tỷ VND, tăng trưởng 199,22% so với mức 86,3 tỷ VND của năm 2024

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo an toàn và chính xác nguồn vốn cho khách hàng. Bên cạnh đó, SHB đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ nhận chuyển tiền trong nước khác và được khách hàng đánh giá cao.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại là một trong những dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao. Nhờ vậy, SHB nhiều năm liền được vinh dự nhận các giải thưởng tầm cỡ quốc tế như giải thưởng "Ngân hàng có chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc" do ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ) và Wells Fargo Bank

trao tặng, giải thưởng "Ngân hàng Tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Finance Asia Magazine và tạp chí Global Finance Magazine bình chọn, ngày càng khẳng định được uy tín và vị thế trong và ngoài nước.

10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Bảng 21: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
Đầu tư tài chính	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	
Chứng khoán đầu tư	**14.307,7**	40,10%	**14.891,6**	41,42%	**12.127,0**	38,00%	**-18,56%**
Chứng khoán nợ	14.344,3	40,20%	14.928,3	41,52%	12.133,7	38,02%	-18,72%
Chứng khoán Chính phủ	*5.465,9*	15,32%	*5.461,6*	15,19%	*5.457,3*	17,10%	*-0,08%*
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	*0,0*	0,00%	*905,2*	2,52%	*2.000,0*	6,27%	*120,96%*
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	*8.878,4*	24,88%	*8.561,5*	23,81%	*4.676,5*	14,65%	*-45,38%*
Chứng khoán vốn	29,5	0,08%	28,7	0,08%	28,7	0,09%	0,00%
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	*0,8*	0,00%	*0,0*	0,00%	*0,0*	0,00%	*#DIV/0!*
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	*28,7*	0,08%	*28,7*	0,08%	*28,7*	0,09%	*0,00%*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(66,1)	-0,19%	(65,3)	-0,18%	(35,4)	-0,11%	-45,86%
Dự phòng giảm giá	*(0,3)*	0,00%	*(0,4)*	0,00%	*(0,3)*	0,00%	*-22,92%*
Dự phòng chung	*(65,8)*	-0,18%	*(64,0)*	-0,18%	*(35,1)*	-0,11%	*-45,21%*
Dự phòng cụ thể	*0,0*	0,00%	*(0,9)*	0,00%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**17.756,0**	49,77%	**17.444,4**	48,52%	**16.173,0**	50,67%	**-7,29%**
Chứng khoán nợ	17.833,6	49,98%	17.813,0	49,55%	16.173,0	50,67%	-9,21%
Chứng khoán Chính phủ	*16.807,1*	47,11%	*16.430,9*	45,70%	*11.759,9*	36,85%	*-28,43%*
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	*500,0*	1,40%	*855,5*	2,38%	*4.413,1*	13,83%	*415,82%*

Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	*526,5*	1,48%	*526,5*	1,46%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	*(77,7)*	-0,22%	*(368,6)*	-1,03%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Dự phòng chung	*(3,9)*	-0,01%	*0,0*	0,00%	*0,0*	0,00%	-
Dự phòng cụ thể	*(73,7)*	-0,21%	*(368,6)*	-1,03%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Góp vốn, Đầu tư dài hạn	**3.615,2**	10,13%	**3.615,2**	10,06%	**3.615,2**	11,33%	**0,00%**
Đầu tư vào công ty con	3.043,9	8,53%	3.043,9	8,47%	3.043,9	9,54%	0,00%
Đầu tư vào công ty liên kết	500,0	1,40%	500,0	1,39%	500,0	1,57%	0,00%
Công ty TNHH Tài chính Ngân hàng SHB	*500,0*	1,40%	*500,0*	1,39%	*500,0*	1,57%	*0,00%*
Các khoản đầu tư dài hạn khác	158,3	0,44%	158,3	0,44%	158,3	0,50%	0,00%
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	*114,3*	0,32%	*114,3*	0,32%	*114,3*	0,36%	*0,00%*
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	*44,0*	0,12%	*44,0*	0,12%	*44,0*	0,14%	*0,00%*
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(87,0)	-0,24%	(87,0)	-0,24%	(87,0)	-0,27%	*0,00%*
Tổng cộng	**35.678,9**	100,00%	**35.951,2**	100,00%	**31.915,2**	100,00%	**-11,23%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 22: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2025		Tăng/giảm 2025/2024
Đầu tư tài chính	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	
Chứng khoán đầu tư	**14.307,7**	44,05%	**14.891,6**	45,43%	**12.127,0**	42,22%	**-18,56%**
Chứng khoán nợ	14.344,3	44,17%	14.928,3	45,54%	12.133,7	42,25%	-18,72%
Chứng khoán Chính phủ	*5.465,9*	16,83%	*5.461,6*	16,66%	*5.457,3*	19,00%	*-0,08%*
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	*0,0*	0,00%	*905,2*	2,76%	*2.000,0*	6,96%	*120,96%*
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	*8.878,4*	27,34%	*8.561,5*	26,12%	*4.676,5*	16,28%	*-45,38%*
Chứng khoán vốn	29,5	0,09%	28,7	0,09%	28,7	0,10%	0,00%

Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	*0,8*	0,00%	*0,0*	0,00%	*0,0*	0,00%	*#DIV/0!*
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	*28,7*	0,09%	*28,7*	0,09%	*28,7*	0,10%	*0,00%*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(66,1)	-0,20%	(65,3)	-0,20%	(35,4)	-0,12%	-45,86%
Dự phòng giảm giá	*(0,3)*	0,00%	*(0,4)*	0,00%	*(0,3)*	0,00%	*-22,92%*
Dự phòng chung	*(65,8)*	-0,20%	*(64,0)*	-0,20%	*(35,1)*	-0,12%	*-45,21%*
Dự phòng cụ thể	*0,0*	0,00%	*(0,9)*	0,00%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**17.756,0**	54,67%	**17.444,4**	53,22%	**16.173,0**	56,31%	**-7,29%**
Chứng khoán nợ	17.833,6	54,91%	17.813,0	54,35%	16.173,0	56,31%	-9,21%
Chứng khoán Chính phủ	*16.807,1*	51,75%	*16.430,9*	50,13%	*11.759,9*	40,95%	*-28,43%*
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	*500,0*	1,54%	*855,5*	2,61%	*4.413,1*	15,37%	*415,82%*
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	*526,5*	1,62%	*526,5*	1,61%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	*(77,7)*	-0,24%	*(368,6)*	-1,12%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Dự phòng chung	*(3,9)*	-0,01%	*0,0*	0,00%	*0,0*	0,00%	-
Dự phòng cụ thể	*(73,7)*	-0,23%	*(368,6)*	-1,12%	*0,0*	0,00%	*-100,00%*
Góp vốn, Đầu tư dài hạn	**414,4**	1,28%	**441,3**	1,35%	**420,8**	1,47%	**-4,63%**
Đầu tư vào công ty liên kết	343,2	1,06%	370,0	1,13%	346,4	1,21%	-6,39%
Công ty TNHH Tài chính Ngân hàng SHB	*343,2*	1,06%	*370,0*	1,13%	*346,4*	*1,21%*	*-6,39%*
Các khoản đầu tư dài hạn khác	158,3	0,49%	158,3	0,48%	*158,3*	0,55%	0,00%
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	*114,3*	0,35%	*114,3*	0,35%	*114,3*	0,40%	*0,00%*
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	*44,0*	0,14%	*44,0*	0,13%	*44,0*	0,15%	*0,00%*
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(87,0)	-0,27%	(87,0)	-0,27%	(83,8)	-0,29%	*-3,66%*
Tổng cộng	**32.478,1**	**100,00%**	**32.777,3**	**100,00%**	**28.720,9**	**100,00%**	**-12,38%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 28.720,9 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2025, giảm 12,38% so với cuối năm 2024.

b) Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu chiến lược đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng, Ngân hàng số được yêu thích nhất, Ngân hàng SHB luôn nỗ lực, đầu tư vào công nghệ, sản phẩm và nguồn nhân lực để trở thành một trong các ngân hàng có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam.

Cùng với sự phát triển các sản phẩm của ngân hàng, sản phẩm và dịch vụ thẻ là một trong các sản phẩm dịch vụ được SHB ưu tiên phát triển trên nhiều phương diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời đem lại nhiều tiện ích và đặc biệt là các đặc tính an toàn của sản phẩm dịch vụ dành cho chủ thẻ. Hiện nay, cùng với việc là ngân hàng thành viên của tổ chức liên minh thẻ tại Việt Nam – Công ty Cổ phần Thanh Toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), SHB còn là ngân hàng thành viên của các tổ chức thẻ Quốc tế lớn là Visa và MasterCard. Điều đó đã tạo thuận lợi cho các chủ thẻ của SHB có nhiều lựa chọn đối với các sản phẩm thẻ chip EMV contactless an toàn, tiện lợi để sử dụng thẻ trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như trên toàn cầu.

Đồng thời với việc phát triển sản phẩm, đầu tư hệ thống thẻ, SHB luôn luôn chú trọng đến các biện pháp an toàn bảo mật đối với các sản phẩm và dịch vụ thẻ để phòng ngừa rủi ro gian lận. Đặc biệt là bảo mật các dữ liệu thẻ, dữ liệu chủ thẻ trong hoạt động phát hành, lưu trữ, và thanh toán thẻ. SHB đã triển khai thành công Hệ thống tiêu chuẩn bảo mật dành cho thẻ thanh toán - PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standards) và Hệ thống xác thực giao dịch thẻ online 3D Secure.

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, SHB tiếp tục duy trì chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, Ngân hàng số được yêu thích nhất, trong đó sản phẩm thẻ sẽ là mũi nhọn để SHB đạt được mục tiêu nêu trên.

c) Hoạt động Ngân hàng đại lý

Từ năm 2008, SHB chính thức triển khai dịch vụ thanh toán quốc tế (TTQT) thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương với ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới thông qua việc trao đổi SWIFT CODE. Cho đến nay SHB đã thiết lập quan hệ đại lý với khoảng 500 ngân hàng, hiện diện ở nhiều khu vực: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Mỹ La Tinh và một số nước tại Châu Phi. Bên cạnh việc phát triển khách hàng TTQT, nghiệp vụ TTQT của SHB luôn được sự tín nhiệm cao của các ngân hàng đại lý, tỷ lệ điện TTQT đạt chuẩn SWIFT, đạt 98%.

Hiện nay, ngoài hai loại tài khoản ngoại tệ chính là USD và EUR, SHB đã mở thêm nhiều tài khoản bằng các loại ngoại tệ khác nhau để phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng như tài khoản SGD, JPY, AUD, GBP, HKD và 02 tài khoản đa tệ khác.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của SHB được thực hiện bởi Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance).

Năm 2023, SHB đã hoàn tất chuyển nhượng 50% vốn cổ phần tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan (thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG, Nhật Bản) đã tạo thêm động lực mới và toàn diện cho SHBFinance trong việc đẩy nhanh

thực hiện các kế hoạch trung và dài hạn theo các chuẩn mực quốc tế, cũng như trong chiến lược phát triển một công ty tài chính có thế mạnh hàng đầu Việt Nam về công nghệ và số hóa.

Ngày 04/11/2024, SHB đã công bố Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri). Thời gian thực hiện: sau khi có chấp thuận của NHNN.

10.2. Tài sản

Bảng 23: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2025 (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

TSCĐ tại 31/12/2025	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**1.564,6**	**824,5**	**52,70%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	678,3	459,7	67,78%
Máy móc, thiết bị	190,2	61,7	32,42%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	213,9	77,7	36,33%
Dụng cụ quản lý	482,0	225,2	46,72%
Tài sản cố định khác	0,3	0,3	87,11%
Tài sản cố định vô hình	**5.113,9**	**4.710,4**	**92,11%**
Quyền sử sụng đất	4.360,4	4.353,3	99,84%
Phần mềm vi tính	733,5	354,8	48,37%
Tài sản cố định vô hình khác	20,1	2,3	11,23%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 24: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

TSCĐ tại 31/12/2025	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**1.618,6**	**828,6**	**51,19%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	707,6	462,3	65,34%
Máy móc, thiết bị	200,0	62,2	31,12%

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	219,5	78,0	35,55%
Dụng cụ quản lý	490,7	225,7	45,99%
Tài sản cố định khác	0,7	0,3	35,29%
Tài sản cố định vô hình	**5.119,4**	**4.710,4**	**92,01%**
Quyền sử sụng đất	4.360,4	4.353,3	99,84%
Phần mềm vi tính	736,0	355,1	48,25%
Tài sản cố định vô hình khác	23,0	2,0	8,68%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

10.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a) Quản lý rủi ro tín dụng

Quản lý rủi ro tín dụng tại SHB được triển khai trên cơ sở quản trị rủi ro tổng thể, bảo đảm nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro một cách chủ động, liên tục và có hệ thống. Hoạt động quản lý rủi ro tín dụng tuân thủ khẩu vị rủi ro, phù hợp với chiến lược kinh doanh và năng lực vốn của ngân hàng, tuân thủ yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hướng đến chuẩn mực quản trị rủi ro theo các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) Thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; (ii) Hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện; (iii) Nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ rủi ro tín dụng. SHB cũng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng trong điều kiện hoạt động bình thường và trong điều kiện thị trường có diễn biến bất lợi. Trong đó, với tình huống thị trường có diễn biến bất lợi SHB sử dụng phương pháp kịch bản để dự báo tốc độ tăng trưởng tín dụng và chất lượng nợ để từ đó xây dựng kế hoạch dự phòng, có các biện pháp kiểm soát, giám sát và giảm thiểu nợ xấu kịp thời, phù hợp.

Năm 2025, SHB đã hoàn thành xây dựng, triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phát triển hệ thống tính vốn theo phương pháp nâng cao Basel II- IRB dưới sự tư vấn của Công ty tư vấn quốc tế (Big 4). Trong thời gian tới, SHB sẽ mở rộng ứng dụng công nghệ và dữ liệu lớn trong quản lý rủi ro tín dụng, giúp nâng cao tính chính xác trong đánh giá rủi ro và ra quyết định tín dụng.

Bên cạnh đó, SHB đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội (ESMS) với cấu trúc rõ ràng và tích hợp trong quy trình cấp tín dụng. Đồng thời, SHB không ngừng mở rộng và nâng cao năng lực trong việc tăng trưởng tín dụng xanh cũng như thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, phát triển danh mục tín dụng xanh một cách bền

vững. Trên hành trình bứt tốc trong kỷ nguyên mới, SHB hướng tới xây dựng một mô hình ngân hàng hiện đại, an toàn và bền vững, nơi quản lý rủi ro MTXH không chỉ là công cụ kiểm soát, mà còn là động lực tạo giá trị dài hạn cho ngân hàng, khách hàng và cộng đồng.

b) Quản lý rủi ro hoạt động

SHB đã triển khai toàn diện khung quản lý rủi ro hoạt động (RRHĐ) đáp ứng yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các thông lệ quốc tế.

Năm 2025, SHB ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai công tác đánh giá rủi ro và đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát nhằm đảm bảo chủ động nhận diện, phòng ngừa RRHĐ với các sản phẩm/quy trình nghiệp vụ/dự án trọng yếu của Ngân hàng. Đồng thời, SHB tiếp tục tăng cường triển khai các hoạt động nâng cao văn hóa quản lý rủi RRHĐ tại tất cả các Đơn vị kinh doanh SHB, thiết lập nhân sự Đầu mối tại mỗi Chi nhánh/Trung tâm kinh doanh và duy trì công tác chia sẻ, đào tạo nội bộ về quản lý RRHĐ tại chính các Đơn vị.

Trong bối cảnh hiện nay phát sinh ngày càng nhiều các sự kiện RRHĐ gian lận bên ngoài liên quan đến tội phạm công nghệ cao sử dụng hồ sơ giả mạo, công nghệ swapface hoặc các ứng dụng chỉnh ảnh bằng AI, … để mở và sử dụng tài khoản thanh toán, tập trung phần lớn vào tài khoản thanh toán trực tuyến, SHB đã nhanh chóng triển khai các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, cải tiến công tác nhận diện rủi ro, truyền thông qua các kênh nhằm phòng ngừa tổn thất cho khách hàng cũng như ngân hàng.

Bên cạnh đó, trước tác động gia tăng của biến đổi khí hậu cực đoan và thiên tai trên diện rộng, SHB đã đặc biệt chú trọng tăng cường công tác quản trị và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục. Theo đó, Ngân hàng đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động như rà soát, sửa đổi quy định; ban hành mới các quy trình, công văn hướng dẫn; đẩy mạnh công tác truyền thông, khảo sát mức độ sẵn sàng trước mùa mưa lũ; tổ chức đào tạo cho các Đơn vị thực hiện nhằm bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt.

c) Quản lý rủi thị trường

giá trị tài sản tài chính: Định kỳ đo lường trạng thái rủi ro thị trường bằng các chỉ số: trạng thái mở, độ nhạy PV01, đánh giá PnL theo giá trị thị trường (MtM) và giá trị rủi ro VaR, tăng cường giám sát biến động lãi suất và tỷ giá, tối ưu hóa danh mục tài sản tài chính để giảm thiểu tác động từ rủi ro thị trường.

SHB áp dụng chiến lược quản lý rủi ro thị trường và xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường đảm bảo phù hợp khung quản trị rủi ro của Ngân hàng, đáp ứng các thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel II cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý về quản trị rủi ro thị trường.

Ngoài ra, SHB thực hiện xây dựng các kịch bản diễn biến bất lợi về thị trường như lãi suất/tỷ giá, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (stress test) rủi ro thị trường, xác định tác động đến giá trị tài sản và vốn, từ đó, đánh giá khả năng chịu đựng của Ngân hàng và đưa ra các giải pháp để ứng phó theo các kịch bản, tình huống

d) Quản lý rủi ro thanh khoản

SHB đã hoàn thành triển khai và áp dụng quản lý rủi ro thanh khoản theo tiêu chuẩn Basel III (LCR, NSFR) và triển khai công cụ đo lường quản lý tài sản nợ có (FTP, ALM) tiên tiến, giúp

kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh khoản và có dự phòng chủ động trong trường hợp thị trường có diễn biến bất lợi.

Ngân hàng cũng xây dựng các kịch bản và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản (stress test) định kỳ 6 tháng, đánh giá khả năng thanh khoản và quản trị vốn trong cả điều kiện bình thường và diễn biến bất lợi. Bên cạnh đó, SHB tiếp tục thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, cân bằng tài sản – nợ phải trả và theo dõi sát sao các chỉ số thanh khoản đảm bảo ngân hàng luôn chủ động và có phương án ứng phó kịp thời.

Trong năm 2025, SHB đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1 Dự án ALM với đối tác tư vấn Big 4 - cấu phần phương pháp luận ALM và trong năm 2026 sẽ tiếp tục giai đoạn 2 - triển khai hệ thống ALM, góp phần nâng cấp và hoàn thiện khung chính sách, phương pháp luận cũng như công cụ đo lường, giám sát rủi ro thanh khoản, tăng tính hiệu quả quản lý bảng cân đối và giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro cho Ngân hàng.

e) Quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng. Để quản lý rủi ro lãi suất, SHB thực hiện duy trì mức độ cân bằng hợp lý về cơ cấu kỳ hạn/kỳ tái định giá giữa tài sản có và nợ phải trả, áp dụng chính sách lãi suất cơ sở phù hợp,... từ đó hạn chế rủi ro lãi suất mà Ngân hàng có thể gặp phải như rủi ro định giá lại (repricing risk), rủi ro cơ bản (basic risk),...

SHB ban hành và áp dụng hạn mức rủi ro lãi suất sổ ngân hàng phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh và khẩu vị rủi ro, bao gồm: Hạn mức Gap lãi suất, hạn mức NII. Ngân hàng đo lường rủi ro lãi suất đối với VND và ngoại tệ có giá trị từ 5% tổng tài sản trở lên thông qua phương pháp và các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất; đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE); xác định vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III. Cùng với việc triển khai Dự án phương pháp luận ALM trong năm 2025 và dự kiến triển khai giai đoạn 2 – giải pháp ALM trong năm 2026, SHB tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện khung chính sách, phương pháp luận cũng như công cụ đo lường, giám sát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

10.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HĐQT SHB đã định hướng và giám sát chặt chẽ việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật và từng bước tiệm cận các thông lệ quốc tế. Công tác quản trị rủi ro được xác định là một trong những trụ cột cốt lõi hỗ trợ triển khai chiến lược ngân hàng hiệu quả, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số, ngân hàng xanh.

10.3.3. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2026

Trong bối cảnh nền kinh tế bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với các yêu cầu cao về an toàn hệ thống và quản trị rủi ro, SHB vẫn kiên định với mục tiêu tăng trưởng đi cùng an toàn- hiệu quả, mở rộng đi cùng bền vững, đổi mới đi cùng chuẩn mực. Công tác quản trị rủi ro liên tục được cải tiến và triển khai toàn diện, làm nền tảng vững vàng để SHB đổi mới, bứt tốc trong kỷ nguyên mới.

Với mục tiêu thiết lập hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo an toàn hoạt động và khả năng phòng vệ trước rủi ro dự kiến phát sinh, SHB sẽ tiếp tục triển khai ứng dụng các công cụ/mô hình nhận diện, đo lường rủi ro tiên tiến phù hợp với mô hình kinh doanh của SHB. Đồng thời, triển khai triển khai chiến lược quản trị rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động ngân hàng và hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Tiệm cận các chuẩn mực quản lý rủi ro của quốc tế (Basel) và nâng cao văn hóa và năng lực quản trị rủi ro

Bên cạnh đó, với mục tiêu duy trì đủ vốn cho các loại rủi ro trọng yếu, SHB thường xuyên thực hiện các biện pháp tối ưu hóa RWA và cải thiện năng lực vốn của Ngân hàng, thông qua đó đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN luôn trên 11%, cao hơn mức tối thiểu quy định của NHNN là 8% và duy trì trên tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu của SHB trong cả điều kiện bình thường và điều kiện có diễn biến bất lợi. Việc này nhằm đảm bảo SHB có bộ đệm vốn nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

10.4. Thị trường hoạt động

10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và mạng lưới khách hàng

Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 1 Trụ sở chính, 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 4 chi nhánh tại Campuchia.

Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bổ rộng khắp giúp SHB tiếp cận khách hàng tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và 2 nước Đông Nam Á là Lào và Campuchia. Nhờ đó, SHB cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp. SHB cũng đang phát triển kinh doanh và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

Bảng 25: Tình hình lợi nhuận trước thuế hợp nhất theo khu vực địa lý

Đơn vị: tỷ Đồng

Stt	Khu vực thị trường	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Miền Bắc	6.397	9.297	11.725
2	Miền Trung	401	566	746
3	Miền Nam	2.104	1.446	2.344
4	Nước ngoài	337	260	213
Tổng cộng		**9.239**	**11.569**	**15.028**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

10.4.2. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Hơn 32 năm đồng hành và phát triển cùng đất nước, SHB trở thành biểu tượng cho sự vươn mình không ngừng nghỉ, luôn có mặt tại những cột mốc quan trọng của đất nước qua mỗi giai đoạn phát

triển. Ngân hàng luôn sẵn sàng đồng hành cùng những quyết sách quan trọng của quốc gia: nhận sáp nhập theo đề án cơ cấu lại tổ chức tín dụng; cung ứng vốn thực hiện các công trình hạ tầng trọng điểm, các dự án năng lượng xanh, nông nghiệp sạch; triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi lãi suất hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SHB luôn xác lập chiến lược rõ ràng, có sự khác biệt, phù hợp theo từng giai đoạn, có định hướng lâu dài. Với nền tảng vững vàng và chiều sâu văn hóa, kiên định với định hướng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, liên tục nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn quốc tế, mô hình hiện đại, SHB ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Xét về mặt quy mô:

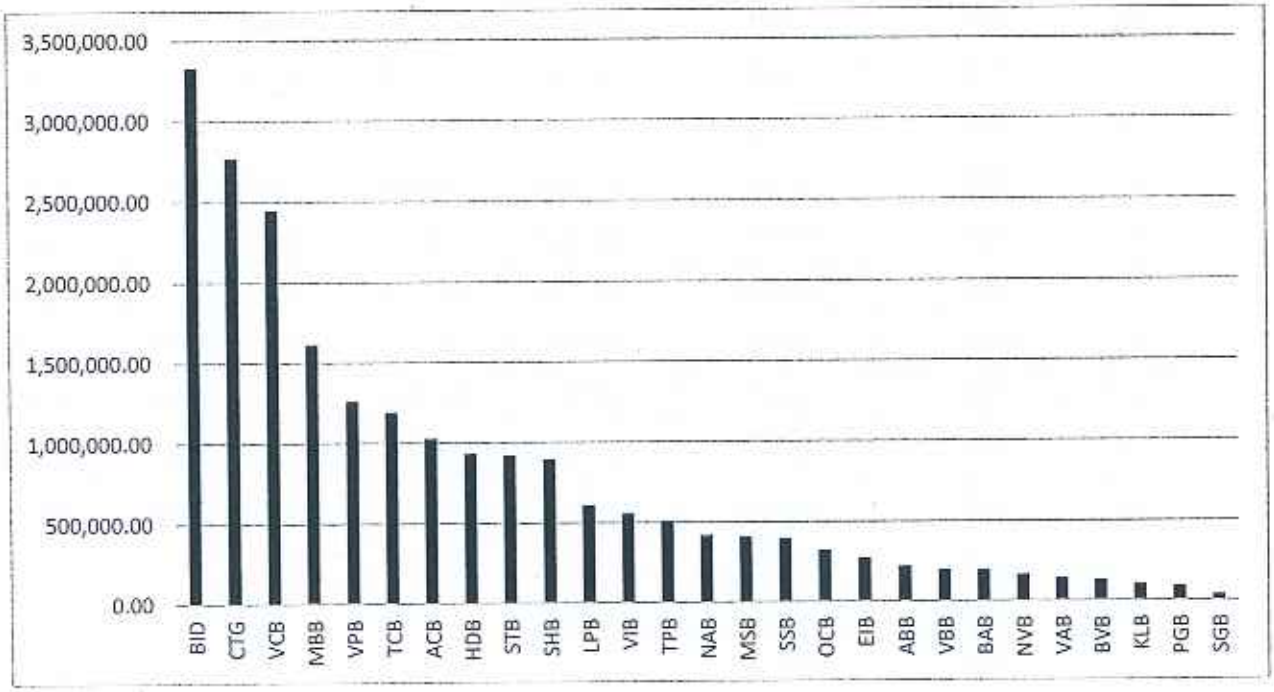
Tính đến ngày 31/12/2025, TTS hợp nhất của SHB đạt 892.570,6 tỷ VND, thuộc top 10 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM ("NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch") có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 67.995,7 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Ngoài ra, SHB nằm trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam VN30, qua đó khẳng định vị thế của Ngân hàng trên thị trường chứng khoán.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của SHB trong năm đạt 15.028,4 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có lợi nhuận cao nhất.

Biểu đồ 1: Tổng tài sản (TTS) của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM (tỷ đồng)



Nguồn: FiinGroup tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của các ngân hàng (Website: https://fiingroup.vn)

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch của các ngân hàng đó

Bảng 26: Vị thế của SHB trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Stt	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	TTS	VCSH	LNTT	NIM	Tỷ lệ nợ xấu
1	BID	HOSE	3.330.903,8	173.611,3	37.862,9	2,12%	1,47%
2	CTG	HOSE	2.767.699,3	179.641,2	43.446,0	2,62%	1,10%
3	VCB	HOSE	2.441.928,9	227.535,9	44.020,3	2,63%	0,58%
4	MBB	HOSE	1.615.763,9	142.022,5	34.268,4	3,87%	1,29%
5	VPB	HOSE	1.260.149,6	180.275,6	30.624,9	5,50%	3,33%
6	TCB	HOSE	1.192.344,1	179.501,4	32.538,1	3,74%	1,07%
7	ACB	HOSE	1.025.850,1	94.519,7	19.538,8	2,92%	0,97%
8	HDB	HOSE	931.101,3	78.264,6	21.321,8	4,53%	2,44%
9	STB	HOSE	917.119,8	59.866,7	7.628,0	3,21%	6,41%
10	**SHB**	**HOSE**	**892.570,6**	**67.995,7**	**15.028,4**	**2,66%**	**2,12%**
11	LPB	HOSE	605.584,5	47.192,5	14.268,9	2,92%	1,68%
12	VIB	HOSE	556.098,4	46.904,7	9.104,6	3,11%	2,97%
13	TPB	HOSE	505.871,6	46.018,8	9.203,1	3,01%	1,29%
14	NAB	HOSE	418.333,3	23.430,8	5.253,5	2,67%	2,16%
15	MSB	HOSE	407.673,9	42.446,1	7.058,4	3,15%	2,69%
16	SSB	HOSE	396.443,1	40.372,6	6.868,4	2,73%	2,06%
17	OCB	HOSE	322.975,3	33.943,5	5.045,9	3,15%	3,19%
18	EIB	HOSE	273.270,4	26.006,3	1.511,8	2,40%	2,86%
19	ABB	UPCoM	220.462,8	16.819,3	3.545,7	2,61%	0,88%
20	VBB	UPCoM	196.771,0	12.431,7	1.531,5	1,91%	2,92%
21	BAB	HNX	195.820,3	13.308,9	1.473,6	1,97%	1,15%
22	NVB	HNX	163.615,0	13.592,9	1,6	1,78%	8,63%
23	VAB	HOSE	140.486,1	10.137,0	1.622,8	2,78%	1,31%
24	BVB	UPCoM	133.047,7	7.460,5	521,9	2,36%	3,01%
25	KLB	HOSE	103.302,7	8.416,5	2.322,7	4,17%	1,86%
26	PGB	UPCoM	88.881,8	6.579,0	768,3	2,46%	2,36%
27	SGB	UPCoM	35.377,0	4.194,1	150,7	2,21%	2,96%

Nguồn: FiinGroup tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của các ngân hàng (Website: https://fiingroup.vn)

Xét về thị phần:

Tại thời điểm 31/12/2025, thị phần của SHB về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành như sau:

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
SHB (tỷ đồng)	892.570,6	614.862,0	572.150,3
Thị phần SHB so với các ngân hàng trong ngành	4,20%	4,32%	4,44%

Nguồn: Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Stt	Tên dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB
1.	Dự án Sinh lời tự động	Đang triển khai	Cơ chế sinh lời tự động cho phép tối ưu hoá dòng tiền nhàn rỗi của khách hàng trên tài khoản thanh toán, giúp thu hút tiền gửi không kỳ hạn (Casa), nâng cao trải nghiệm số hoá, năng lực cạnh tranh và củng cố định hướng ngân hàng số hoá của SHB.
2.	Dự án Rewards	Đang triển khai	Hệ thống tích điểm của SHB với giao diện và nhiều tính năng hấp dẫn cho các phân khúc KH, ngập tràn các ưu đãi, khuyến mại để kích thích khách hàng sử dụng thêm SPDV và tăng cường gắn bó cũng như sự hài lòng KH
3.	Dự án KPI cho lực lượng bán	Đang triển khai	- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tối ưu và chuẩn hóa năng suất lao động theo thông lệ quản trị hiện đại, đảm bảo hoàn thành mục tiêu lợi nhuận và đảm bảo tăng trưởng bền vững
4.	Dự án Phân tách lực lượng nhân sự tại bộ phận DVKH	Đang triển khai	- Nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm khách hàng, thông qua tư vấn tài chính hiệu quả, cung cấp giải pháp đúng nhu cầu dựa trên am hiểu KH, cải thiện năng suất và hiệu quả làm việc cũng như phát huy tối đa năng lực bán, đồng thời quản lý nguồn lực tối ưu cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh

Nguồn: SHB

10.6. Chiến lược kinh doanh

Mục tiêu tới năm 2027, 2028 là Ngân hàng TOP 1 về hiệu quả; Ngân hàng Số được yêu thích nhất; Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất đồng thời là Ngân hàng TOP đầu cung ứng nguồn vốn, sản phẩm

tài chính dịch vụ với khách hàng doanh nghiệp chiến lược tư nhân và Nhà nước, có chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, hệ sinh thái, phát triển xanh.

Tầm nhìn tới năm 2035, SHB trở thành Ngân hàng Bán lẻ hiện đại, Ngân hàng xanh, Ngân hàng số trong TOP đầu của khu vực.

SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt và phù hợp trong từng giai đoạn, giúp tăng tốc hiệu quả để thực hiện thành công các định hướng này.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng TOP 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, SHB xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, có tính định hướng dài hạn, luôn tạo ra sự khác biệt, hướng tới thị trường và khách hàng, trong đó:

- Thực hiện chủ trương thành lập Khối Ngân hàng Định chế và đưa vào hoạt động để huy động các nguồn vốn tài chính quốc tế, nâng cao tỷ lệ Casa, bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh vốn và tài chính.
- Bảo vệ và phát triển bền vững lợi ích của cổ đông theo các chuẩn mực quản trị mới, tăng cường tính minh bạch thông tin, huy động các cổ đông có tiềm lực tài chính mạnh, đặc biệt chú trọng cổ đông nước ngoài thân thiện và đồng lợi ích.
- Đổi mới cơ chế, thể chế, quy định, quy trình phù hợp, môi trường cạnh tranh, quy định pháp luật hiện hành, thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh. Thực hiện quản lý văn bản thông minh, ứng dụng công nghệ hiện đại để tiếp tục số hóa các văn bản quy phạm nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức và nhân sự theo hướng hiện đại và an toàn, tách bạch chức năng hoạch định, chỉ đạo và quản lý, điều hành kinh doanh với chức năng thực thi, triển khai hoạt động kinh doanh, nâng cao tính kết nối, tính quản lý hệ thống giữa Hội sở và các đơn vị kinh doanh theo nguyên tắc "quản lý theo mục tiêu", tiếp tục chú trọng huy động nhân tài bao gồm cả lao động nước ngoài.
- Hoạt động kinh doanh "khách hàng là trọng tâm": Tập trung phát triển khách hàng đem lại hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng của vùng miền, địa bàn. Phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, vận dụng tư duy thiết kế (Design Thinking) và phương pháp luận Agile để tạo ra sự khác biệt trong từng sản phẩm: sử dụng cách tiếp cận lấy khách hàng làm trung tâm; khám phá ra các nhu cầu khác biệt nhỏ nhất, thậm chí là tiềm ẩn của khách hàng, đặt người dùng cuối ở vị trí trung tâm và đưa sáng tạo trở thành yếu tố cốt lõi; sáng tạo cần phải được thúc đẩy tối đa để tạo ra các đột phá.
- Công nghệ và chuyển đổi số: tập trung nguồn lực để phát triển hiện đại hóa nền tảng hạ tầng CNTT, nâng cấp/chuyển đổi Corebanking, Core thẻ… và khả năng tích hợp cao cho các phần mềm ứng dụng CNTT hiện đại và chuyển đổi số… để nâng cao tiện ích cho khách hàng và nâng cao quản trị điều hành hệ thống của SHB; chú trọng tuyển dụng, thu hút đội ngũ nhân sự chuyên ngành và các chuyên gia cao cấp về CNTT và chuyển đổi số để quản lý vận hành hệ thống; lựa chọn đối tác chiến lược trong và ngoài nước có năng lực để tư vấn triển khai và tổ chức thực hiện hiện đại hóa CNTT và chuyển đổi số.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn mà còn thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Cụ thể như sau:

- Đảm bảo chế độ đãi ngộ, cơ hội học tập, phát triển nghề nghiệp cho người lao động; chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, bình đẳng.
- SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải nơi làm việc; Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao dược chất lượng môi trường sống; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.
- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, tập trung cho lĩnh vực y tế, hoàn cảnh khó khăn, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.

11. Chính sách đối với người lao động

Bảng 27. Số lượng người lao động trong Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2025

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I. Phân theo giới tính	**6.801**	**100,00%**
Nam	3.044	43,80%
Nữ	3.905	56,20%
II. Phân loại theo trình độ	**6.801**	**100,00%**
Tiến sĩ	04	0,06%
Thạc sĩ	559	8,04%
Đại học	5.631	81,03%
Cao đẳng	231	3,32%
Trung cấp	69	0,99%
Trung học phổ thông trở xuống	455	6,55%
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	**6.801**	**100,00%**
Hợp đồng không xác định thời hạn	5.457	78,53%
Hợp đồng xác định thời hạn	1.492	21,47%

Bảng 28. Số lượng lao động bình quân giai đoạn 2024 - 2025

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I. Phân theo giới tính	**6.801**	**100,00%**
Nam	2.994	44,03%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nữ	3.807	55,97%
II. Phân loại theo trình độ	**6.801**	**100,00%**
Tiến sĩ	**05**	**0,07%**
Thạc sĩ	**553**	**8,12%**
Đại học	**5.483**	**80,62%**
Cao đẳng	**219**	**3,22%**
Trung cấp	**70**	**1,03%**
Trung học phổ thông trở xuống	**472**	**6,94%**
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	**6.801**	**100,00%**
Hợp đồng không xác định thời hạn	5.202	76,49%
Hợp đồng xác định thời hạn	1.599	23,51%

- ***Đánh giá về nhân sự***: Trong các năm gần đây, quy mô nhân sự của SHB ghi nhận xu hướng gia tăng, phù hợp với định hướng mở rộng hoạt động và tăng trưởng kinh doanh của Ngân hàng. Cơ cấu giới tính duy trì ổn định, trong đó lao động nữ chiếm khoảng 56%, tương đối phù hợp với đặc thù ngành dịch vụ – ngân hàng. Tỷ lệ hợp đồng lao động không xác định thời hạn là chủ yếu, Ngân hàng chú trọng xây dựng lực lượng nhân sự nòng cốt ổn định, giảm sự phụ thuộc vào lao động ngắn hạn và tăng tính gắn bó lâu dài. Bên cạnh đó, nhân sự có trình độ đại học chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 81%), phản ánh chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu chuyên môn và nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng.
- ***Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...***: SHB duy trì các chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch; ưu tiên nguồn nội bộ, lộ trình thăng tiến rõ ràng; đẩy mạnh đa kênh tuyển dụng và nâng cao trải nghiệm ứng viên. Với cam kết "Con người là tài sản quý giá nhất", SHB coi đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Trong các năm qua SHB tiếp tục cải tiến mạnh mẽ chính sách tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi, tạo ra môi trường làm việc ổn định, thu nhập hấp dẫn cho người lao động.
- ***Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động***: Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động sẽ được SHB thông qua khi phát sinh phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Năm 2026, SHB dự kiến phát hành 90.629.616 cổ phiếu ESOP.

12. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của SHB được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- Trong giai đoạn 2023 – 2025, tình hình thực hiện chi trả cổ tức của SHB như sau:

Bảng 29: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	16%	18%	Dự kiến 16% (*)
Hình thức chi trả	5% bằng tiền và 11% bằng cổ phiếu	5% bằng tiền và 13% bằng cổ phiếu	

(*) Tỷ lệ chi trả dự kiến năm 2025 được Ban Điều hành xây dựng và làm căn cứ để trình ĐHDCD thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2026 diễn ra trong thời gian tới.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

➢ Trong 2 năm gần nhất (Năm 2024 – 2025), SHB không chào bán cổ phiếu.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

14.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán

Tính đến thời điểm 31/12/2025, số dư trái phiếu SHB đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 15.030.000.000.000 VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 5.000.000.000.000 VND;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 10.030.000.000.000 VND.

Bảng 30: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành (theo mệnh giá)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/12/2025
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-
	Từ 5 năm trở lên	2.448	13.030
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	4.000	2.000
	Từ 5 năm trở lên	-	-
Tổng cộng		**6.448**	**15.030**

Nguồn: SHB

14.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 31: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của SHB (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)	301,9
2	Bất động sản là tài sản SHB đang sở hữu đến ngày 31/12/2025	5.068,0
-	a) Nhà cửa, vật kiến trúc (nguyên giá)	707,6
-	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	4.360,4

Nguồn: SHB

14.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 32: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Bảo lãnh vay vốn	63,9
2	Cam kết giao dịch hối đoái	15.898,8
-	*Cam kết mua ngoại tệ*	*65,7*
-	*Cam kết bán ngoại tệ*	*397,9*
-	*Cam kết giao dịch hoán đổi*	*15.435,3*
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	73.021,3
4	Bảo lãnh khác	28.195,3
5	Cam kết khác	3.836,0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.14 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ chức phát hành không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 33: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	625.654,6	741.073,2	885.191,4	19,45%
Tổng thu nhập hoạt động	61.005,1	54.058,0	65.537,2	21,17%
Tổng thu nhập lãi thuần	20.013,0	22.876,2	27.753,3	21,32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	15.333,9	17.284,3	21.503,5	24,41%
Lợi nhuận trước thuế	9.158,6	11.339,3	14.865,7	31,10%
Lợi nhuận sau thuế	7.320,1	9.132,0	11.891,0	30,21%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 34: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
Tổng tài sản	630.500,7	747.478,1	892.570,6	19,41%
Tổng thu nhập hoạt động	63.038,4	55.304,1	66.980,6	21,11%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
Tổng thu nhập lãi thuần	21.328,4	23.572,3	28.588,0	21,28%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	16.276,9	17.812,0	22.172,1	24,48%
Lợi nhuận trước thuế	9.239,0	11.569,2	15.028,4	29,90%
Lợi nhuận sau thuế	7.324,8	9.321,9	12.009,9	28,83%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	79,06%	70,73%	Dự kiến 61,21%	
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	16%	18%	Dự kiến 16%	-2,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Năm 2024, SHB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 747.478 tỷ VND, tăng 18,55% so với cuối năm 2023;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 58.067 tỷ VND, tăng 15,91% so với cuối năm 2023 chủ yếu do sự gia tăng từ nguồn lợi nhuận sau thuế;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 11.569 tỷ VND, tăng 25,22% so với năm 2023 và hoàn thành 102,51% kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kết thúc năm 2025, SHB cũng đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 892.570,6 tỷ VND, tăng 19,41% so với cuối năm 2024;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 67.995,7 tỷ VND, tăng 17,10% so với cuối năm 2024 chủ yếu do sự gia tăng từ nguồn lợi nhuận sau thuế;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 15.028,4 tỷ VND, tăng 29,90% so với năm 2023 và hoàn thành 103,6% kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả kinh doanh của SHB đạt kết quả tích cực là SHB tiếp tục phát huy các thế mạnh tiềm năng, cùng với sự tăng trưởng hoạt động kinh doanh mạnh mẽ, tích cực, phát triển mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh phát triển khách hàng, thu hồi nợ xấu, áp dụng công nghệ hiện đại hóa ngân hàng giúp nâng cao hiệu quả và năng suất lao động,...

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Bảng 35: Cơ cấu Tổng thu nhập lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Thu nhập lãi thuần	18.096,1	90,42%	20.561,8	89,88%	19.341,6	69,69%	-5,93%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	449,1	2,24%	1.247,6	5,45%	3.199,7	11,53%	156,47%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	281,3	1,41%	85,8	0,38%	257,2	0,93%	199,56%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10,3	0,05%	3,8	0,02%	42,0	0,15%	990,95%
5	(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28,0	0,14%	(218,1)	-0,95%	142,4	0,51%	-165,30%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	410,8	2,05%	1.154,2	5,05%	4.760,6	17,15%	312,45%
7	Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	737,4	3,68%	41,0	0,18%	9,9	0,04%	-75,95%
	Tổng cộng	**20.013,0**	**100,00%**	**22.876,2**	**100,00%**	**27.753,3**	**100,00%**	**21,32%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 36: Cơ cấu Tổng thu nhập lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Thu nhập lãi thuần	19.285,4	90,42%	21.255,8	90,17%	20.217,3	70,72%	-4,89%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	544,9	2,55%	1.259,7	5,34%	3.206,4	11,22%	154,53%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	282,2	1,32%	86,3	0,37%	258,2	0,90%	199,22%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11,1	0,05%	3,3	0,01%	42,5	0,15%	1175,91%
5	(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28,0	0,13%	(218,1)	-0,93%	142,4	0,50%	-165,30%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	433,6	2,03%	1.155,7	4,90%	4.743,9	16,59%	310,49%
7	Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	743,2	3,48%	29,5	0,13%	(22,8)	-0,08%	-177,16%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
	Tổng cộng	21.328,4	100,00%	23.572,3	100,00%	28.588,0	100,00%	21,28%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Năm 2025, Lãi thuần hợp nhất của SHB đạt 28.588 tỷ đồng, tăng 21,28% so với năm 2024. Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của SHB bao gồm 3 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần, Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác.

- Thu nhập lãi thuần đạt 20.217 tỷ đồng, giảm 4,89% so với năm trước, đồng thời tỷ trọng giảm mạnh từ 90,17% xuống 70,72%. Diễn biến này cho thấy hoạt động tín dụng và biên lãi ròng (NIM) chịu áp lực trong bối cảnh mặt bằng lãi suất và cạnh tranh gia tăng, qua đó làm suy giảm thu nhập lãi trong tổng cơ cấu thu nhập.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 3.206 tỷ đồng, tăng 154,53%, nâng tỷ trọng lên 11,22% so với mức 5,34% năm 2024. Kết quả này phản ánh chiến lược đẩy mạnh các mảng dịch vụ phi tín dụng như thanh toán, ngân hàng số và phân phối bảo hiểm, góp phần cải thiện chất lượng và tính bền vững của nguồn thu.
- Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 4.744 tỷ đồng, tăng mạnh 310,49% so với năm trước, chiếm 16,59% tổng thu nhập. Khoản mục này đóng góp tỷ trọng lớn vào tăng trưởng chung trong năm 2025.

Bảng 37: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	37.825,6	28.919,5	36.712,2	26,95%
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	*67,64%*	*58,45%*	*65,49%*	
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	298,3	252,5	191,0	-24,37%
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	*39,91%*	*16,83%*	*5,63%*	
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và chi phí hoạt động khác)	4.679,1	5.591,8	6.249,8	11,77%
	Tỷ trọng trong Tổng thu nhập hoạt động (%)	*7,67%*	*10,34%*	*9,54%*	
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.175,3	5.945,1	6.637,8	11,65%
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	*40,27%*	*34,40%*	*30,87%*	

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 38: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	38.304,0	29.255,2	37.137,9	26,94%
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	*60,76%*	*52,90%*	*61,10%*	
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	367,7	286,1	222,3	-22,31%
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	*40,29%*	*18,23%*	*6,48%*	
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và chi phí hoạt động khác)	5.051,5	5.760,2	6.415,9	11,38%
	Tỷ trọng trong Tổng thu nhập hoạt động (%)	*8,01%*	*10,42%*	*9,58%*	
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7.037,8	6.242,8	7.143,8	14,43%
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	*43,24%*	*35,05%*	*32,22%*	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

SHB đã tăng cường kiểm soát chi phí, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi hoặc chi phí thấp, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa và số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị.

- Chi phí lãi và các chi phí tương tự đạt 37.138 tỷ đồng, tăng 26,94% so với năm 2024, sau khi đã giảm mạnh trong năm trước đó. Tỷ trọng chi phí lãi trong thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng từ 52,90% lên 61,10%. Nguyên nhân do chi phí huy động vốn gia tăng, cạnh tranh lãi suất đầu vào trong bối cảnh tín dụng phục hồi gia tăng làm biên lãi ròng thu hẹp.
- Chi phí hoạt động dịch vụ tiếp tục xu hướng giảm mạnh, đạt 222 tỷ đồng, giảm 22,31% so với năm 2024. Tỷ trọng chi phí trên thu nhập hoạt động dịch vụ giảm đáng kể từ 18,23% xuống còn 6,48% cho thấy Ngân hàng nâng cao hiệu quả vận hành mảng dịch vụ.
- Chi phí hoạt động đạt 6.416 tỷ đồng, tăng 11,38% so với năm 2024. Tỷ trọng chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động giảm từ 10,42% xuống 9,58%. Nguyên nhân chủ yếu do Ngân hàng đang tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh chuyển đổi số, số hóa sản phẩm dịch vụ và hoạt động quản trị nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động trong tương lai. Tuy nhiên, mức tăng chi phí vẫn thấp hơn tốc độ tăng tổng thu nhập, phản ánh khả năng kiểm soát chi phí khá tốt.

- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2025 đạt 7.144 tỷ đồng, tăng 14,43% so với năm 2024. Dù vậy, tỷ trọng chi phí dự phòng trên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng giảm từ 35,05% xuống 32,22%. Nguyên nhân do SHB tăng cường trích lập dự phòng nhằm tích lũy nguồn lực xử lý rủi ro và tạo bộ đệm dự phòng vững chắc, để ứng phó với những biến động khó lường trong tương lai, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững.

ii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 39: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nhân viên	2.609,1	55,76%	3.006,3	53,76%	3.281,3	52,50%	9,15%
Chi về tài sản	512,7	10,96%	570,2	10,20%	630,9	10,09%	10,63%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	63,0	1,35%	79,4	1,42%	86,1	1,38%	8,53%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.074,0	22,95%	1.436,8	25,69%	1.678,1	26,85%	16,80%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	427,7	9,14%	499,0	8,92%	576,6	9,23%	15,55%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro	(7,4)	-0,16%	0,1	0,00%	(3,2)	-0,05%	-2238,26%
Tổng chi phí hoạt động	**4.679,1**	**100,00%**	**5.591,8**	**100,00%**	**6.249,8**	**100,00%**	**11,77%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 40: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nhân viên	2.945,5	58,31%	3.177,6	55,16%	3.452,6	53,81%	8,65%
Chi về tài sản	579,9	11,48%	623,9	10,83%	689,3	10,74%	10,48%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	67,7	1,34%	89,0	1,55%	91,2	1,42%	2,53%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.035,6	20,50%	1.368,1	23,75%	1.608,8	25,08%	17,59%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	428,2	8,48%	499,4	8,67%	577,2	9,00%	15,57%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro	(5,3)	-0,11%	2,2	0,04%	(3,2)	-0,05%	-243,77%

Tổng chi phí hoạt động	5.051,5	100,00%	5.760,2	100,00%	6.415,9	100,00%	11,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của SHB, Chi phí cho nhân viên, Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và Chi về tài sản là ba chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm khoảng 89% tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng trong giai đoạn 2024 - 2025.

Trong đó, chi phí cho nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất và có xu hướng giảm tỷ trọng trong giai đoạn năm 2024 - 2025. Cụ thể, tỷ trọng Chi phí cho nhân viên giảm từ 55,16% năm 2024 xuống 53,81% trong năm 2025. Tỷ trọng Chi cho hoạt động quản lý công vụ cao thứ hai trong tổng Chi phí hoạt động, chiếm 25,08% trong năm 2025, so với mức 23,75% năm 2024. Tỷ trọng Chi về tài sản có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, chiếm 10,74% trong năm 2025, so với mức 10,83% năm 2023.

c) **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán:** Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1 Những nhân tố thuận lợi

- Tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng ổn định và phục hồi tốt, lạm phát được kiểm soát và mặt bằng lãi suất có xu hướng hạ nhiệt;
- NHNN điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ thanh khoản hệ thống, ổn định giá trị đồng tiền;
- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, SHB đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường. Thương hiệu SHB ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp và được nhiều người biết đến, quan hệ Ngân hàng ngày càng mở rộng;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Đẩy mạnh đầu tư vào số hóa và công nghệ: thực hiện số hóa quy trình, tự động hóa vận hành và phát triển các nền tảng ngân hàng số giúp SHB cải thiện năng suất lao động, kiểm soát chi phí, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo nền tảng cho tăng trưởng lợi nhuận bền vững. Cùng với đó, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho Khách hàng, nâng cao trải nghiệm người dùng;
- Nỗ lực tái cơ cấu danh mục tài sản và kiểm soát rủi ro được triển khai đồng bộ. SHB chú trọng xử lý nợ xấu, tăng cường trích lập dự phòng, nâng cao chất lượng tín dụng và quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế, qua đó củng cố niềm tin của thị trường và tạo dư địa cho tăng trưởng trong các chu kỳ tiếp theo;

- SHB kiên định với chiến lược phát triển theo hệ sinh thái và chuỗi giá trị phát huy hiệu quả rõ nét. Tập trung khai thác các khách hàng trong các chuỗi cung ứng, từ đó khai thác khách hàng đầu vào – đầu ra đối với cả khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, giúp gia tăng quy mô tín dụng, huy động vốn.
- Ngân hàng có nhiều phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, SHB đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2024, tăng trưởng cả về quy mô và chất lượng.

1.2.2 Những yếu tố bất lợi

- Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông, chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine và xu hướng bảo hộ thương mại tại các nền kinh tế lớn làm suy yếu nhu cầu toàn cầu, tác động làm gián đoạn hoạt động thương mại, xuất – nhập khẩu, ảnh hưởng dòng vốn đầu tư và khả năng mở rộng sản xuất của doanh nghiệp. Từ đó, ảnh hưởng đến đến nhu cầu tín dụng cũng như chất lượng tài sản của ngân hàng;
- Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế;
- Mặt bằng lãi suất và chi phí vốn biến động mạnh trong giai đoạn hậu thắt chặt tiền tệ toàn cầu đã gây áp lực lên biên lợi nhuận. Chi phí huy động vẫn ở mức tương đối cao do cạnh tranh thanh khoản giữa các ngân hàng, đặc biệt là cuối năm 2025, trong khi SHB có tỷ lệ CASA thấp hơn mức bình quân ngành, khiến chi phí vốn cao hơn và tạo áp lực lên NIM.
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay…tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kinh tế toàn cầu năm 2026 được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng, song ở mức thấp và mang tính mong manh sau giai đoạn lạm phát cao và chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài. Mặc dù đã tránh được kịch bản suy thoái trên diện rộng, nền kinh tế thế giới vẫn chưa hội đủ điều kiện để bước vào một chu kỳ tăng trưởng mạnh mẽ mới. Các nền kinh tế lớn tiếp tục là nhân tố chi phối triển vọng kinh tế toàn cầu, trong đó Mỹ – đầu tàu tăng trưởng chủ yếu – được dự báo giảm tốc rõ rệt dưới tác động của xu hướng bảo hộ thương mại, chính sách nhập cư và mặt bằng lãi suất cao; châu Âu duy trì tăng trưởng yếu, trong khi Trung Quốc chịu áp lực từ lĩnh vực bất động sản, nợ chính quyền địa phương và sức mua trong nước phục hồi chậm. Bên cạnh đó, sự lan tỏa của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, được xem là một động lực mới của kinh tế toàn cầu, góp phần nâng

cao năng suất, đồng thời đặt ra những thách thức ngày càng rõ nét đối với cơ cấu thị trường lao động, bất bình đẳng kỹ năng và hệ thống an sinh xã hội.

Tại Việt Nam, với nền tảng tích cực của năm 2025 cùng sự quyết tâm cao của hệ thống chính trị, các đột phá về thể chế tiếp tục được thúc đẩy theo hướng đồng bộ và thực chất hơn; môi trường đầu tư – kinh doanh được cải thiện, góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư. Đồng thời, các nguồn lực sẵn có được phục hồi và phát huy hiệu quả hơn, trong khi các động lực mới từng bước hình thành và lan tỏa. Trên cơ sở đó, kinh tế Việt Nam năm 2026 được đánh giá có dư địa thuận lợi để bứt phá tăng trưởng, gắn với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong giai đoạn 2024 - 2025, SHB kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và khu vực.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 41: Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1	Vốn điều lệ	36.194,0	36.629,1	45.942,0
2	Vốn kinh doanh	625.654,6	741.073,2	885.191,4

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 42: Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1	Vốn điều lệ	36.194,0	36.629,1	45.942,0
2	Vốn kinh doanh	630.500,7	747.478,1	892.570,6

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

SHB đã sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh vào các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh:

Bảng 43: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I. TIỀN MẶT	**1.324,7**	**1.505,9**	**1.973,1**
II. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ("NHNN")	**53.368,0**	**26.288,9**	**33.023,7**
III. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC	**71.532,9**	**123.929,9**	**143.140,1**
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	62.809,9	99.216,6	132.139,9
2. Cho vay các TCTD khác	8.841,4	24.713,3	11.000,2
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(118,4)	-	-
IV. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	**7.790,4**	**4.908,6**	-
1. Chứng khoán kinh doanh	7.849,3	4.945,7	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(58,9)	(37,1)	-
V. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC	-	-	**140,6**
VI. CHO VAY KHÁCH HÀNG	**415.915,5**	**500.540,2**	**592.088,2**
1. Cho vay khách hàng	424.701,2	508.720,0	601.422,3
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(8.785,7)	(8.179,8)	(9.334,1)
VII. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	**32.063,7**	**32.336,0**	**28.300,0**
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.373,8	14.956,9	12.162,4
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	17.833,6	17.813,0	16.173,0
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(143,7)	(433,9)	(35,4)
VIII. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**3.615,2**	**3.615,2**	**3.618,4**
1. Đầu tư vào công ty con	3.043,9	3.043,9	3.043,9
2. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết	500,0	500,0	500,0
3. Đầu tư dài hạn khác	158,3	158,3	158,3
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(87,0)	(87,0)	(83,8)
IX. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	**5.223,7**	**5.323,4**	**5.534,9**
1. Tài sản cố định hữu hình	729,3	822,3	824,5

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
- Nguyên giá	1.478,5	1.529,4	1.564,6
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(749,2)	(707,1)	(740,1)
2. Tài sản cố định vô hình	4.494,4	4.501,1	4.710,4
- Nguyên giá	4.820,6	4.858,6	5.113,9
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(326,1)	(357,5)	(403,5)
X. TÀI SẢN CÓ KHÁC	**34.820,5**	**42.625,1**	**77.372,4**
1. Các khoản phải thu	18.109,0	30.072,7	64.526,3
2. Các khoản lãi, phí phải thu	13.552,9	11.256,5	11.376,0
3. Tài sản có khác	3.240,1	1.393,8	1.514,9
4. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(81,5)	(97,8)	(44,9)
TỔNG CỘNG	**625.654,6**	**741.073,2**	**885.191,4**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh (Công ty Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I. TIỀN MẶT	**1.370,8**	**1.563,5**	**2.038,4**
II. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG	**54.763,6**	**27.436,9**	**34.354,6**
III. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC	**63.548,9**	**117.348,8**	**137.825,6**
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	54.825,9	92.635,6	126.825,4
2. Cho vay các TCTD khác	8.841,4	24.713,3	11.000,2
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(118,4)	-	-
IV. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	**7.792,7**	**4.910,5**	**0,0**
1. Chứng khoán kinh doanh	7.853,2	4.949,6	0,5
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(60,4)	(39,2)	(0,4)
V. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC	-	-	**140,6**
VI. CHO VAY KHÁCH HÀNG	**429.362,7**	**513.740,9**	**604.141,4**

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Cho vay khách hàng	438.464,1	522.557,3	614.862,0
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(9.101,4)	(8.816,4)	(10.720,6)
VII. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	**32.063,7**	**32.336,0**	**28.300,0**
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.373,8	14.956,9	12.162,4
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	17.833,6	17.813,0	16.173,0
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(143,7)	(433,9)	(35,4)
VIII. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**414,4**	**441,3**	**420,8**
1. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết	343,2	370,0	346,4
2. Đầu tư dài hạn khác	158,3	158,3	158,3
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(87,0)	(87,0)	(83,8)
IX. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	**5.229,4**	**5.328,0**	**5.538,9**
1. Tài sản cố định hữu hình	735,0	826,9	828,6
- Nguyên giá	1.528,5	1.581,0	1.618,6
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(793,5)	(754,1)	(790,0)
2. Tài sản cố định vô hình	4.494,4	4.501,1	4.710,4
- Nguyên giá	4.825,9	4.863,9	5.119,4
- Giá trị hao mòn luỹ kế	(331,5)	(362,7)	(409,0)
X. TÀI SẢN CÓ KHÁC	**35.954,3**	**44.372,1**	**79.810,2**
1. Các khoản phải thu	18.860,7	30.874,5	65.338,6
2. Các khoản lãi, phí phải thu	13.949,2	12.221,9	13.008,5
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-	14,6
3. Tài sản có khác	3.230,8	1.380,4	1.503,8
4. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(86,4)	(104,7)	(55,3)
TỔNG TÀI SẢN	**630.500,7**	**747.478,1**	**892.570,6**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Phương pháp trích khấu hao: Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Những thay đổi trong chính sách khấu hao: Không có thay đổi.

Tuân thủ chế độ khấu hao theo quy định: Ngân hàng luôn tuân thủ các quy định về chế độ khấu hao và các quy định khác có liên quan đến trích khấu hao tài sản cố định.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 45: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	29,65	30,59	31,87

Bảng 46: So sánh với các Doanh nghiệp khác trong cùng địa bàn/Quy mô tương đương

Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	31,2	31,0	41,1
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)	45	48	47
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	36,5	37,8	37,7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	**29,6**	**30,5**	**31,8**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	29,9	33,0	(*)
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh (HDB)	30,3	40,4	(*)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	32,0	31,2	37,0
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB)	24,1	22,8	27,6
Bình Quân	**32,3**	**34,3**	**37,0**

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và BCTC 2025 tự lập của các ngân hàng

(*) Chưa thuyết minh số liệu mức lương/thu nhập bình quân năm 2025.

So với các Ngân hàng khác trong nhóm ngân hàng quy mô trung bình (tổng tài sản từ trên 500 nghìn tỷ đến 1.000 nghìn tỷ), SHB là một trong số Ngân hàng trả mức lương, thu nhập thấp hơn trung bình.

2.1.4. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 47: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I	**Nợ phải thu**	**34.820,5**	**42.625,1**	**77.372,4**
1	Các khoản phải thu	18.109,0	30.072,7	64.526,3
2	Các khoản lãi, phí phải thu	13.552,9	11.256,5	11.376,0
3	Tài sản có khác	3.240,1	1.393,8	1.514,9
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(81,5)	(97,8)	(44,9)
II	**Nợ phải trả**	**15.966,4**	**13.110,5**	**17.294,5**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	13.954,0	10.466,5	13.762,7
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.012,4	2.644,0	3.531,8

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 48: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I	**Nợ phải thu**	**35.954,3**	**44.372,1**	**79.810,2**
1	Các khoản phải thu	18.860,7	30.874,5	65.338,6
2	Các khoản lãi, phí phải thu	13.949,2	12.221,9	13.008,5
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0,0	0,0	14,6
4	Tài sản có khác	3.230,8	1.380,4	1.503,8
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(86,4)	(104,7)	(55,3)
II	**Nợ phải trả**	**16.268,9**	**13.440,5**	**17.550,4**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	14.025,6	10.591,1	13.862,7
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	36,0	22,0	0,0

Stt	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.207,3	2.827,4	3.687,8

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

- **Đối với Nợ phải thu:** Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải thu của SHB đạt 79.810 tỷ đồng, tăng mạnh 79,9% so với cuối năm 2024 (44.372 tỷ đồng). Trong đó Các khoản phải thu đạt 65.339 tỷ đồng, tăng hơn 2,1 lần so với năm 2024 (30.875 tỷ đồng), qua đó chiếm khoảng 81,9% tổng nợ phải thu, so với mức 69,6% tại cuối năm 2024. Nguyên nhân là do tăng phải thu liên quan đến miễn truy đòi bộ chứng từ (tăng từ 20.591 tỷ đồng năm 2024 lên 61.561 tỷ đồng năm 2025), đây là khoản phải thu phát sinh từ hoạt động mua hẳn miễn truy đòi các Bộ Chứng từ theo Thư tín dụng chưa đến hạn thanh toán với tổ chức tín dụng khác. Khoản phải thu này không phải trích lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2025 do không thuộc đối tượng phải trích lập theo quy định.
- **Đối với Nợ phải trả:** Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của SHB đạt 17.550 tỷ đồng, tăng 30,6% so với cuối năm 2024 (13.441 tỷ đồng). Mức tăng này cho thấy quy mô các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn của ngân hàng có xu hướng gia tăng trở lại sau khi giảm trong năm 2024, phù hợp với xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng chi phí vốn trong năm 2025. Các khoản lãi, phí phải trả tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nợ phải trả đạt 13.863 tỷ đồng, tăng 30,9% so với năm 2024 và chiếm tỷ trọng 79% trong tổng Nợ phải trả.

2.1.5. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 49: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 31/12/2025

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2024					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBL2427002	1.000.000.000.000	17/07/2024	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
2	SHBL2427003	1.000.000.000.000	05/08/2024	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
II	Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng						

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
1	SHBC7Y202401	2.350.619.000.000	28/02/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của SHB
2	SHBC7Y202402	2.649.381.000.000	28/07/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của SHB
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHB12501	3.000.000.000.000	18/06/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
2	SHB12502	1.500.000.000.000	14/07/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
3	SHB12503	800.000.000.000	15/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
4	SHB12504	500.000.000.000	21/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
5	SHB12505	750.000.000.000	25/09/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
6	SHB12506	380.000.000.000	28/10/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
7	SHB12507	600.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
8	SHB12508	500.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ chức phát hành.
Tổng cộng		**15.030.000.000.000**				

Nguồn: SHB

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

SHB thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 50: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2025
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	12,8	50,2	321	311	60
Thuế TNDN	1.136,1	1.506,4	2.975	2.281	2.200
Các loại thuế khác	24,1	41,4	595	599	38
Tổng	**1.173,0**	**1.598,0**	**3.891**	**3.191**	**2.298**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng năm 2025 tự lập của SHB

Bảng 51: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2025
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	13,7	51,2	331	321	61
Thuế TNDN	1.217,8	1.620,4	2.902	2.309	2.213
Các loại thuế khác	26,2	44,1	617	620	41
Tổng	**1.257,7**	**1.715,7**	**3.850**	**3.250**	**2.315**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2025 tự lập của SHB

2.1.7. Trích lập các quỹ

SHB thực hiện trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Tình hình trích lập các quỹ từ LNST của Ngân hàng như sau:

Bảng 52: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Trích lập các quỹ	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1	Quỹ Đầu tư Phát triển	48,2	52,1	58,1
2	Quỹ Dự phòng Tài chính	3.384,4	4.297,4	4.297,4
3	Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.704,5	2.621,7	2.621,9
4	Quỹ khác	1,0	220,6	200,7
Tổng cộng		**5.138,1**	**7.191,8**	**7.178,1**

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, 2024 và 2025 của SHB

Tính đến thời điểm hiện tại, SHB chưa có kế hoạch trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế năm 2025.

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2026, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ tăng trưởng ổn định và lạm phát giảm về mức mục tiêu của các ngân hàng trung ương trên thế giới. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều biến số

khó đoán định như: Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông và chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine tiếp diễn làm gián đoạn hoạt động thương mại; Xu hướng bảo hộ thương mại đang gia tăng và có thể leo thang thành các cuộc chiến tranh thương mại; Thách thức về chính sách tài khóa và rủi ro khủng hoảng nợ công có thể xảy ra tại một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia thu nhập thấp; Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế,... Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên nhiều khả năng sẽ bị ảnh hưởng bởi những biến động kể trên. Mặc dù vậy, với quyết tâm duy trì sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã và đang chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhờ đó, kinh tế - xã hội nước ta vẫn được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá tích cực và dự báo lạc quan về tăng trưởng trong năm 2026. Tuy vậy, thị trường tài chính Việt Nam những tháng đầu năm 2026 chứng kiến những diễn biến khó lường của tỷ giá USD/VND, giá vàng leo thang, lãi suất điều hành có xu hướng tăng... Hoạt động kinh doanh ngân hàng và tình hình tài chính của SHB theo đó cũng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Ngân hàng đã và đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để tập trung kinh doanh.

2.2.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 53: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ đồng*	36.194	36.629	45.942
Vốn tự có	*tỷ đồng*	66.682	71.409	88.424
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,8%	11,5%	12,26%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	4,3%	2,9%	2,3%
Tỷ lệ nợ xấu (Theo Thông tư 11/Thông tư 31)	%	2,6%	2,2%	1,8%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	69,3%	71,6%	69,2%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	93,0%	93,5%	91,5%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	16,3%	21,3%	20,7%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,1%	23,6%	24,22%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	77,6%	76,6%	78,54%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,8%	21,2%	23,8%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,6%	1,7%	1,8%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,5%	3,2%	2,6%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,3%	1,3%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	16,0%	17,0%	19,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*VND/cp*	2.022	2.493	2.588
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	9,5%	10,4%	30,3%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	21,1%	20,8%	56,6%

Nguồn: SHB

Bảng 54: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ đồng*	36.194	36.629	45.942
Vốn tự có	*tỷ đồng*	70.182	75.039	92.384
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	12,2%	11,8%	12,59%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	4,1%	3,2%	2,50%
Tỷ lệ nợ xấu (Theo Thông tư 11/Thông tư 31)	%	2,7%	2,4%	1,95%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	71,0%	72,9%	70,1%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	93,6%	93,8%	92,2%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	18,9%	22,0%	22,5%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,1%	23,6%	24,22%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	77,6%	76,6%	78,54%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,9%	21,4%	23,8%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,6%	1,7%	1,8%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,6%	3,3%	2,7%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,3%	1,3%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,1%	17,1%	19,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*VND/cp*	1.821	2.306	2.614
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	9,0%	10,0%	29,3%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	12,2%	20,4%	55,7%

Nguồn: SHB

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 và năm 2024. Ý kiến của các tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2023, năm 2024 là ý kiến chấp nhận toàn phần. Cụ thể như sau:

- **BCTC năm 2023 đã được kiểm toán**
  - ***BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0878/VN1A-HN-BC ngày 29/03/2024: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".*

Vấn đề khác: *"Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo đề ngày 22 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần".*

- ***BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0879/VN1A-HN-BC ngày 29/03/2024: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".*

Vấn đề khác: *"Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo đề ngày 22 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần".*

- **BCTC năm 2024 đã được kiểm toán**

- ***BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1007/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

- ***BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1009/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".*

- **BCTC giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét**

- ***BCTC riêng giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét***

Kết luận của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0326/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2025: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ".*

- ***BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét***

Kết luật của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0327/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2025: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ".*

- **BCTC năm 2025:** Tính đến thời điểm hiện tại, SHB chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 nên chưa có ý kiến của Kiểm toán viên.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

a) Chỉ tiêu

Bảng 55: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2025
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	20.217	25.230	5.013
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	12.010	15.200	3.190
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	59,4%	60,2%	0,8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	19,1%	19,3%	0,2%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	Dự kiến 16%	Dự kiến 18%	2%

Nguồn: SHB

(*) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận dự kiến năm 2026 được Ban Điều hành xây dựng và làm căn cứ để trình ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2026 diễn ra trong thời gian tới.

b) Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2026, SHB xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể

đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- ✓ Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
- ✓ Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
- ✓ Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của SHB, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
- ✓ Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 2%;
- ✓ Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;
- ✓ Dẩy mạnh hoạt động chuyển dổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

c) Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của SHB.

SHB có mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch phủ sóng khắp cả nước và một số nước trong khu vực (Lào và Campuchia). Song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế sẵn có. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của SHB.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của SHB, SHS cho rằng kế hoạch doanh thu (thu nhập lãi thuần), lợi nhuận và cổ tức của SHB dự kiến cho năm 2026 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của SHB.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu SHB.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sang lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông

sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHDCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1.Cổ đông lớn là cá nhân: Không có.

2.2.Đối với cổ đông là tổ chức:

Tính đến thời điểm 31/12/2025, SHB có 01 cổ đông lớn là tổ chức. Thông tin về cổ đông như sau:

- Tên cổ đông: Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
- Năm thành lập: Năm 1993
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100233223
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 31-33 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 22.000 tỷ đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Xuân Sơn – Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: Ông Đỗ Vinh Quang – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán.

Stt	Tên cổ đông	Tại thời điểm hiện tại (31/12/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số lượng cổ phần, số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần, số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*)	Tỷ lệ (**)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	360.471.376	7,846%	360.471.376	6,745%
	Người có liên quan của cổ đông lớn				
1	Đỗ Quang Hiển	125.163.350	2,724%	125.163.350	2,342%
2	Đỗ Vinh Quang	134.526.478	2,928%	134.526.478	2,517%
3	Đỗ Quang Vinh	127.165.207	2,768%	127.165.207	2,379%
4	Đỗ Mỹ Linh	9.427	0,000%	9.427	0,000%
5	Đỗ Thị Thu Hà	93.372.853	2,032%	93.372.853	1,747%
6	Trần Hà Linh	213.632	0,005%	213.632	0,004%
7	Bùi Mai Phương	3.079	0,000%	3.079	0,000%
8	Lê Thị Phương Lan	2.927.137	0,064%	2.927.137	0,055%

9	Lê Minh Hiền	1.236.678	0,027%	1.236.678	0,023%
10	Lê Thị Kim Oanh	9.552.319	0,208%	9.552.319	0,179%
11	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	67.211.421	1,463%	67.211.421	1,258%

Nguồn: SHB

(*) Hiện nay, Công ty cổ phần Tập đoàn T&T đang sở hữu vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 nên không được tăng thêm cổ phần (không được mua thêm cổ phần trong đợt chào bán) cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đã nêu. Do đó, số cổ phần sở hữu của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T trước và dự kiến sau khi tăng vốn không thay đổi.

(**) Cùng với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, SHB cũng thực hiện chào bán 200.000.000 cổ phiếu riêng lẻ và 90.629.616 cổ phiếu ESOP. Dự kiến Vốn điều lệ sau các đợt chào bán là 53.442 tỷ đồng, tương ứng số lượng cổ phiếu là 5.344.200.024 cổ phiếu.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: SHB không có cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có.

3. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ và Kế toán trưởng

2.1. Hội đồng Quản trị

Bảng 56: Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT
4	Bà Ngô Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Viết Dần	Thành viên HĐQT
6	Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Phan Đăng Tuất	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: SHB

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

2.1.1. Ông Đỗ Quang Hiển – Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Kĩ sư Vật lý, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2022 - Nay	Giám đốc Vận hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2015 - 2021	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông Vận tải
2013 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2008 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2008 - 2018	Chủ tịch HĐQT	Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội
2005 - 2008	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
1993 - 2022	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
1988 - 1993	Kỹ sư vật lý/Cán bộ Xí nghiệp Công nghệ Quang học	Viện Ngiên cứu Công Nghệ Quốc Gia
1987 - 1988	Kỹ sư vật lý vật lý Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel)
1984 - 1987	Kỹ sư vật lý vô tuyến Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Xí nghiệp sửa chữa máy thu hình

- Chức vụ tại SHB: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc vận hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 125.163.350 cổ phần, tương ứng 2,72% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 782.756.762 cổ phần, tương ứng 17,04% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phát hành bảo lãnh	Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, các dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu và các hợp đồng khác	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
4.200	4.200	247.531	+ Năm 2024: 49.893.706.000 VND + Năm 2025: 55.382.013.500 VND và 25.375.938 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.1.2. Ông Đỗ Quang Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1989
- Trình độ học vấn: 12/12

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị, University of East Anglia, Vương quốc Anh.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2023 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
2022 - 2024	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM
2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - Nay	Giám đốc Khối Ngân hàng số	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - 2023	Chủ tịch HĐTV Phó Chủ tịch thường trực HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - Nay	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2013 - Nay	Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

- Chức vụ tại SHB: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng số kiêm Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
- Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
+ Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM
+ Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 127.165.207 cổ phần, tương ứng 2,77% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 687.382.052 cổ phần, tương ứng 14,96% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm

quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Cấp hạn mức bảo lãnh; Hợp đồng dịch vụ Bảo hiểm toàn diện rủi ro gian lận và Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tại SHB	Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phát hành bảo lãnh	Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, các dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu và các hợp đồng khác	Hội đồng Quản trị
Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cấp hạn mức giao dịch tiền gửi	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị

+ Thù lao, lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao, lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao và lương cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
3.664	3.665	210.592	+ Năm 2024: 50.691.704.000 VND; + Năm 2025: 56.267.791.000 VND và 25.781.799 cổ phiếu.

(*) Thù lao của Ông Đỗ Quang Vinh đối với chức danh Phó Chủ tịch HĐQT SHB là 0 VND trong năm 2024 và năm 2025.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.1.3. Ông Thái Quốc Minh – Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2018 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2023	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Hữu nghị Việt Nam – Mỹ La Tinh
2014 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Sắc đẹp phụ nữ
2009 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghệ và Phát triển Hạ tầng Viễn thông Unitel
2008 - 2018	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex
2006 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân VINA
2009 - 2017	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (hiện nay là SHB FC)
2008 - 2014	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần đầu tư Thùy Dương
2008 - 2014	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam
2006 - 2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Phát triển Vina Phú Gia
2006 - 2008	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2005 - 2006	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân Hàng Tân Việt (sau đổi tên thành Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương)
2002 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, trưởng phòng Thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp	Công ty Tài chính Dầu khí

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1996 - 2002	Phó trưởng phòng Quan hệ Quốc tế Phó trưởng phòng Phòng Tổng hợp thanh Toán	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1993 - 1996	Học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Đại học Tổng hợp Edith Cowan Australia
1987 - 1993	Chuyên viên phòng Quan hệ Quốc tế	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1985 - 1987	Nghĩa vụ quân sự	Sư đoàn 304, quân đoàn 2
1984 - 1985	Chuyên viên phòng vay nợ, viện trợ	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 221.590 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025: Không có

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
2.640	2.640	176.665	+ Năm 2024: 88.332.500 VND; + Năm 2025: 98.049.000 VND và 44.925 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có

2.1.4. Bà Ngô Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
09/2022 - Nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
07/2022 - 08/2022	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2014 - 2015	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2022	Ủy viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đồng Xuân
2012 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần chứng khoán SHB (SHBS)
2011 - 2022	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 2011	Phó phòng phụ trách/ Trưởng phòng KHTH	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2009	Trợ lý TGĐ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
1999 - 2008	Chuyên viên thẩm định dự án Phòng đầu tư phát triển	Công ty Điện toán và Truyền số liệu - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông VN
1994 - 1999	Chuyên viên	Ngân hàng Tokyo Mitsubishi – Hà Nội (VPĐD và Chi nhánh)

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 3.580.206 cổ phần, tương ứng 0,08% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao, lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao, lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao và lương cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
4.038	4.068	219.586	+ Năm 2024: 1.427.173.500 VND; + Năm 2025: 1.584.1622.000 VND và 725.859 cổ phiếu.

(*) Thù lao của Bà Ngô Thu Hà đối với chức danh Thành viên HĐQT SHB là 0 VND trong năm 2024 và năm 2025.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.1.5. Ông Phạm Viết Dần – Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - 2023	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 - 2022	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2016	Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam
2000 - 2007	Phó Phòng	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
1995 - 2000	Sinh viên	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh
1992 - 1995	Nhân viên	Công ty Phong Lan

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 176.516 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 19.572 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
2.361	2.500	140.729	+ Năm 2024: 70.364.500 VND; + Năm 2025: 78.104.500 VND và 35.787 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.1.6. Ông Đỗ Văn Sinh – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2021	Ủy viên Thường trực Ủy Ban Kinh tế	Quốc hội
2004 - 2016	Phó Tổng Giám đốc	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1995 - 2004	Trưởng ban kế hoạch tài chính	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1987 - 1995	Kế toán trưởng	Đài Tiếng nói Việt Nam
1984 - 1987	Trợ lý Ban tài vụ	Trường sĩ quan tài chính Bộ Quốc phòng
1983 - 1984	Chuyên viên	Bộ Tài chính

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 176.516 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.364	2.321	140.729	+ Năm 2024: 70.364.500 VND; + Năm 2025: 78.104.500 VND và 35.787 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.1.7. Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1957
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
22/04/2025 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
03/2022 - Nay	Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
03/2018 - 03/2022	Phó Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
09/2015 - 06/2017	Vụ trưởng – Thường trực	Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương
05/2012 - 08/2015	Chủ tịch HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
12/2009 - 04/2012	Thành viên HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
06/2003 - 04/2012	Viện trưởng	Viện nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương)
10/1986 - 05/2003	Giảng viên	Đại học Kinh tế Quốc dân

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch - Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
0	1.485	0	+ Năm 2024: 0 VND; + Năm 2025: 0 VND và 0 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.2.Ban Kiểm soát

Bảng 57: Danh sách Thành viên BKS

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Lê Thanh Cầm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Vũ Xuân Thủy Sơn	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

2.2.1. Ông Phạm Hòa Bình - Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2012 - Nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
05/2009 - 05/2012	Thành viên BKS, Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
10/2006 - 05/2009	Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
10/2003 - 10/2006	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, Chi nhánh Cần Thơ
07/1998 - 10/2003	Chánh thanh tra	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ
08/1991 - 07/1998	Phó Chánh thanh tra	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ
02/1990 - 07/1991	Nhân viên Phòng Tổng hợp-Quản lý tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ

- Chức vụ tại SHB: Trưởng BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 275.584 cổ phần, tương ứng 0,006% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức

2.100	2.100	20.000	+ Năm 2024: 109.856.000 VND; + Năm 2025: 121.940.000 VND và 55.872 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.2.2. Bà Lê Thanh Cẩm - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2017 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2013 - 2020	Phó Giám đốc Khối KTNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 - 2013	Phó Giám đốc Quản lý rủi ro; Giám đốc Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Hàng Hải
2007 - 2009	Giám đốc Khối KD tiền tệ ngoại hối; Giám đốc Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình
1991 - 2007	Trưởng phòng KD ngoại tệ	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 100.344 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
1.260	1.260	80.000	+ Năm 2024: 40.000.000 VND; + Năm 2025: 44.400.000 VND và 20.344 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.2.3. Ông Vũ Xuân Thủy Sơn - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2012 - 2016	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng Kiểm toán KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2010 - 2011	Quản trị viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2007 - 2010	Trưởng Bộ phận KTNB phía Bắc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 - 2007	Kiểm toán viên	Ngân hàng TMCP Á Châu

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2003 - 2004	Nhân viên Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Chức vụ tại SHB: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 100.344 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
1.260	1.260	80.000	+ Năm 2024: 40.000.000 VND; + Năm 2025: 44.400.000 VND và 20.344 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 58: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Thu Hà	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Đỗ Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc

5	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Đinh Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Nguyễn Thị Thùy Phương	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

2.3.1. Bà Ngô Thu Hà - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT

2.3.2. Ông Đỗ Quang Vinh - Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT

2.3.3. Ông Đỗ Đức Hải - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1982
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBĐH	Ngân hàng TNHH MTV Sài gòn - Hà Nội Campuchia
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBĐH	Ngân hàng TNHH MTV Sài Hòn - Hà Nội Lào
2023 - 04/2024	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2021 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2023	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Vạn Phúc

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2010 - 2012	Phó Giám đốc/Giám đốc	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Chi nhánh Vạn Phúc
2008 - 2010	Phó phòng/Trưởng phòng phát triển kinh doanh	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Sở Giao dịch Hà Nội
2004 - 2008	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBĐH, Ngân hàng TNHH MTV Sài gòn – Hà Nội Campuchia

+ Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBĐH, Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 223.074 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
3.564	3.586	177.668	+ Năm 2024: 88.924.500 VND; + Năm 2025: 98.7050.500 VND và 45.225 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.4. Ông Lê Đăng Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
4/2009 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
12/2019 - 06/2023	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
05/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
05/2014 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama
03/2014 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
03/2014 - 2024	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 03/2009	Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2003 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn Vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2000 - 2003	Chuyên viên phân tích tổng hợp và Chuyên viên nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế
1995 - 2000	Chuyên viên Kế toán Tổng hợp	Công ty Nhiếp ảnh trung ương

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội

+ Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama

+ Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 221.094 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 67.214.030 cổ phần, tương ứng 1,46% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, các dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu và các hợp đồng khác	Hội đồng Quản trị

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
3.495	3.539	176.270	+ Năm 2024: 88.135.000 VND; + năm 2025: 97.829.500 VND và 44.824 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.5. Ông Nguyễn Huy Tài - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Năm sinh: 1974

- Trình độ học vấn: 11/11

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2013 - 21/10/2021 17/01/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 21/10/2021 17/01/2023 - Nay	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội
2020 - 2023	Giám đốc Khối Quản lý và xử lý nợ có vấn đề	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2009	Phó Giám đốc Trưởng phòng Giao dịch Ba Đình	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội
2005 - 2007	Giám đốc Phòng giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
2001 - 2005	Trưởng phòng Giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
01/2001 - 11/2001	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 221.094 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	Năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
3.560	3.570	176.270	+ Năm 2024: 88.135.000 VND; + Năm 2025: 97.829.500 VND và 44.824 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.6. Bà Ninh Thị Lan Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 - Nay	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2012	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2008	Phó Trưởng phòng KTTK	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2003 - 2007	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng Liên doanh Việt Thái, Chi nhánh Hà Nội
2001 - 2003	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Hội sở chính
1997 - 2001	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1996 - 1997	Nhân viên Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 367.638 cổ phần, tương ứng 0,008% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
2.951	2.954	176.270	+ Năm 2024: 146.551.500 VND; + Năm 2025: 162.672.000 VND và 74.535 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.7. Ông Đinh Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
12/2025 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2024 - 12/2025	Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2023 - 2024	Phó Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2020 - 2023	Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2019 - 2020	Phó Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2019	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Ba Đình
2011 - 2012	Trưởng Phòng Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2010 - 2011	- Phó trưởng phòng Phát triển kinh doanh SGD Hà Nội - Phó trưởng phòng PT phòng Phát triển kinh doanh SGD Hà Nội	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2006 - 2010	Cán bộ Tín dụng	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán	Công ty Nhựa cao cấp hàng không (Sân bay Gia Lâm)
2003 - 2005	Chuyên viên Kế toán	Công ty du lịch và dịch vụ Hồng Gai (Quảng Ninh)
2000 - 2003	Chuyên viên điều hành tour	Công ty du lịch và dịch vụ Hồng Gai (Quảng Ninh)

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 1.003.440 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**

2.219	3.489	800.000	+ Năm 2024: 400.000.000 VND; + Năm 2025: 444.000.000 VND và 203.440 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

2.3.8. Bà Nguyễn Thị Thùy Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1978
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2026 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2024 - 2025	Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2023 - 2024	Phó Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2011 – 2023	Giám đốc Trung tâm Nghiệp vụ Ngân hàng quốc tế, Khối vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 – 2011	Trưởng Trung tâm Nghiệp vụ Ngân hàng quốc tế	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2010	Trưởng Phòng Thanh toán Quốc tế	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2004 – 2007	Phụ trách Trung tâm Thanh toán kiêm Trưởng phòng Thanh toán quốc tế	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
2002 - 2003	Nhân viên bảo hiểm	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex PJICO
2000 - 2002	Nhân viên Xuất Nhập khẩu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 5 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
1.729	1.668	700.000	+ Năm 2024: 350.002.500 VND; + Năm 2025: 388.502.500 VND và 178.010 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có

2.3.9. Bà Ngô Thị Vân - Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - Nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2015	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Trung tâm kinh doanh
2012 - 2014	Phó Trưởng Ban tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
06/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 - 2012	Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2008 - 2010	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2006 - 2008	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2002 - 2005	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Denso VN

- Chức vụ tại SHB: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

+ Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng trong năm 2024 và năm 2025: Không có.

+ Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2024 và năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	**Năm 2025 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phiếu)**	**Cổ tức**
1.177	1.187	30.000	+ Năm 2024: 15.000.000 VND; + Năm 2025: 15.000.000 VND và 5.926 cổ phiếu.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/12/2025: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/Cổ phiếu
3. **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 459.370.384 cổ phiếu

4. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 4.593.703.840.000 đồng

5. **Giá chào bán dự kiến:** 12.500 đồng/Cổ phiếu

6. **Phương pháp tính giá**

- Nguyên tắc xác định:
  + Giá trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của SHB đã được soát xét tại ngày 30/06/2025 là 15.563 đồng/cổ phiếu.
  + Giá đóng cửa cổ phiếu SHB (trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) bình quân 10 phiên giao dịch liên tiếp từ ngày 03/10/2025 đến ngày 16/10/2025 là 17.700 đồng/cổ phiếu.
- Xác định giá chào bán: Để đảm bảo đợt chào bán thành công, mặt khác để tăng tính ưu đãi cho cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 12.500 đồng/cổ phiếu.

  ĐHĐCĐ SHB đã thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **12.500 đồng/cổ phiếu**.

7. **Phương thức phân phối**

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo quy định hiện hành sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN:

- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành
- Tỷ lệ thực quyền: 100:10 (theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua sẽ nhận được 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua thêm 10 cổ phiếu mới)
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được quyền mua cổ phiếu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền (nếu có):
  + Phương án làm tròn: Cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
  + Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền theo phương án làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
  + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản

2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết, HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- Hạn chế chuyển nhượng:
  + Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng
  + Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký: SHB sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
  + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
  + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở chính của SHB.
- Việc nộp tiền mua cổ phiếu mới chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản quy định tại Mục 12.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Sau khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp, Hội đồng quản trị SHB sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông (Danh sách Người sở hữu chứng khoán) để thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán.

- Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo Phát hành cổ phiếu.
- Lộ trình dự kiến như sau:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	D
2	Công bố thông tin Thông báo Phát hành theo quy định	D - D + 7
3	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	D + 11 đến D + 25
4	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán	D + 30 đến D + 50
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán	D + 30 đến D + 55
6	Thực hiện chào bán và xử lý đối với số cổ phiếu còn dư mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 55 đến D + 65
7	Báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN	D + 65 đến D + 70
8	Thay đổi số lượng Chứng khoán đăng ký với VSDC và Đăng ký Niêm yết bổ sung cổ phiếu với HOSE sau đợt chào bán	D + 70 đến D + 100

Lưu ý: *Thời gian trên là dự tính và có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai công việc.*;

10. Phương thức thực hiện quyền

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba).
- Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên
- Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

- Đơn vị thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- Số tài khoản: 6808222222
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3

Ngân hàng nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là tổ chức có liên quan của SHB. Tài khoản phong tỏa không trùng với tài khoản thanh toán của SHB

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Không có.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Căn cứ văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB là 30%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 13/02/2026 (bao gồm cá nhân và tổ chức) tại SHB là 160.730.506 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 3,50%.
- Trong thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, SHB đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật.
- Khi thực hiện phân phối cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) cho các đối tượng khác, HĐQT SHB phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SHB tuân thủ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN.

16. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu lý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán cổ phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

16.1. Đối với SHB

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025 quy định mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh của SHB là 20%.

- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động của SHB thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế khác: SHB kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

16.2. Đối với Nhà đầu tư Cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán
  + Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5 Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.*
  + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức
  + Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
  + Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

16.3. Đối với Nhà đầu tư Tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán
  + Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025, thu nhập chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  + Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7. Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

17. Thông tin về các cam kết

- Hội đồng quản trị SHB cam kết *"Triển khai thực hiện thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký và đăng ký niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định hiện hành"*;
- Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

18.1. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã chứng khoán: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Loại tiền: Việt Nam Đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 200.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: 2.000.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ chào bán: 4,35% số cổ phiếu đang lưu hành.
- **Giá chào bán**: 16.850 đồng/cổ phiếu.

  Giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở bình quân số học giá đóng cửa của cổ phiếu SHB của 10 phiên giao dịch liên tiếp (trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) liền kề trước ngày Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết triển khai Phương án chào bán.
- **Mục đích chào bán**: để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.
- **Đối tượng chào bán**: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.
- **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư**: Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (bao gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) có tiềm lực tài chính và đáp ứng đầy đủ quy định pháp luật hiện hành về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- **Phương thức chào bán**:

  Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành..
- **Phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt dự kiến huy động từ đợt chào bán**:

  Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Ngân hàng và/hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp, phù hợp với nguồn lực, dòng tiền và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của SHB.

- **Phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết**:

  Trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế chào bán không đạt như dự kiến, HĐQT tiếp tục tìm kiếm, đàm phán và quyết định việc chào bán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác, với mức giá chào bán không thấp hơn giá đã chào bán cho nhà đầu tư ban đầu. Trường hợp vẫn còn cổ phiếu không phân phối hết sau khi thực hiện phân phối tiếp theo nguyên tắc nêu trên, HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- **Hạn chế chuyển nhượng**:

  Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

- **Thời gian thực hiện**: Trong năm 2026, sau khi SHB hoàn thành việc đăng ký chào bán với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- **Thời gian dự kiến hoàn thành:** Trong năm 2026 hoặc cho đến khi SHB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật

- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**: Số tiền thu được từ đợt chào bán là 3.370.000.000.000 đồng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
- Cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ TSCĐ	1.685.000.000.000	Trong 2026
- Cho vay sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án	1.685.000.000.000	Trong 2026
Tổng	**3.370.000.000.000**	

- Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của SHB.

- **Lưu ký và niêm yết bổ sung:** Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại HOSE theo đúng quy định của Pháp luật.

18.2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã chứng khoán: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Loại tiền: Việt Nam Đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 90.629.616 cổ phiếu.

- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: 906.296.160.000 đồng.
- Tỷ lệ phát hành dự kiến: 1,97%.
- **Đối tượng phát hành**: Người lao động SHB được lựa chọn đáp ứng Tiêu chuẩn theo quy định của SHB.
- **Phương thức phát hành**: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB.
- **Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.**
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phổ thông phát hành cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng **18 tháng** kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**: Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 906.296.160.000 đồng sẽ được sử dụng cho hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Cho vay sản xuất kinh doanh, Cho vay KHCN tiêu dùng	906.296.160.000 đồng	Trong 2026
Tổng cộng	**906.296.160.000 đồng**	

- **Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm** để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của SHB.
- **Xử lý cổ phần không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có)**: Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phần không được người lao động SHB có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua đăng ký mua hết (nếu có), HĐQT phân phối lại cho các người lao động khác trong Ngân hàng để đảm bảo phát hành đủ số cổ phần dự kiến phát hành.
- **Thời gian thực hiện**: Trong năm 2026, sau khi SHB hoàn thành việc đăng ký phát hành với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- **Thời gian dự kiến hoàn thành:** Trong năm 2026 hoặc cho đến khi SHB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật
- **Lưu ký và niêm yết:** Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại HOSE theo đúng quy định của Pháp luật..

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của SHB có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, nâng cao khả năng cạnh tranh của SHB trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của SHB, cụ thể:

- Nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn nữa các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng nhằm thích ứng với những biến động của thị trường, tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Thực hiện các dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin, đẩy mạnh phát triển Ngân hàng số hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu Việt Nam.
- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư vào các dự án chiến lược của Ngân hàng.
- Mở rộng quy mô cho vay nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 5.742.129.800.000 đồng sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông và sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
- Cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ TSCĐ	1.500.000.000.000	Trong 2026
- Cho vay sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án	3.742.129.800.000	Trong 2026
- Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà	500.000.000.000	Trong 2026
Tổng cộng	**5.742.129.800.000**	

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn khác để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 7105 0000

Website: *www.deloitte.com/vn*

2. Tổ chức Tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 Fax: (84 24) 38 181 688

Website: *www.shs.com.vn*

3. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt Chào bán/Phát hành của SHB.

Đợt Chào bán/Phát hành của SHB được tuân thủ theo đúng quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật và Nghị định.

Theo đó, SHB sẽ triển khai thực hiện 03 Phương án Chào bán/Phát hành: *(1) Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; (2) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư; (3) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025* trong cùng một đợt.

Với kế hoạch kinh doanh có tính khả thi, SHS cho rằng đợt Chào bán/Phát hành của SHB có khả năng thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, phap lý, hoặc kinh doanh của mình để đưa ra quyết định đầu tư.

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
2. **Phụ lục II:**

   Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 18/11/2025; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 kèm Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025;

   Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2025/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025;
3. **Phụ lục III:** Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa;
4. **Phụ lục IV:**.Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
5. **Phụ lục V:** Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
6. **Phụ lục VI:** BCTC Riêng và Hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán; 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét và năm 2025 tự lập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Quang Hiển

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Thị Vân

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Linh

BẢN SAO

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1320/NHNN-QLGS V/v tăng vốn điều lệ của SHB	*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Về đề nghị tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) tại Văn bản số 1045/2026/CV-SHB ngày 30/01/2026, Văn bản số 1358/2026/CV-SHB ngày 10/02/2026, Văn bản số 1524/2026/CV-SHB ngày 24/02/2026 và hồ sơ, tài liệu kèm theo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc SHB tăng vốn điều lệ tối đa thêm 7.500.000.000.000 đồng *(bảy nghìn năm trăm tỷ đồng)* thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB đã được Đại hội đồng cổ đông SHB thông qua (bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 và Hội đồng quản trị SHB thông qua tại Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026.

2. Yêu cầu SHB:

2.1. Thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã sửa đổi bổ sung) (Luật Các TCTD) và các văn bản hướng dẫn của NHNN sau khi tăng vốn.

2.2. SHB chỉ được thực hiện tăng vốn theo Mục 1 nêu trên khi tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

2.3. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân mua cổ phần của SHB thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo đúng quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Các TCTD, Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 50) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, trong đó lưu ý nhà đầu tư, người lao động mua cổ phần SHB phải:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SHB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SHB; không được mua cổ phần của SHB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật; cổ đông nhận ủy

thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho SHB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư tại SHB. SHB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các TCTD về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan.

- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan (Công ty cổ phần Tập đoàn T&T và người có liên quan sẽ không tham gia mua, nhận chuyển nhượng cổ phiếu SHB trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động).

2.4. Tuân thủ quy định về phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định pháp luật có liên quan.

2.5. Tuân thủ quy định pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua, sở hữu cổ phần của TCTD Việt Nam.

2.6. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật, SHB thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 50.

3. Văn bản này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 037555 Quyển số: 01-SCT/BS
Ngày: 27-02-2026

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- NHNN Chi nhánh KV1 (để p/h);
- Lưu: VP, QLGS4.
ĐTTHẢO.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Phạm Quang Dũng

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG AN NHẤT NAM
S.Đ.K.H.Đ: 75-C.T.H.D - P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

SHB
NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN - HÀ NỘI

Số: 02 /2025/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025 THEO HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) hiện hành;*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của SHB được lập ngày 18/11/2025,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) theo Tờ trình số 07/2025/TTr-HDQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng Quản trị SHB với các nội dung sau:

1. Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các nội dung Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện.
2. Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và và các nội dung Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện.
3. Thông qua Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB và các nội dung Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện.

Điều 2. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2026 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng Quản trị SHB với các nội dung sau:

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte) để kiểm toán Báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026.
2. Trong trường hợp không thực hiện được phương án tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, bằng Nghị quyết này ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn một trong số

các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026 (không phân biệt thứ tự ưu tiên), bao gồm:

a) Công ty TNHH KPMG (KPMG);

b) Công ty TNHH Ernst &Young Việt Nam (E&Y);

c) Công ty TNHH PWC (Việt Nam) (PWC).

Đồng thời, ĐHĐCĐ giao Hội đồng Quản trị toàn quyền quyết định/phê duyệt, chỉ đạo tổ chức triển khai việc ký kết Hợp đồng/Thỏa thuận với một trong số các Công ty kiểm toán đã được ĐHĐCD lựa chọn tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này phù hợp với tình hình thực tế, quy định pháp luật, NHNN, Điều lệ SHB (tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 31 Điều lệ SHB), hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, hài hòa quyền lợi của cổ đông và SHB.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 18/11/2025. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NHNN Việt Nam (để b/cáo);
- UBCK Nhà nước (để b/cáo);
- Sở GDCK TP.HCM (để CBTT);
- Lưu VT, VP.HĐQT, Ban IR.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Đỗ Quang Hiển

SHB

NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN – HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) hiện hành;*
- *Căn cứ thực tế kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến cổ đông ngày 18/11/2025.*

Biên bản kiểm phiếu được lập vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Số 77 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tổ chức kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cụ thể như sau:

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Quang Hiển - Chủ tịch HĐQT;

II. BAN KIỂM PHIẾU

1. Bà Ngô Thị Vân, Kế toán trưởng - Trưởng ban;
2. Ông Lê Nguyên Tuyên, Phó Chánh Phụ trách VP TGĐ – Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Minh Thu, Trưởng phòng Quản lý cổ đông, cổ phần – Thành viên;
4. Bà Lê Thị Nụ, Giám đốc Ban CS&KS Kế toán - Thuế - Thành viên.

III. BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

1. Ông Phạm Hòa Bình - Trưởng Ban kiểm soát;
2. Ông Vũ Xuân Thủy Sơn - Thành viên Ban kiểm soát;
3. Bà Lê Thanh Cẩm - Thành viên Ban kiểm soát.

IV. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: **NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 77 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Mã số doanh nghiệp: 1800278630.

V. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề sau:

(1) Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB;

(2) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2026 của SHB.

VI. VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB và ủy quyền thực hiện theo nội dung Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của HĐQT SHB.

2. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2026 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng Quản trị SHB.

VII. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU ĐỐI VỚI TỪNG VẤN ĐỀ

1. Thông tin chung

a) Tổng số cổ phiếu đã phát hành của SHB: 4.594.200.024 cổ phiếu, trong đó:

- Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.593.703.838 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 496.186 cổ phiếu

b) Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 16/10/2025 để lấy ý kiến bằng văn bản (bao gồm cả thể nhân và pháp nhân) là: 159.792 cổ đông; Tổng số cổ phần nắm giữ là 4.593.703.838 cổ phần, tương ứng 4.593.703.838 phiếu biểu quyết. Trong đó:

- Số cổ đông có quyền biểu quyết là 159.792 cổ đông, tương ứng 4.593.703.838 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không có quyền biểu quyết: 0 phiếu.

c) Tính đến thời điểm 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2025, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội nhận được phiếu biểu quyết của 1.181 cổ đông đã tham gia biểu quyết, tương ứng với 3.071.192.716 phiếu biểu quyết. Phương thức gửi phiếu biểu quyết: Gửi trực tiếp/Gửi chuyển phát nhanh/Gửi thư điện tử *(Chi tiết tại Phụ lục: Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết).*

2. Kết quả kiểm phiếu cho từng vấn đề

2.1 Thông qua việc phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện theo nội dung Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của HĐQT SHB với các nội dung sau.

2.1.1 Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện.

Stt	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (%)
I	**Hợp lệ**	**3.069.064.976**	**66,81%**
1	Tán thành	3.018.417.831	65,71%
2	Không tán thành	50.186.007	1,09%
3	Không có ý kiến	461.138	0,01%
II	**Không hợp lệ**	**2.127.740**	**0,05%**
Tổng cộng		**3.071.192.716**	**66,86%**

2.1.2 Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện

Stt	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (%)
I	**Hợp lệ**	**3.069.064.976**	**66,81%**
1	Tán thành	2.990.225.788	65,09%
2	Không tán thành	72.497.627	1,58%
3	Không có ý kiến	6.341.561	0,14%
II	**Không hợp lệ**	**2.127.740**	**0,05%**
Tổng cộng		**3.071.192.716**	**66,86%**

2.1.3. Thông qua Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện

Stt	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (%)
I	**Hợp lệ**	**3.069.064.976**	**66,81%**
1	Tán thành	2.999.197.904	65,29%
2	Không tán thành	63.012.390	1,37%
3	Không có ý kiến	6.854.682	0,15%
II	**Không hợp lệ**	**2.127.740**	**0,05%**
Tổng cộng		**3.071.192.716**	**66,86%**

2.2 Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2026 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng Quản trị SHB.

Stt	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (%)
I	**Hợp lệ**	**3.069.064.976**	**66,81%**
1	Tán thành	3.042.001.457	66,22%
2	Không tán thành	5.510.101	0,12%
3	Không có ý kiến	21.553.418	0,47%
II	**Không hợp lệ**	**2.127.740**	**0,05%**
Tổng cộng		**3.071.192.716**	**66,86%**

VIII. NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA

Căn cứ vào Điều lệ Ngân hàng và kết quả kiểm phiếu, vấn đề sau đã được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện

   Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 65,71% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện

   Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 65,09% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết .

3. Thông qua Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB và các nội dung Giao/Ủy quyền cho HĐQT thực hiện

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 65,29% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết .

4. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2026 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng Quản trị SHB.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 66,22% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Việc kiểm phiếu kết thúc vào hồi 20 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản này gồm 05 trang, được lập thành 03 (ba) bản và đã được các thành viên của Ban Kiểm phiếu, Giám sát kiểm phiếu cùng thống nhất nội dung, nhất trí và ký tên.

CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Quang Hiển

BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
Ngô Thị Vân	Lê Nguyên Tuyên	Nguyễn Thị Minh Thu	Lê Thị Nụ

BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
Phạm Hòa Bình	Vũ Xuân Thủy Sơn	Lê Thanh Cẩm

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA BIỂU QUYẾT

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
I	**Phương thức tham gia biểu quyết: Gửi trực tiếp**		
1	Bạch Khánh Linh	001191022970	1.150
2	Bạch Thị Thanh Nhàn	001185005245	1.000
3	BÊ HUY DƯỠNG	004089000018	6.208.445
4	Bùi Công Minh	091088013264	6.271
5	Bùi Đức Hạnh	037091006705	2.833
6	BÙI DUY ĐỒNG	034084007842	8.200
7	Bùi Gia Duy	030091005180	731
8	BÙI HỮU LONG	044083000008	7.239
9	Bùi Huy Lai	022090008481	5.132
10	Bùi Kiều Oanh	087191019150	6.000
11	Bùi Phương Anh	034193002871	500
12	Bùi Quang Phúc	034089011065	18.828
13	Bùi Thanh Hùng	051081005290	1.900
14	BÙI THỊ CHUNG THỦY	031191003405	760
15	Bùi Thị Chuyên	034300006585	13.390
16	Bùi Thị Hậu	035190008609	7.651
17	Bùi Thị Hiền	035191007226	6.600
18	BÙI THỊ HOA	036181001151	5.542
19	BÙI THỊ MAI	001189029526	15.000
20	BÙI THỊ NGA	022173007148	40.000
21	BÙI THỊ NGỌC	022187013871	1.100
22	Bùi Thị Ngọc Lan	034185008183	771
23	Bùi Thị Phương Thảo	034187002499	1.254
24	Bùi Thị Thanh Hiền	001176045972	52.800
25	Bùi Thị Thanh Nhã	001186010949	102.082
26	Bùi Thị Thanh Vân	035182012878	18.520
27	Bùi Thị Thu Hằng	031173009437	2.223.197
28	Bùi Thị Thu Huế	040180000150	364.300
29	Bùi Thị Thu Minh	031189004975	12.543
30	Bùi Thị Thu Trà	034178005896	2.508
31	Bùi Thị Thủy	017188009005	780
32	Bùi Thị Thúy Nhung	022174000393	9.982
33	Bùi Thị Trang	034187018547	5.000
34	Bùi Thị Tuyết Nhung	036193013114	6.034
35	Bùi Thu Hằng	008193011609	2.064
36	Bùi Trung Vinh	001083038732	8.803
37	CAO HỒNG VÂN	001181044745	7.000
38	Cao Thị Trà	040187031766	5.800
39	Cao Thu Hằng	035183005886	6.801
40	Châu Thị Anh Thư	082189005866	1.070
41	CHÂU THỊ QUÝ	064184008145	2.130
42	Chế Hoài Phong	070095001981	1.400

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
43	Chế Thanh Tâm	040189015398	61.753
44	Chiêm Hoàng Tân	074087006138	2.373
45	Chu Thị Thanh Tâm	024193018343	3.102
46	CHÚC HÀ CHI	019196004645	4.000
47	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG MINH	0103965176	1.000.000
48	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam	14/gpđc10/kdbh	1.082.084
49	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	13 GP/KDBH	14.444.000
50	CÔNG TY TNHH MANULIFE (VIETNAM)	cs9767	332.000
51	CÔNG TY TNHH RICH MEDIA	0101642677	2.750.000
52	Đàm Mạnh Quân	001092008712	4.000.000
53	Đàm Thị Phương Anh	026188002891	2.800
54	Đặng Hồng Thành	037080012479	63.000
55	Đặng Hữu Bình	087087020965	1.428
56	ĐẶNG KIỀU HƯNG	042084004731	99.000
57	Đặng Mai Thành	042186000749	10.106
58	Đặng Minh Tiến	034079000054	66.571
59	ĐẶNG MINH VƯƠNG	001092041400	266.666
60	Đặng Ngọc Đức	001080010324	627.150
61	Đặng Quang Hoàng Sơn	048084007634	6.137
62	Đặng Thế Thịnh	001095018402	300.000
63	Đặng Thị Hiền	040186006557	9.000
64	Đặng Thị Thanh Huyền	022191014789	10.107
65	Đặng Thị Thanh Huyền	030188000504	1.000
66	Đặng Thị Thu Hằng	022185001145	1.130
67	ĐẶNG THỊ THU TRANG	034191000014	1.000
68	Đặng Thị Yến	030177006087	3.260
69	Đặng Tố Loan	012946085	2.558.547
70	Đặng Văn Thân	022080005412	139.083
71	Đặng Văn Triu	034084013991	1.243
72	Đặng Việt Anh	001076035667	627.150
73	ĐÀO MINH THỊNH	022185011189	8.073
74	Đào Mộng Long	038077014702	741.571
75	Đào Quốc Huy	033097000977	7.000
76	Đào Thị Kim Tuyến	001178057733	37.178
77	ĐÀO THỊ KIM YẾN	034187017746	5.000
78	Đào Thị Nguyệt	001185032124	32.645.360
79	Đào Thị Nhẫn	037189000513	908
80	Đào Thị Thanh Hà	001179080056	2.640
81	Đào Thị Thu Hương	031181008708	1.163
82	ĐÀO THU HÀ	036187006169	569
83	ĐÀO THÚY HẰNG	025191005504	1.130
84	Đinh Cẩm Vân	001185031878	5.564

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
85	Đinh Hữu Công	008090003389	1.723
86	Đinh Hữu Tùng	001080047509	7.495
87	Đinh Ngọc Dũng	022076004511	1.003.440
88	Đinh Nguyễn Tố Anh	001187044375	2.500
89	Đinh Thị Ánh Nguyệt	024189006130	18.696
90	Đinh Thị Bích Hằng	031184017628	427.300
91	Đinh Thị Phượng	001193021107	6.622
92	ĐINH THỊ THANH	031180001860	100.000
93	Đinh Thị Thanh Ngân	037192003347	730
94	ĐINH THỊ THU HƯƠNG	001184034103	3.130
95	Đinh Thị Thu Trang	040189001502	3.084
96	ĐINH THÚY NGA	022180002315	732
97	Đinh Văn Việt	035093009152	2.373
98	ĐINH VĨNH LỘC	049090000228	249.900
99	ĐỖ BẮC TRUNG	022091001232	1.000
100	Đỗ Đức Hải	001082037755	222.848
101	Đỗ Duy Thảo	001084043541	3.271
102	Đỗ Hoàng Hà	010184002258	19.928
103	ĐỖ HỮU KIM NGHI	079193008003	4.130
104	Đỗ Huy Hiền	036097006725	422.980
105	Đỗ Huyền Minh	001178000774	2.000
106	ĐỖ KHÁNH LINH	035085006693	1.701
107	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH ANH	034185022552	752.580
108	Đỗ Quang Hiển	001062048690	125.163.350
109	Đỗ Quang Vinh	001089000968	127.165.207
110	ĐỖ QUỐC BÌNH	015054000003	757.917
111	ĐỖ QUỲNH MAI	001195033799	2.000
112	ĐỖ THÀNH DŨNG	034085010211	6.500
113	Đỗ Thanh Hải	074081002758	2.938
114	Đỗ Thành Hưng	019081000180	879.310
115	Đỗ Thị Bích Hợp	001184001924	815.295
116	ĐỖ THỊ CHÚC	001173034029	10.000
117	Đỗ Thị Duyên	033189004168	501
118	ĐỖ THỊ HÀ	038188018914	2.000
119	Đỗ Thị Hòa	036184005625	1.000
120	Đỗ Thị Huyền Trang	033189003652	1.500
121	ĐỖ THỊ KIM THANH	001184031756	1.246
122	ĐỖ THỊ LỆ DUNG	034188004010	79.000
123	Đỗ Thị Ngoãn	034185008367	13.797
124	Đỗ Thị Nguyện	038189011185	3.000
125	Đỗ Thị Thành	019184000867	23.000
126	ĐỖ THỊ THANH UYÊN	014192000009	1.829
127	ĐỖ THỊ THU TRANG	001182054205	1.565
128	Đỗ Thị Thùy Linh	040195000314	539

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
129	ĐỖ TÚ ANH	010196008584	4.000
130	Đỗ Tuấn Linh	001091054854	8.216.221
131	Đỗ Văn Đông	001084065821	2.756
132	Đỗ Văn Hiệp	020075007769	12.483
133	ĐỖ VĂN HIẾU	034081000006	420.000
134	Đỗ Văn Mẫn	035069003921	67.000
135	Đỗ Xuân Long	038082004303	390.044
136	ĐOÀN DIỆU LINH	031188002268	991
137	ĐOÀN NGỌC HƯỞNG	066095019425	6.271
138	Đoàn Thành Đạt	031095016028	300.000
139	Đoàn Thanh Huyền	001180019554	4.692
140	Đoàn Thị Khánh Linh	031189004008	27.905
141	DOÃN THỊ KIM OANH	033179007487	518.751
142	Đoàn Thị Thu Hà	001186040758	26.853
143	ĐOÀN XUÂN QUANG	008064000006	1.211
144	ĐỒNG PHƯƠNG LINH	001188024707	5.754
145	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG NGA	019186001120	1.000
146	Đồng Xuân Hòa	024077000358	38.515
147	Dương Bảo Quỳnh	091185003457	18.456
148	Dương Đình Tiệp	001086042957	27.492
149	Dương Hoài Nam	001086027325	1.000
150	Dương Minh Phú	091080012869	35.823
151	Dương Minh Thành	034091002787	2.500
152	Dương Ngọc Nhã	027078008068	90.000
153	DƯƠNG PHƯỚC ĐIỀN	086087010530	350.000
154	Dương Quốc Huy	019075019999	6.475.800
155	Dương Thị Hải Yến	001180029002	11.997
156	DƯƠNG THỊ MAI	026184006168	1.700
157	Dương Thị Minh Thúy	008193002203	4.000
158	DƯƠNG THỊ MỸ CHÂU	075191005674	3.935
159	DƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	001181021799	75.700
160	Dương Thị Thu Trang	031185005361	4.000
161	Dương Thị Thùy Dương	022186006512	2.548
162	GIANG THỊ HỒNG MINH	034187005893	1.187
163	Hà Quốc Tuấn	024075000024	1.387.183
164	Hà Sơn Tùng	034088004489	6.000.000
165	Hà Thị Hải Vân	025185007970	22.650
166	Hà Thị Hưng	040182022560	14.600
167	Hà Thị Phương	001179025433	980
168	Hà Thị Thanh Loan	020187008540	3.500
169	Hà Thị Thanh Tâm	015180000093	132.874
170	Hà Thị Thúy Hường	031182014121	5.687
171	Hà Thiên Thư	006192006736	65.430
172	Hà Văn Giang	026085003013	1.300

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
173	Hồ Đắc Quý	040094030011	613
174	HỒ DUY ĐẠT	060082003521	464.882
175	HỒ HỮU QUÝ	038073021036	8.000
176	Hồ Thị Diện	040189006026	3.023
177	Hồ Thị Phương Dung	079178028749	14.926
178	HỒ TUẤN VŨ	038093026555	500
179	HOÀNG DIỆU ANH	000194000050	2.100
180	Hoàng Giang Lam	001074042889	460.966
181	Hoàng Hải Bằng	001091039578	10.514
182	HOÀNG KHẮC PHÙNG HƯNG	040097022509	1.500
183	Hoàng Long	001075011496	250.860
184	Hoàng Minh Long	030083000075	1.155.619
185	Hoàng Mỹ Hạnh	001175044318	271.729
186	Hoàng Ngọc Huyền	038199016030	3.000
187	Hoàng Phan Quỳnh Trâm	048181006039	8.084
188	Hoàng Phương Linh	020193007836	2.052
189	Hoàng Quân Vương	030096011103	2.035
190	Hoàng Thanh Hương	025190000711	8.070
191	Hoàng Thế Dương	040095031327	1.009
192	Hoàng Thị Cẩm Vân	045182001632	501
193	Hoàng Thị Hồng	038185009558	5.280
194	Hoàng Thị Hồng Nhung	022182011436	589
195	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	040187001305	11.000
196	HOÀNG THỊ LAN	030185006770	10.538
197	Hoàng Thị Lan Phương	038186009567	26.335
198	Hoàng Thị Oanh	040183001360	5.000
199	Hoàng Thị Thu Hường	027191012290	15.330.181
200	Hoàng Thị Thu Huyền	008189000547	439.021
201	Hoàng Thị Thu Thủy	038187026693	600
202	Hoàng Thị Thùy Dương	020188003827	1.526
203	Hoàng Thúy Oanh	030190002681	2.000
204	Hoàng Trung Sơn	038088004355	4.226
205	Hoàng Văn Dũng	001075001793	1.456
206	Hoàng Văn Lam	034083010321	10.000
207	Hoàng Xuân Hoan	001069031605	61.948
208	HUỲNH KIM NGÂN	096191006911	600
209	Huỳnh Mỹ Phương	096184012463	7.003
210	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	079184024514	6.055
211	Huỳnh Thế Diệu Sơn	068086009351	2.078
212	Huỳnh Thị Thu Thảo	056183000910	12.543
213	KHỔNG THỊ HƯỜNG	001186018490	10.009
214	Khổng Thị Kim Ngân	010185000856	6.271
215	Khuất Thị Hồng Phương	001176023874	1.546
216	Kiều Đăng Tuấn An	080081003361	45.878

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
217	LÃ THẾ VINH	001082049834	156.240
218	Lại Thị Thuần	036184003434	23.071
219	Lại Tố Mai	001190016821	900
220	Lâm Ngọc Tài	015185000177	3.921
221	Lâm Phúc Hưng	066082010401	878.082
222	Lâm Quốc Thế	040083018612	17.154
223	Lâm Thị Cẩm Tú	095187002305	23.995
224	Lâm Thị Khánh Huyền	064199000010	1.808
225	LÊ ANH TÂN	034081016044	126.548
226	LÊ ANH TUẤN	133091000005	4.060
227	LÊ BÌNH DƯƠNG	022084008305	19.300
228	Lê Cảnh Tường Hân	046184010125	2.916
229	LÊ ĐÌNH BẢO NGỌC	051093009271	2.000
230	Lê Đức Phương	001085017160	3.925
231	Lê Đức Tùng	038089023420	1.350
232	Lê Hồng Nam	001085001233	10.260
233	LÊ HỒNG QUANG	038079028855	60.000
234	Lê Hữu Phú	025089000456	1.000
235	Lê Huyên	035082014581	23.247
236	Lê Minh Phương	001090017310	7.503
237	LÊ MINH TRÍ	030097004380	10.000
238	Lê Minh Tuấn	027083006264	6.826
239	Lê Mỹ Linh	001198019595	5.900
240	Lê Nguyên Tuyên	001074019865	1.004.559
241	LÊ QUANG ĐẠI	049092015675	2.111
242	Lê Quang Đạt	040091003145	2.721
243	LÊ QUANG TUẤN	036084001078	6.250
244	LÊ QUÝ DƯƠNG	038079022418	4.600
245	Lê Quỳnh Anh	048180003635	11.811
246	Lê Sỹ Minh Tuấn	038090050361	8.100
247	Lê Thái Hà	040186008380	11.950
248	Lê Thái Linh Trà	042199008517	1.500
249	Lê Thanh Cẩm	042167002983	100.344
250	LÊ THANH CHÍNH	040086018084	450.000
251	LÊ THANH HUYỀN	038187051700	2.217
252	LÊ THÀNH LUÂN	038076003920	9.831
253	Lê Thành Trung	001079051595	833.300
254	LÊ THẢO QUYÊN	001183022973	1.030.568
255	Lê Thị Ánh	038192001589	5.808.431
256	Lê Thị Bằng	025170001302	12.228
257	Lê Thị Bảo Long	075184006778	13.461
258	Lê Thị Bích Na	010183000010	271.190
259	Lê Thị Bích Ngà	031178005573	16.145
260	Lê Thị Diệu Tiến	045184009300	2.900

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
261	LÊ THỊ GIANG	038195026519	2.200
262	LÊ THỊ HIỀN	042183001903	2.000
263	Lê Thị Hoa Hồng	035192000717	5.600
264	Lê Thị Hoài Thương	049179003056	31.814
265	LÊ THỊ HOÀNG LIÊN	093183005870	1.260
266	LÊ THỊ HOÀNG YẾN	042185000645	11.302
267	Lê Thị Hồng Anh	001194043270	516
268	Lê Thị Hồng Nhung	001192024674	2.034
269	Lê Thị Hồng Thúy	022180002022	699
270	LÊ THỊ HƯỜNG	038187000416	2.128
271	Lê Thị Kiều Dung	001177016615	3.000
272	LÊ THỊ KIỀU VÂN	019175001288	7.459.801
273	Lê Thị Kim Anh	040180021535	30.000
274	LÊ THỊ KIM DUNG	042187000904	1.065
275	Lê Thị Loan	038196016044	6.371
276	LÊ THỊ LƯƠNG	038189015627	2.974
277	Lê Thị Minh Anh	034177009852	376.290
278	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	038184020707	33.900
279	Lê Thị Mỹ Hạnh	045192004406	2.260
280	Lê Thị Nga	040191012981	3.219
281	Lê Thị Ngọc Hoa	025181016876	14.354
282	Lê Thị Ngọc Hoa	051183008716	12.061
283	Lê Thị Nụ	022182002614	18.086.499
284	Lê Thị Phượng	001186027940	1.130
285	Lê Thị Quỳnh	038188039553	5.546
286	Lê Thị San	027193006452	11.644
287	Lê Thị Sáu Năm	001172038875	29.845
288	Lê Thị Tân Thành	001184028757	7.943
289	Lê Thị Thu Hà	075183003938	14.502
290	Lê Thị Thu Hiền	001185007978	1.152
291	LÊ THỊ THU HUYỀN	035193003925	565
292	Lê Thị Thu Nga	079159016286	301.700
293	Lê Thị Thuận	038179000099	50.000
294	Lê Thị Thùy Liên	087189009757	5.330
295	Lê Thị Vân Anh	040188024398	2.500
296	Lê Thị Vân Anh	040185030774	1.000
297	Lê Thị Vinh	027184011177	4.000
298	LÊ THỊ YẾN	033178013940	55.290
299	Lê Thu Hoàng	024179002237	12.546
300	Lê Thúy Vinh	001177029686	2.000
301	LÊ TRUNG THÀNH	038065005126	3.902.462
302	Lê Trương Phúc Anh	089185025185	313.575
303	LÊ VĂN MINH	040072000485	300.000
304	LÊ VĂN TRƯỜNG	001076033271	1.235

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
305	LÊ VŨ HOÀI ANH	040195033667	2.200
306	Liu Ni Kín	075188025817	12.543
307	Liu Ni Và	074180003677	12.650
308	Lương Đức Tuấn	075081003011	56.817
309	Lương Hương Giang	031188006518	1.647
310	LƯƠNG MINH TRÍ	079071041176	708.657
311	Lường Quốc Đạt	038202014258	1.600
312	LƯƠNG THỊ THU QUỲNH	022191013414	2.260
313	LƯƠNG THU HÀ	015184000479	14.107.600
314	Lương Thùy Ninh	031189010234	1.880
315	Lường Văn Vũ	038088023895	50.172
316	Lưu Hồng Sơn	034075019395	7.703
317	LƯU THÀNH ĐÔNG	096087008442	1.691
318	Lý Anh Đào	040063021662	689.865
319	Lý Minh Toàn	092085002643	60.000
320	Lý Thị Tiến	038181017485	679
321	Mai Quỳnh Trang	001180035692	1.770
322	MAI THỊ HUỆ	038191013553	3.339
323	MAI THỊ NHUNG	036186005566	7.254
324	Mai Thu Diệu	006187002598	2.466
325	Ngô Duy Dũng	034081009136	8.000
326	NGÔ HOÀNG PHONG	001092033857	18.921
327	Ngô Mai Anh	001180041851	5.170
328	Ngô Nhật Giao	031081005064	8.740
329	Ngô Thị Bích Hường	001182013861	14.892
330	Ngô Thị Bích Ngọc	001183000848	3.392
331	NGÔ THỊ HOA MAI	001186013317	613
332	Ngô Thị Kim Hương	001184021856	10.000
333	Ngô Thị Minh Huệ	035187001101	21.341
334	Ngô Thị Thanh Bình	036184021321	2.000
335	Ngọ Thị Thảo	034186006767	1.254
336	Ngô Thị Thu Hà	004187000136	8.780
337	Ngô Thu Hà	001173047668	3.580.206
338	NGÔ THÙY LINH	001193011599	700
339	Ngô Văn Bắc	027064011629	2.247.413
340	Ngô Văn Tú	036082018989	2.000
341	NGÔ VIỆT TÙNG	001099027514	700
342	NGUYỄN ANH DŨNG	001081049118	49.654.038
343	Nguyễn Anh Dũng	001091003318	2.149
344	Nguyễn Ánh Lệ	001184004568	5.000
345	Nguyễn Ánh Phương	001188012940	1.647
346	Nguyễn Anh Thu	001177026656	758.204
347	Nguyễn Anh Thư	089186013149	1.897
348	Nguyễn Anh Tuấn	042084017942	1.100

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
349	NGUYỄN ANH TUẤN	022096003424	518
350	Nguyễn Bá Linh	001086000997	6.000
351	NGUYỄN BÁ NHA	001052020614	1.400.024
352	Nguyễn Bảo Trâm	060190005186	1.500
353	Nguyễn Chí Cường	001080035977	1.000
354	NGUYỄN CHÍ NHÂN	001086009766	1.000
355	NGUYỄN CHÍ THANH	034087010909	5.763
356	Nguyễn Chiến Thắng	031083002901	752.601
357	Nguyễn Đại Lộc	022069002852	14.607
358	Nguyễn Diệp Hạnh	001176015520	5.000
359	Nguyễn Diệu Thuần	012188000005	40.400
360	Nguyễn Đình Điệp	024090011843	10.000
361	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	001077033969	1.128.913
362	NGUYỄN ĐÌNH HIỆU	031085008310	3.800
363	Nguyễn Đức Hùng	022085003072	300.000
364	Nguyễn Đức Kim	040077000290	1.000.000
365	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	001087009425	23.600
366	NGUYỄN ĐỨC QUANG	037093012248	516.620
367	NGUYỄN ĐỨC SƠN	030086000113	2.000
368	Nguyễn Đức Trí	079086033331	372.900
369	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	001085012704	1.512.500
370	Nguyễn Duy Hiệp	001082053320	21.599
371	Nguyễn Duy Long	001081013433	18.000
372	Nguyễn Duy Tân	001081038633	29.148
373	Nguyễn Gia Quân	034080000567	254.600
374	Nguyễn Hải Đăng	001089041906	10.000
375	Nguyễn Hải Thanh	038083022375	6.400
376	NGUYỄN HẢI THÀNH	017088005381	1.000
377	Nguyễn Hoàng Anh	033092005346	47.000
378	Nguyễn Hoàng Đạo	035087004611	300.000
379	Nguyễn Hồng Hạnh	031178010760	11.211
380	Nguyễn Hồng Ngọc	031187000583	5.000
381	Nguyễn Hồng Phúc	091083019305	627.150
382	NGUYỄN HÙNG SƠN	001090022897	12.769
383	NGUYỄN HỮU QUYỀN	022069002139	388.218
384	Nguyễn Hữu Sơn	001055006792	298.004
385	Nguyễn Hữu Tâm	064091008424	2.900
386	Nguyễn Hữu Trân	048073000853	5.910
387	NGUYỄN HUY TÀI	010074000055	221.094
388	Nguyễn Huy Thưởng	035073008747	12.041
389	Nguyễn Huyền Lam Phương	046190019014	555
390	NGUYỄN HUYỀN NGA	017182000265	3.900
391	Nguyễn Huyền Vân	001197036073	6.782
392	Nguyễn Khánh Hòa	014188004875	6.271

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
393	NGUYỄN KHÁNH LINH	030193016694	1.020
394	Nguyễn Kiều Ngân	025174013793	25.086
395	Nguyễn Kim Anh	001179003846	2.508
396	Nguyễn Kim Ngân	001184046720	114.727
397	Nguyễn Kim Thắng	034077005956	81.798
398	Nguyễn Lan Hương	001184049582	28.605
399	Nguyễn Lê Bảo Quốc	068083003105	16.040
400	Nguyễn Lê Vân	001186023420	6.495
401	Nguyễn Mai Hương	014186004960	6.836
402	Nguyễn Mạnh Hải	001073022827	259.700
403	NGUYỄN MINH ĐỨC	001098002737	5.650
404	NGUYỄN MINH HẢI	001081027573	4.750.000
405	Nguyễn Minh Ngọc	017086000117	10.010
406	Nguyễn Minh Thảo	001183038276	75.128
407	Nguyễn Minh Trang	008191007784	3.500
408	Nguyễn Minh Trường	060084003807	3.762
409	Nguyễn Ngọc Bảo	022081001918	22.211
410	NGUYỄN NGỌC BÍCH	001193019855	4.600
411	NGUYỄN NGỌC CẦU	001081001408	56.346.067
412	Nguyễn Ngọc Dậu	001169010836	350.300
413	NGUYỄN NGỌC DIỆP	027199000758	900
414	Nguyễn Ngọc Lan	001170022049	55.562
415	Nguyễn Ngọc Linh	044088000107	3.000
416	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	092193000467	7.400
417	Nguyễn Ngọc Trí	074179000593	32.286
418	NGUYỄN NHƯ HÙNG	012072000382	724.900
419	Nguyễn Như Thưởng	034097006696	17.500
420	Nguyễn Nữ Minh Vân	040187015280	1.881
421	Nguyễn Phú Chinh	024081000669	10.000
422	Nguyễn Phước Nguyên	094078009918	21.824
423	Nguyễn Phương Dung	001187017668	10.647
424	NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH	001183002159	8.000
425	Nguyễn Phương Linh	031199010134	3.762
426	Nguyễn Phương Mai	025191000406	58.016
427	Nguyễn Phương Mai	001188029362	15.161
428	Nguyễn Phương Quân	027083017158	802.177
429	Nguyễn Phương Thảo	001187001690	2.260
430	Nguyễn Phương Thủy	001196019393	14.170
431	NGUYỄN QUANG AN	001091047727	650
432	Nguyễn Quang Dũng	001088005821	10.240
433	Nguyễn Quang Hân	001094030897	502.662
434	NGUYỄN QUANG HUY	001072007594	3.400.400
435	Nguyễn Quốc Cường	027091004610	5.009
436	Nguyễn Quốc Toàn	001075000489	1.183.914

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
437	Nguyễn Sỹ Hưng	001079045772	6.271
438	Nguyễn Tái Thiết	096302005949	1.729
439	Nguyễn Tấn Sơn	049086011168	3.800
440	Nguyễn Thái Bảo	079089020639	20.000
441	Nguyễn Thái Bình	031097005989	10.000
442	Nguyễn Thanh Bình	036085000905	1.000
443	Nguyễn Thanh Hải	027183016409	1.040
444	Nguyễn Thanh Hương	001190000314	10.677
445	Nguyễn Thanh Hương	001183039854	2.350
446	Nguyễn Thanh Loan	001180030440	1.148.306
447	NGUYỄN THÀNH LONG	034090010618	1.690
448	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	001188049459	21.214
449	NGUYỄN THANH TÒNG	089089022459	1.100
450	NGUYỄN THANH TÙNG	001078000332	1.358
451	Nguyễn Thanh Vân	001192047651	8.780
452	Nguyễn Thế Anh	001204019523	1.576.125
453	Nguyễn Thị Anh	042185004184	25.086
454	Nguyễn Thị Bác Ái	089175020122	1.001
455	Nguyễn Thị Bảy	001166020999	1.335.956
456	Nguyễn Thị Bích Ngân	087191020287	1.500
457	NGUYỄN THỊ BÍCH NHƯ	093182005516	7.390
458	Nguyễn Thị Châm	027189010532	1.000
459	Nguyễn Thị Diễm Hương	051190008984	8.040
460	Nguyễn Thị Diệu Thúy	001177003786	6.552
461	Nguyễn Thị Diệu Tuyết	001189040647	4.000
462	Nguyễn Thị Dung	036191014308	900
463	NGUYỄN THỊ DUYÊN	034188004551	2.000
464	Nguyễn Thị Giang	001191038387	25.086
465	Nguyễn Thị Hà Phương	001189005285	1.130
466	Nguyễn Thị Hải Yến	001187014353	3.650
467	NGUYỄN THỊ HẠNH	030183014680	40.180
468	Nguyễn Thị Hạnh Hoa	001187013522	5.894
469	Nguyễn Thị Hiên	022170003333	1.950
470	Nguyễn Thị Hiền	034189008658	246.516
471	NGUYỄN THỊ HIỆP	040177000618	46.162.568
472	Nguyễn Thị Hòa	034187010010	2.323
473	NGUYỄN THỊ HOÀI	022184001670	7.539
474	NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	034187014010	904.000
475	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	049198011340	2.443
476	Nguyễn Thị Hội	015186000132	30.000
477	Nguyễn Thị Hồng	022185005055	1.000
478	Nguyễn Thị Hồng Hải	036179009256	627.150
479	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	027189003792	1.432
480	NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY	038187033154	3.500

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
481	Nguyễn Thị Hồng Nhung	066188012900	4.100
482	Nguyễn Thị Hồng Trang	093181009602	439.030
483	Nguyễn Thị Hồng Trinh	052300003087	2.500
484	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	008185000151	28.494.478
485	NGUYỄN THỊ HUẾ	030191008109	3.413
486	Nguyễn Thị Huệ	036184030434	32.291
487	Nguyễn Thị Hương	001173043489	500.000
488	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	064186003793	3.650
489	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	019193007125	865
490	Nguyễn Thị Hương Giang	031185000041	4.011
491	Nguyễn Thị Hương Giang	022183006312	910
492	NGUYỄN THỊ HUYỀN	022182003470	1.000
493	Nguyễn Thị Huyền Anh	022189011265	3.000
494	Nguyễn Thị Khánh Huyền	075197013029	1.000
495	Nguyễn Thị Kim Cúc	001180048482	6.000
496	Nguyễn Thị Kim Dung	040178000427	6.000
497	Nguyễn Thị Kim Oanh	001178033502	27.120
498	Nguyễn Thị Kim Thoa	040184037281	10.000
499	Nguyễn Thị Lan	024191012995	1.600
500	Nguyễn Thị Lan	024181000803	1.130
501	Nguyễn Thị Lan Phương	037195006208	2.600
502	Nguyễn Thị Lệ Hà	087180000126	19.000
503	Nguyễn Thị Lệ Huyền	040184000972	12.543
504	Nguyễn Thị Len	034186008836	1.298
505	Nguyễn Thị Liên	038183024319	12.483.367
506	NGUYỄN THỊ LỤA	001182039754	2.000
507	Nguyễn Thị Mai Hiên	040186001973	18.105
508	Nguyễn Thị Mai Lan	001180005325	2.909
509	Nguyễn Thị Mai Phương	042183009898	29.768
510	Nguyễn Thị Minh Châu	001179048273	15.052
511	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	064183008844	7.000
512	Nguyễn Thị Minh Huệ	025184000066	3.000
513	Nguyễn Thị Minh Hường	022186003086	6.898
514	Nguyễn Thị Minh Nguyên	031181013645	7.655
515	Nguyễn Thị Minh Thu	025182000598	8.664
516	Nguyễn Thị Mỹ Linh	034193005296	40.098
517	Nguyễn Thị Mỹ Loan	001176000799	6.271
518	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	066187003669	1.271
519	Nguyễn Thị Nga	030186003636	1.128
520	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	001190056847	2.470
521	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	036188000426	1.400
522	Nguyễn Thị Ngọc Hà	068188006869	3.000
523	Nguyễn Thị Ngọc Lan	030183022212	500
524	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	002187002535	6.000

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
525	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	033190006725	259.242
526	Nguyễn Thị Nhung	001188018194	24.078
527	Nguyễn Thị Ninh	001186010538	11.288
528	Nguyễn Thị Phương	038190005757	3.000
529	Nguyễn Thị Phượng	022182006755	8.794
530	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	086188012572	2.008
531	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	026183004910	20.000
532	Nguyễn Thị Phương Thảo	001197029016	7.244
533	Nguyễn Thị Phương Thảo	022187010338	650
534	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	074184006496	2.266
535	NGUYỄN THỊ QUYÊN	022188007366	1.300
536	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	014197001783	3.762
537	Nguyễn Thị Sen	030185014713	10.034
538	NGUYỄN THỊ TÂM	027194010683	7.024
539	Nguyễn Thị Thân	040192014019	4.892
540	Nguyễn Thị Thanh	034179011960	526
541	Nguyễn Thị Thanh Giang	001184015681	5.650
542	Nguyễn Thị Thanh Hải	030182011963	676.816
543	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	001177016629	16.300
544	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	001176016302	3.762
545	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	070186000168	630
546	Nguyễn Thị Thanh Nga	040188038462	6.595
547	Nguyễn Thị Thanh Thủy	001185031016	2.522
548	NGUYỄN THỊ THANH TỊNH	042184018336	11.004
549	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	022185001056	25.299
550	Nguyễn Thị Thảo	038191037075	1.141
551	Nguyễn Thị Thu	001188024596	6.271
552	Nguyễn Thị Thu	026183007273	2.079
553	Nguyễn Thị Thu Anh	046185016968	6.635
554	Nguyễn Thị Thu Hà	001191034117	9.054.439
555	Nguyễn Thị Thu Hằng	001183010145	6.271
556	Nguyễn Thị Thu Hiền	033188000244	13.087
557	Nguyễn Thị Thu Hiền	052177012489	3.000
558	Nguyễn Thị Thu Huyền	040184028399	18.900
559	Nguyễn Thị Thu Huyền	022182011632	3.762
560	Nguyễn Thị Thu Khanh	001177023675	46.549
561	Nguyễn Thị Thu Nga	015179000333	8.780
562	Nguyễn Thị Thu Phương	030189005066	4.460
563	Nguyễn Thị Thu Trang	082185006670	11.900
564	Nguyễn Thị Thu Trang	092184003867	2.398
565	Nguyễn Thị Thương	042185005605	1.300
566	Nguyễn Thị Thúy	020176000116	3.750
567	NGUYỄN THỊ THÚY	033184016143	1.096
568	Nguyễn Thị Thủy	040183006417	14.331

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
569	Nguyễn Thị Thuý Hiền	001178026825	1.000
570	Nguyễn Thị Thùy Phương	030178014639	878.015
571	Nguyễn Thị Thủy Quyên	017180000007	17.053
572	Nguyễn Thị Tiến	038191021732	8.152
573	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	042300000235	3.800
574	Nguyễn Thị Tươi	037188000048	3.000
575	Nguyễn Thị Tuyến	038183048018	11.309
576	Nguyễn Thị Tuyết	001181003523	275.584
577	Nguyễn Thị Tuyết Dung	040180002002	10.000
578	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	001182048545	16.056.266
579	Nguyễn Thị Vân	027192010271	600
580	Nguyễn Thị Vân Anh	030178000478	650
581	NGUYỄN THỊ VƯƠNG HÒA	001183026300	4.520
582	NGUYỄN THỊ XUÂN	027191011689	2.141
583	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	031184004914	7.863
584	Nguyễn Thị Xuyến	089192004296	3.130
585	NGUYỄN THIỆN LUÂN	033090014921	50.000
586	Nguyễn Thiều Duyên	001186004797	5.017
587	Nguyễn Thu Hà	001194023698	1.000
588	Nguyễn Thu Hương	001188039842	7.525
589	Nguyễn Thu Hương	001193016384	7.525
590	Nguyễn Thu Huyền	001190022653	1.076
591	Nguyễn Thu Nhài	001185029687	20.340
592	NGUYỄN THU THỦY	033188006805	70.000
593	Nguyễn Thu Thủy	034188015817	1.000
594	Nguyễn Thu Trang	001185039883	560.000
595	Nguyễn Thu Trang	008196007788	7.278
596	Nguyễn Thu Trang	019184000727	679
597	Nguyễn Thu Trang	001188037410	585
598	Nguyễn Thúy Hằng	042186006842	5.711
599	NGUYỄN THÚY HỒNG	008188001392	5.709
600	NGUYỄN THÚY HỒNG	027183015698	1.300
601	Nguyễn Thùy Trang	010192004689	3.306
602	Nguyễn Thùy Trang	058193005808	1.400
603	Nguyễn Tiến Đạt	044095014149	5.800
604	Nguyễn Tiến Quang	031085006548	14.748
605	Nguyễn Trọng Long	033087011972	497.820
606	NGUYỄN TRỌNG TÀI	001087019076	500
607	Nguyễn Trọng Vũ	079082013736	1.300
608	Nguyễn Trung Công	074081006738	516
609	NGUYỄN TRUNG HIẾU	033084017034	519.500
610	Nguyễn Trung Kiên	010084007352	52.491
611	Nguyễn Trung Thành	001086040559	1.511.426
612	NGUYỄN TRUNG THIỆU	091079001793	29.350

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
613	Nguyễn Trường San	025088000032	24.000
614	Nguyễn Tư Tỵ	040077007177	6.500
615	Nguyễn Tuấn Anh	037080005202	500.000
616	NGUYỄN TUẤN HIỆP	033084000027	1.739.717
617	Nguyễn Tuấn Long	001076063074	20.000
618	Nguyễn Tuấn Nghĩa	001083012715	4.000
619	NGUYỄN VĂN BẰNG	038084052921	7.845
620	NGUYỄN VĂN CÔNG	001089027525	500.000
621	Nguyễn Văn Công	030068002314	366.574
622	NGUYỄN VĂN DANH	056084008343	2.000
623	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	077090009189	2.600
624	NGUYỄN VĂN HÒA	086086013445	700
625	NGUYỄN VĂN HỒNG	024070000026	282.500
626	NGUYỄN VĂN HƯNG	031089003100	741
627	Nguyễn Văn Lai	024083000858	2.000
628	Nguyễn Văn Nghĩa	036090026747	2.195
629	Nguyễn Văn Quí	022082002049	3.637
630	Nguyễn Văn Thụ	001084003376	512.717
631	Nguyễn Văn Tình	040085015274	297.000
632	Nguyễn Văn Tụ	031065015103	35.531
633	Nguyễn Văn Tuấn	033084004385	34.087
634	Nguyễn Việt Phương	036091008129	1.824
635	Nguyễn Võ Đông Quỳnh	080183006737	12.705
636	Nguyễn Võ Hữu Duy	080090016726	7.312
637	NGUYỄN VŨ THÀNH	036085004313	265.550
638	Nguyễn Xuân Bách	031091005826	5.204
639	NGUYỄN XUÂN HỢP	034084011951	75.912
640	Nguyễn Xuân Huy	001090017093	1.065
641	Nguyễn Xuân Sáng	001081003999	77.236
642	Nhữ Thị Hồng Hải	035191001731	6.893
643	NINH THỊ LAN PHƯƠNG	033174000585	367.638
644	Nông Xuân Thái	008086012736	1.131.000
645	PHẠM DIỄM HẰNG	001182003165	3.212
646	Phạm Đình Dũng	044076008510	9.900
647	Phạm Đức Tỏ	034083025334	6.385
648	Phạm Hòa Bình	092061000628	275.584
649	Phạm Hồng Hiển	092089003804	6.504
650	PHẠM HỒNG VINH	033075002956	14.000
651	Phạm Hữu Thanh	038088010098	21.300
652	Phạm Kim Đính	082190015588	3.000
653	PHẠM LAN ANH	001178023949	11.948
654	Phạm Lan Hương	001179003135	4.659
655	Phạm Lệ Thu	038181036848	35.285
656	Phạm Minh Tâm	001183035882	5.017

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
657	Phạm Minh Thành	044082001173	1.287
658	Phạm Minh Trang	030188009187	3.785
659	Phạm Ngọc Khiết	037089007002	279.000
660	PHẠM NGỌC QUANG	019079001306	282.300
661	PHẠM NGỌC TÂM ĐỨC	001087010679	700
662	Phạm Ngọc Trà	024192007381	3.650
663	PHẠM QUANG DUY	001092014613	2.900
664	Phạm Tấn Dũng	049074016172	250.000
665	Phạm Thanh Bình	034188003922	285.300
666	Phạm Thanh Nga	001182052255	3.150
667	Phạm Thị Chinh	025185009138	4.100
668	Phạm Thị Đoan Trang	022193003554	6.271
669	Phạm Thị Hà	036190026178	8.780
670	Phạm Thị Hà	008186000156	1.000
671	Phạm Thị Hạnh	035191012515	12.249
672	PHẠM THỊ HIỀN	036181011504	1.900
673	Phạm Thị Hoa	001182011874	14.441
674	Phạm Thị Hoa	034193008306	1.000
675	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	052187011327	452.000
676	Phạm Thị Hồng Nhung	034194016736	3.000
677	PHẠM THỊ HỒNG SƯƠNG	049185005260	53.822
678	Phạm Thị Hồng Tuyên	022186001699	1.300
679	Phạm Thị Hồng Vân	040177005151	996
680	PHẠM THỊ HƯƠNG THẢO	001186039291	3.006
681	Phạm Thị Huyền Chi	048189000047	20.215
682	Phạm Thị Kim Dung	001186040038	7.071
683	Phạm Thị Loan	037184000012	9.543
684	Phạm Thị Mai	038188020038	1.378
685	Phạm Thị Mai Lan	034186021778	771
686	PHẠM THỊ MINH LOAN	075185006942	2.325
687	Phạm Thị Phương Thảo	008184000039	6.073.651
688	PHẠM THỊ SƠN	030184000188	9.863
689	Phạm Thị Thanh Thủy	040186004493	1.406
690	Phạm Thị Thanh Vân	080178010172	1.808
691	PHẠM THỊ THU HIỀN	019180013432	7.159
692	PHẠM THỊ THU HUYỀN	036185020339	360.184
693	Phạm Thị Thủy	034186009999	23.664
694	Phạm Thị Thủy	036192018279	18.637
695	Phạm Thị Thùy Linh	031188006763	1.166
696	PHẠM THỊ TUYẾT	001188034818	5.224.113
697	PHẠM THU THỦY	010184007037	1.751
698	PHẠM THU TRANG	034300010175	3.000
699	Phạm Thùy Dương	036185029837	17.919
700	Phạm Trần Minh	001085016705	11.912

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
701	PHẠM TRƯƠNG VƯƠNG	034090012849	8.000
702	Phạm Văn Lân	040059000577	9.250.615
703	Phạm Văn Tài	036085026335	650
704	PHẠM VĂN THÀNH	034083020900	463.710
705	PHẠM VĂN TRẦN	030085013300	513.000
706	Phạm Văn Triệu	095092001833	585
707	Phạm Viết Dần	037074007918	176.516
708	PHẠM XUÂN TUẤN	035080000185	6.000
709	Phan Chí Anh	096086002875	3.955
710	Phan Công Cần	091081006544	4.000
711	Phan Đông Anh	014072007052	251.447
712	Phan Hồng Tươi	096186011009	500
713	PHAN MINH HUỆ	034182017338	3.512
714	Phan Nguyệt Ánh	025195008404	1.000
715	Phan Phú	034073008351	3.000.000
716	Phan Thu Hiền	040179007493	10.000
717	PHAN THÚC ĐỊNH	034092004913	23.293
718	Phan Thùy Dương	040189006856	1.000
719	Phan Thúy Hà	001181001778	7.525
720	Phan Văn Hậu	051087008123	9.200
721	Phan Văn Thông	036085007133	15.452
722	Phí Ngọc Linh	019185000218	1.301
723	Phùng Thị Thúy Nhi	070188001590	2.000
724	Phùng Thúy Hằng	001188011526	2.022
725	Quách Thị Quy	037184013192	11.912
726	Quỹ Đầu tư cổ phiếu Manulife	16/gcn-ubck	300.000
727	Sử Thị Như Ý	096190011498	2.260
728	Tạ Ngọc Mai	033192014945	14.324
729	Tạ Thị Khánh Hiền	037187007919	1.299
730	Tạ Thị Kim Dung	022184000095	15.269
731	Tạ Thị Thu Hằng	030183005203	18.814
732	TẠ THỊ THÙY DUNG	031188005710	3.500
733	Tạ Văn Minh	008090012223	293.200
734	TẠ XUÂN HOÀN	040097019261	802
735	Tăng Hồng Hà	008188005657	5.288
736	Tăng Quốc Phong	092083009275	2.599
737	Thái Thị Hải Yến	075187002987	571
738	Thái Thị Thu Hiền	040183001440	5.391
739	Thân Nguyên Hùng	046088013372	3.000
740	Thòng Nhục Làn	075185005739	12.543
741	Tô Thị Ngọc Hương	034187013584	1.254
742	TỒ THỊ THÙY LINH	008181008811	90.341
743	TỒ VIỆT MINH	008185002668	21.843
744	TỐNG THỊ MINH HẠNH	027181006276	6.000

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
745	Tống Thị Ngọc Lan	022185001208	17.000
746	Trần Anh Tuấn	091081003710	11.811
747	Trần Bảo Ngọc	036191025446	2.000
748	TRẦN ĐỨC HIỂN	036091019108	565
749	TRẦN HẠNH NGA	040192041789	1.574
750	TRẦN HOA NAM	001092022059	496.700
751	Trần Hoàng Thông	038091027357	10.000
752	TRẦN KHÁNH VÂN	001173017675	2.354
753	Trần Kiều Hải Yến	001173023551	1.025
754	TRẦN MINH ĐỨC	034083007301	1.400
755	Trần Ngọc Diệp	001179021461	50.172
756	Trần Ngọc Huy	091082003504	4.171
757	Trần Ngọc Nga	001184008150	600
758	Trần Ngọc Tùng	038094005243	50.000
759	Trần Ngọc Tuyên	079075033733	2.001
760	Trần Phương Lan	031160002557	640.436
761	Trần Phương Thảo	075183020076	6.177
762	TRẦN QUANG HUY	027078008487	80.000
763	Trần Quang Vinh	079088014500	5.000
764	Trần Quốc Toản	040066014227	971
765	TRẦN QUỐC TRỌNG	087074014930	9.359
766	TRẦN QUỐC TRUNG	017085002572	2.420
767	Trần Quốc Việt	001090012551	10.536
768	TRẦN QUỲNH HƯƠNG	001182002565	1.000
769	Trần Thanh Long	066092017980	3.700
770	Trần Thanh Mai	001196020842	10.562.391
771	TRẦN THANH TÂM	087081015990	373.034
772	Trần Thanh Xuân	001192014212	6.780
773	Trần Thị Cẩm Nhung	040187000903	11.543
774	Trần Thị Dịu	030178007450	1.867
775	Trần Thị Hải Yến	040186032479	6.234
776	TRẦN THỊ HẰNG	036182008011	18.000
777	Trần Thị Hạnh	093177006162	9.040
778	Trần Thị Hạnh	020156005067	256.670
779	Trần Thị Hoàng Kim	092176005305	1.200
780	TRẦN THỊ HUẾ	036187001255	350.000
781	Trần Thị Hường	036188004329	4.239
782	TRẦN THỊ HƯƠNG HIỀN	027189008475	3.000
783	Trần Thị Khuê	030191000019	1.130
784	Trần Thị Kiều Nhiên	049193010722	2.500
785	Trần Thị Kim Dung	015184000247	1.600
786	TRẦN THỊ LIỄU	019195010121	735
787	TRẦN THỊ LOAN	001183010007	1.726
788	TRẦN THỊ MINH CHUYÊN	042192015590	5.000

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
789	Trần Thị Minh Nguyệt	027176000036	12.166
790	Trần Thị Ngọc Bích	038180014425	3.762
791	Trần Thị Ngọc Oanh	019189002957	9.100
792	TRẦN THỊ NHÂM	030182004518	1.000
793	Trần Thị Nhật Tiến	045185000001	120.074
794	TRẦN THỊ PHƯỢNG	070178002670	386.290
795	Trần Thị Phương Oanh	089184010455	11.912
796	Trần Thị Phương Thảo	001193003780	5.000
797	TRẦN THỊ SANG	001179007975	385.000
798	Trần Thị Sương	066186015146	771
799	Trần Thị Thanh Nhàn	066188008639	2.000
800	TRẦN THỊ THANH THƯ	051195000540	1.200
801	TRẦN THỊ THANH THÚY	083183016320	39.519
802	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	031182002538	43.398
803	Trần Thị Thu Yến	074188010411	5.050
804	Trần Thị Thủy	040177004332	17.493
805	Trần Thị Thủy	034182010192	2.540
806	Trần Thị Thủy Vân	030192017783	41.560
807	TRẦN THỊ TRÚC GIANG	080185004334	15.200
808	Trần Thị Tuyết	038182043245	6.271
809	Trần Thị Tuyết	034197005619	1.210
810	Trần Thị Vân Phượng	002180000011	1.465.000
811	Trần Thu Bình	025182003657	825
812	Trần Thu Thảo	001191014282	559
813	TRẦN THÙY DUNG	017192000578	586
814	TRẦN TRỌNG KHẢI	072094001051	3.500
815	TRẦN TRỌNG VINH	001086022385	20.000
816	Trần Văn Dũng	034098007068	1.041
817	Trần Văn Martel	087078022366	66.535
818	Trần Việt Văn	096085011236	23.762
819	Trần Xuân Phong	037066000286	10.966
820	Triệu Thanh Huyền	036189023149	3.130
821	TRỊNH ĐÌNH TÂN	038085042100	27.000
822	Trịnh Đức Đạt	064082002994	3.114
823	Trịnh Nguyễn Thanh Hằng	068185007347	2.000
824	TRỊNH NHƯ QUỲNH	015180000041	6.345
825	Trịnh Thị Chung	036183008072	923
826	Trịnh Thị Hà Giang	034184025892	16.700
827	Trịnh Thị Hiếu	030187005943	1.130
828	TRỊNH THỊ NGỌC QUYÊN	054191007946	5.650
829	Trịnh Thị Ngọc Quỳnh	015189007063	2.000
830	Trịnh Thị Thanh Huyền	001188031239	1.130
831	TRƯƠNG ĐÌNH NGỌC	052057000254	1.875.476
832	TRƯƠNG HOÀI SƠN	001097041732	1.100

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
833	Trương Khánh Vinh	040090007796	50.700
834	Trương Nguyễn Tuấn Linh	070093002318	50.000
835	Trương Thị Hiền	038180034028	7.355
836	Trương Thị Loan	001192005620	11.772
837	Trương Thị Mỹ Hương	079185039430	1.000
838	Trương Thị Thanh Hòa	022187001000	9.339
839	Trương Thị Thùy	001181037842	589
840	Trương Thị Vân Anh	040190039179	600
841	Trương Trung Nghĩa	031071007343	147.486
842	TRƯƠNG VĂN HÒA	026084005125	46.480.919
843	VĂN CÔNG ĐIỂM	052077000211	77.828.376
844	Văn Ngọc Lan	030177009858	2.230
845	Văn Thị Hồng Phúc	022179000556	50.296
846	Võ Cự Canh Sang	052080000093	259.989
847	Võ Thành Trung	082078000801	846.000
848	Võ Thị Hạ Vy	046196006418	25.586
849	Võ Thị Hoa	042184002885	6.300
850	Võ Thị Thanh Huyền	040186019841	565
851	Võ Thị Thảo	087191009631	8.002
852	Võ Văn Trường	048076004002	19.317
853	Vũ Chí Thành	034093011662	6.200
854	Vũ Đại Dương	030086005351	2.508
855	VŨ ĐÌNH PHÚC	037090012610	5.192
856	VŨ DUY ĐÔNG	030093008930	9.300
857	Vũ Hồng Hạnh	001185013995	9.218
858	Vũ Mạnh Hưng	001095003158	6.650.000
859	VŨ NAM THẮNG	001084024115	270.000
860	Vũ Nhật Thành	033092000724	2.316
861	VŨ THANH BÌNH	034088020626	2.700
862	Vũ Thanh Sơn	034096000719	13.874
863	VŨ THỊ BÍCH ĐÀO	030198003357	1.700
864	Vũ Thị Diễm My	034191017046	1.400
865	Vũ Thị Hồng Nhung	036191023857	16.661
866	Vũ Thị Hồng Thúy	034185003578	6.500
867	Vũ Thị Hợp	001193006885	600
868	VŨ THỊ HUẾ	036188013081	4.777
869	VŨ THỊ HUYỀN NGỌC	034187002046	1.369
870	Vũ Thị Huyền Trang	036197019175	9.000
871	VŨ THỊ KIM DUYÊN	034176017318	6.027
872	VŨ THỊ MỸ DUNG	025181000895	9.000
873	Vũ Thị Nguyệt Ánh	034177003607	815.295
874	Vũ Thị Nhung	033193000427	9.156
875	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	001180029796	11.784
876	VŨ THỊ QUỲNH ANH	033186007085	23.400

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
877	VŨ THỊ THANH NGA	030179007458	539
878	VŨ THỊ THANH PHƯƠNG	030184017753	11.589
879	Vũ Thị Thanh Trang	074185003899	1.938
880	VŨ THỊ THU HƯƠNG	036185024115	8.710
881	Vũ Thị Thúy Hằng	001194041848	4.420
882	Vũ Thị Thúy Hằng	034181005274	271.010
883	Vũ Thị Tuyết Trinh	092182013891	232.921
884	Vũ Thị Việt	025186001314	598
885	VŨ THỊNH NGỌC	015193001385	5.917
886	Vũ Thủy Chung	001182006972	798.896
887	Vũ Thủy Hoàng	008083011538	4.361
888	VŨ THÙY LINH	024184000876	3.000
889	Vũ Tuấn Anh	031082000009	1.128.870
890	VŨ TUẤN DŨNG	056095000001	7.800
891	VŨ VĂN TOÁN	036094005075	5.700
892	Vũ Xuân Thủy Sơn	035081005117	100.344
893	VƯƠNG HOÀNG THĂNG	001077024301	273.465
894	Vương Huy Quang	001084028902	500
895	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	033181000076	10.735
896	VƯƠNG THỊ THU HẰNG	001187018818	11.433
II	**Phương thức tham gia biểu quyết: Gửi chuyển phát nhanh**		
897	CHU THỊ LAN ANH	022187002425	730.600
898	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	112/GCNTVLK	1.200.000
899	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	0100233223	360.471.376
900	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ	0100107356	112.277.038
901	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THANH PHÁT TÀI	0318858350	62.300
902	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ HTI	0109618115	5.815.415
903	Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	0200158227	1.424.426
904	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI VÀ TIẾP THỊ TUẤN THẢO	4201538807	25.214
905	CSOP ETF SERIES OFC-CSOP FTSE VIETNAM 30 ETF	CD3330	183.400
906	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	71/GCNTVLK	67.211.421
907	ĐẶNG QUỐC DŨNG	031079009485	805.000
908	ĐẶNG VĂN PHÚC	001072037123	1.101.000
909	ĐÀO THỊ THỦY	052177003590	300
910	Đỗ Tuấn Nam	031080009486	682.593
911	Đỗ Vinh Quang	001095038890	134.526.478
912	Đoàn Thị Dự	030161000950	200
913	ĐOÀN THỊ THANH VÂN	019178000164	26.969.485

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
914	Dương Đình Minh Nhựt	087081007883	375.009
915	DƯƠNG VĂN KẾ	027058001046	1.000
916	EASTSPRING INVESTMENTS	CS5892	300.000
917	EATON VANCE TAX-MANAGED EMERGING MARKETS FUND	CA1368	171.739
918	EURIZON FUND	CA5780	606.125
919	GLOBAL X MSCI VIETNAM ETF	CC9951	641.523
920	Hà Ngọc Anh	001301013199	100
921	Hồ Tấn Đức	046065000279	15.776
922	HỒ THỊ PHƯƠNG NGA	052174000372	200
923	HOÀNG NGỌC LAN ANH	045189004470	163
924	Hoàng Thị Thảo	031157000523	13.838
925	Huỳnh Phương Lộc	082073005911	1.258
926	JPMORGAN VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	CS1645	4.566.198
927	KHƯU THỊ NGUYỆT	079159007272	4.163.027
928	Lại Nam Hoàng	091085001899	113
929	Lê Minh Hiền	001158044631	1.236.678
930	LÊ THỊ HIỀN	038186038669	5.650
931	Lê Thị Kim Oanh	008156000053	9.552.319
932	Lê Thị Phương Lan	001161040991	2.927.137
933	LÊ TỐ MINH TÂN	045080006805	600
934	Lê Việt Hải	077084000335	240
935	LEGAL & GENERAL ICAV	CB1619	5.211.548
936	LIÊNG KHẢI NGUYÊN	084200011503	573.150
937	LƯƠNG KHÁNH HUYỀN	001194026144	19.915.888
938	METZLER UNIVERSAL TRUST - METZLER ASIAN BALANCED INVESTMENTS FUND	CA9319	113.000
939	Nghiêm Thị Chung	022184001456	418.500
940	NGÔ TRƯỜNG TIỀN	079089000487	500
941	Ngọc Thành Lâm	024077000609	329.301
942	Nguyễn Hồng Nhung	001188024270	576.420
943	NGUYỄN KHẮC VĂN	030074008080	490.000
944	Nguyễn Mai Thanh	001183005761	19.997.867
945	NGUYỄN NGÔ TUẤN	001073035696	2.319.300
946	Nguyễn Ngọc Định	079058025208	391.930
947	Nguyễn Ngọc Tú	020088008670	146
948	Nguyễn Như So	027057010066	3.500.000
949	Nguyễn Phan Thu Ngân	087191012450	100
950	NGUYỄN QUỐC HUỆ	001074010516	210.650
951	NGUYỄN TẤN BÍNH	046072002360	100.000
952	NGUYỄN THẮNG NAM ANH	013518711	6.780.344
953	Nguyễn Thanh Bình	086089014097	539

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
954	Nguyễn Thị Bích Ngọc	001177035603	438
955	NGUYỄN THỊ HÀ	027179009666	413.000
956	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	038188000457	1.124
957	NGUYỄN THỊ QUYÊN	033189002334	290
958	NGUYỄN THỊ TÂM THƯ	051192002672	280.500
959	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	001186051168	400
960	Nguyễn Thị Thanh Huyền	033184000038	911.287
961	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	051188005950	372.863
962	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	038186010309	1.084.348
963	NGUYỄN THỊ THU THỦY	040188021253	387
964	Nguyễn Thị Tuyết	038160031454	25.065
965	Nguyễn Tiến Hiếu	035090011344	14.653.500
966	Nguyễn Trọng Hiền	075066014641	335.000
967	Nguyễn Văn Hoè	030081019705	1.168.551
968	Nguyễn Văn Nghiêm	025049005747	670.477
969	Nguyễn Văn Yên	027069000924	452
970	Nguyễn Việt Dũng	024083011576	280.000
971	PHẠM KIM SƠN	030065001649	260.000
972	Phạm Thị Nga	034181006963	250
973	Phạm Thị Thu Hiền	033194002934	2.026.732
974	PHẠM THỊ TÚ ANH	038196005094	13
975	PHẠM VĂN HẢI	031075003532	430.178
976	PHẠM VĂN HẢI	091072021297	127
977	PHẠM VĂN HOÀNH	038068008888	2.182.507
978	PHAN HỮU ĐỨC	079082018511	242.712
979	PHÍ VĂN BÌNH	026055000456	20.061
980	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	42/gcn-ubck	1.920.361
981	THÁI ĐỨC CHUYÊN	001079029718	650
982	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN	0300100037	16.740.239
983	Trần Đăng Trung	052055000067	200
984	Trần Lộc Huy	079084035898	5.001.100
985	Trần Mạnh Cường	033077001750	501
986	Trần Minh Quang	001080040180	678.113
987	Trần Quốc Toản	034079027841	23.800
988	Trần Quyết Thắng	010089000719	15.953.000
989	TRẦN THANH TÙNG	079093020792	539
990	Trần Văn Chiến	035086000076	905.000
991	TRẦN VĂN ĐỨC	048095006618	20.400
992	Trần Văn Ngắm	033051000471	3.000.000
993	TRẦN VĂN PHÚC	026076005604	339
994	Trần Văn Thắng	022085011158	262.418
995	TRỊNH HỮU THÀNH	038078021286	300

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
996	VANECK VIETNAM ETF	CA2930	18.195.492
997	VIETNAM STOCK INDEX MOTHER FUND	CD7819	1.848.985
998	VÕ DUY THANH	051085008946	615.654
999	Võ Sơn Bình	044082006567	1.743.000
1000	Võ Thị Thuận Thiên Thanh	079199006963	500
1001	Vũ Đại Thủy	031047000070	9.846.996
1002	VŨ DUY PHƯƠNG	025067003304	31.000
1003	VŨ THẢO VY	077197002013	226
III	**Phương thức tham gia biểu quyết: Gửi thư điện tử**		
1004	BÙI ĐỨC CƯỜNG	022076009205	400
1005	Bùi Hoàng Anh	079086016153	19.649.972
1006	Bùi Mạnh Cường	034060002858	1.140.000
1007	Bùi Quang Phú	092083004683	22.638
1008	Bùi Quang Trọng	001074000752	1.041
1009	BÙI THANH ĐỨC	001087011440	29.287
1010	Bùi Thị Thu Trang	031187000984	31.702.098
1011	Bùi Trọng Trung	030080000912	11.300
1012	Bùi Xuân Thành	031078007274	4.352
1013	Cao Huy Hoàng	077084000635	2.348.049
1014	CAO THÁI HÙNG	079066003447	104.493.201
1015	Chiêm Trước Cường	079082001246	40.000
1016	CHU THUYÊN	027070008724	1.300.000
1017	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	60/gcntvlk	9.509.437
1018	Công ty Cổ phần Chứng khoán T-CAP	42/gcntvlk	5.348.300
1019	CÔNG TY CỔ PHẦN GVI	0109355628	14.995.000
1020	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA BÌNH MINH	5200896375	4.573.000
1021	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN T-CORP	0106065776	6.410.000
1022	Đặng Mạnh Cường	033095004671	504.677
1023	Đặng Phan Tường	001065001946	1.332.000
1024	Đặng Phong Lưu	074067000173	347.248
1025	ĐẶNG THỊ NHƯ HẰNG	048191002589	339
1026	Đặng Thị Quỳnh Trang	033187000800	881.940
1027	ĐẶNG VĂN GIANG	033059002790	3.896.796
1028	ĐẶNG VĂN HOÀNG	001201032071	19.700
1029	ĐÀO QUỐC VƯƠNG	033086003095	143.750
1030	ĐÀO THÁI HOÀNG	052093021218	1.800
1031	Đào Viết Ánh	051085007388	19.322.066
1032	Đinh Ngọc Hà	001304050630	1.000.000
1033	ĐINH THỊ LAN	094181003978	75.359.469
1034	Đinh Văn Sự	035075002753	1.960.000

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1035	Đỗ Thị Hoan	033164000678	1.130.033
1036	Đỗ Thị Hồng Hạnh	089183000209	22.658
1037	Đỗ Thị Ngọc Tú	001186026765	1.080.001
1038	Đỗ Thị Thu Hà	001159016279	93.372.853
1039	ĐỖ TRUNG KIÊN	010083000048	862.316
1040	DOÃN CHÍ THIỆN	089089013056	19.526.700
1041	DOÃN TỚI	038054022073	5.173.300
1042	Dương Hồng Nga	087185012641	100
1043	Giáp Ngọc Hải	024094002915	1.000.000
1044	HÀ THỊ NGỌC HẠNH	082183001302	500
1045	Hoàng Anh Tuấn	040082008583	3.615.000
1046	HOÀNG ĐÌNH QUÝ	031078000545	861.600
1047	Hoàng Đức Trọng	036202010537	102
1048	Hoàng Duy Liêm	026200000270	1.141
1049	Hoàng Gia Vị	024081030788	4.126.000
1050	Hoàng Thị Nhung	001186009583	1.038
1051	HOÀNG VĂN CHỦNG	042072003870	531
1052	HUỲNH CÔNG PHÚC	079077010392	184
1053	Huỳnh Minh Hân	060200008169	1.011
1054	KIM Vietnam Growth Equity Fund	ca8602	6.780.000
1055	Lã Thị Thanh Hương	001180036893	5.000
1056	Lê Hoài Nam	001083037846	558.000
1057	Lê Hữu Anh Minh	040090012853	1.450.000
1058	LÊ KIM QUỚI	089167010651	1.000
1059	Lê Kim Thoàn	038083078002	152.025
1060	Lê Phương Thanh Hoài	022182002209	266.680
1061	Lê Thanh	040082010426	588.081
1062	Lê Thành Trọng	079096000281	5.800
1063	Lê Thị Hiền	038188011552	130
1064	Lê Thị Hoa	280012293	374.232
1065	Lê Thị Hồng Hạnh	026301002904	150
1066	Lư Trọng Nguyễn	096089009099	241
1067	Lương Kim Oanh	079168015255	3.713.410
1068	LƯU MINH TÙNG	089079020110	11.393.648
1069	Lý Mười	001071010480	390
1070	Lý Thụy Kim Tuyến	089187016466	339
1071	MƯU THỊ THANH	024184000140	30.260
1072	Nghiêm Tiến Minh	027075000189	580.920
1073	NGÔ DUY LINH	001082032812	16.533.651
1074	Ngô Quốc Tốt	052087016396	400
1075	Ngô Thị Anh Phương	001172039605	628.363
1076	NGUYỄN ANH TÀI	001071032322	1.499.061
1077	NGUYỄN CHÍ BÌNH	079073014520	5.000
1078	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	038057002438	1.907.051

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1079	Nguyễn Duy Khánh	002088007055	21.079
1080	Nguyễn Duy Triệu	001093028839	604.550
1081	NGUYỄN HẢI LINH	042079006568	4.756.700
1082	Nguyễn Hải Quân	001078014800	811.500
1083	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	082080000020	101
1084	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	010069003950	563.687
1085	Nguyễn Hồng Hải	045065006054	531.950
1086	Nguyễn Hồng Sơn	035097003284	500
1087	NGUYỄN HUỆ THÔNG	025309784	67.493.821
1088	NGUYỄN HUY SƠN	001076003163	603
1089	NGUYỄN HUY TOÀN	001075000579	10.000
1090	NGUYỄN KHÁNH VINH	082202011157	6.900.000
1091	Nguyễn Minh Huy	056086010413	155
1092	Nguyễn Minh Tuân	031079002628	3.862.000
1093	Nguyễn Minh Tuệ	001176015651	95.800
1094	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	079179003376	17.994.962
1095	Nguyễn Ngọc Thuấn	035073001370	356.020
1096	Nguyễn Phạm Hoàng Hải	079096002938	19.226.607
1097	NGUYỄN QUANG HÒA	049094009374	1.347
1098	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	060092014160	5.500
1099	Nguyễn Quốc Hương	001071016584	1.000.000
1100	Nguyễn Sơn Tùng	031085014122	660.000
1101	Nguyễn Thanh Hương	001184010345	1.214.533
1102	Nguyễn Thanh Tùng	079095004569	450
1103	Nguyễn Thị Bích Phượng	091181000055	400
1104	NGUYỄN THỊ DUNG	038179014937	30.000
1105	NGUYỄN THỊ HIỀN	015167000533	1.850.000
1106	Nguyễn Thị Mai Phương	001179021086	1.780
1107	Nguyễn Thị Minh Huệ	091183011269	500
1108	NGUYỄN THỊ THẮM	011178000412	801
1109	NGUYỄN THỊ THẮM	042194014898	1.394.017
1110	NGUYỄN THỊ THANH NGA	048187004074	32.000
1111	Nguyễn Thị Thanh Thủy	077184003295	250
1112	Nguyễn Thu	042182000938	400
1113	Nguyễn Thu Hậu	001163016932	7.912
1114	Nguyễn Thuận Huyền	001180036409	1.101.100
1115	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	022181003447	339
1116	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	001075026011	5.106.951
1117	Nguyễn Trung Chính	001074000059	3.400
1118	NGUYỄN TRUNG THÀNH	017083002584	67.800
1119	Nguyễn Tuấn Kiệt	001091031264	4.500.000
1120	Nguyễn Văn Đại	038077112959	809.900
1121	Nguyễn Văn Hiếu	034080000037	400

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1122	Nguyễn Văn Lê	092073006666	10.160.757
1123	NGUYỄN VĂN THUỶ	001067033348	800
1124	Nguyễn Văn Trí	054075009542	1.254.918
1125	Nguyễn Văn Trọng	030083003562	339
1126	NGUYỄN VĂN TÙNG	091072000063	1.286.277
1127	Nguyễn Xuân Cương	025077012022	5.000
1128	Phạm Đăng Quan	038074008888	116.562.427
1129	Phạm Đỗ Tuấn Anh	075094020948	581
1130	PHẠM MINH THẮNG	051082017105	1.280.000
1131	Phạm Thanh Thảo	001304011496	300
1132	PHẠM THỊ HÀ	034181014686	504.148
1133	PHẠM THỊ HUYỀN	040186002224	601
1134	PHẠM THỊ LỤA	027182008326	1.000.000
1135	Phạm Tuấn	079085010339	797.000
1136	Phạm Vân Anh	001190020979	5.000.000
1137	Phạm Văn Tuân	030085010289	689
1138	Phan Đức Trí	001099000962	1.300.000
1139	Phan Thị Kim Thi	079182002112	120
1140	PHAN TRỌNG HUY	048088000539	281.200
1141	PHÍ VĂN HOÀNG	034078004308	31.409
1142	Phó Đức Lê Minh	001084000598	78.271
1143	QUỸ ETF DCVFMVN30	14/gcn-ubck	5.943.480
1144	TẠ DUY HƯNG	001074000239	312.003
1145	Tạ Thị Hiền	001169030577	500
1146	Tào Thành Tài	079079017647	221.098.702
1147	Trần Đăng Quang	036076007777	180.447.068
1148	Trần Hải Phương	001085010386	2.312.098
1149	TRẦN HUY KHỐI	031084001936	25.927.528
1150	TRẦN MINH NHẬT	027099000084	1
1151	Trần Minh Quyền	079061017730	6.000
1152	TRẦN NGỌC CƯỜNG	038084016186	391.591
1153	TRẦN QUANG TRUNG	001067013665	8.000.000
1154	TRẦN THANH CHÂU	075066000378	20.547.412
1155	TRẦN THỊ BÌNH	042178000646	2.000
1156	Trần Thị Hoàn	020178000016	6.000
1157	Trần Thị Mỹ Phương	197288618	400.000
1158	Trần Thị Phương Liên	035173002539	2.486
1159	TRẦN THỊ THU HÀ	036186021507	9.000
1160	Trần Thị Thúy	064185008687	10.000
1161	Trần Thứ Khiêm	038094011843	386.337
1162	Trần Thuỳ Trang	079190016452	600
1163	Trần Văn Kha	183779701	339.000
1164	TRỊNH QUANG KHẢ	027073011436	1.862.894

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1165	Trương Thị Hoàng Lan	044178001232	500
1166	Trương Thị Thùy	006188000079	300
1167	Trương Văn Hùng	070089005378	125
1168	TRƯƠNG VĂN SÓNG	036089011956	12.505
1169	TỪ LÊ TUẤN ANH	079200029749	339
1170	Võ Công Lý	001070018446	15.359
1171	Võ Hà Hữu Phương	079079031339	100
1172	VÕ VĂN THƯ	052074003410	2.688.000
1173	VÕ VĂN TRƯỜNG	045080001320	27.461.000
1174	VŨ HỮU PHI	001078043495	24.500
1175	VŨ MINH THI	092085003191	13.645.366
1176	VŨ THỊ HỒNG VÂN	079162026859	68.550
1177	Vũ Thị Lệ Quyên	092179002879	1.395.213
1178	Vũ Văn Quỳnh	031085001233	250.000
1179	Vũ Xuân Công	030080020840	1.469.000
1180	VŨ XUÂN TẠO	034060004368	11.011.857
1181	VƯƠNG THIÊN LONG	079205017849	100
Tổng cộng			**3.071.192.716**

NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN – HÀ NỘI

Số: 07 /2025/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật số 56/2024/QH15 ngày 19/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính.*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 06/2022/TT-NHNN ngày 30/06/2022 và Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 sửa đổi một số điều của Thông tư 50/2018/TT-NHNN;*
- *Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;*
- *Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;*
- *Nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;*

Thực hiện chủ trương của Ngân hàng Nhà nước về việc nâng cao năng lực tài chính của các Tổ chức tín dụng, đẩy mạnh lộ trình đáp ứng các tiêu chuẩn Basel III và các giới

hạn an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và các mục tiêu tăng trưởng cả về quy mô và chất lượng hoạt động.

Để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch nêu trên, Hội đồng Quản trị SHB kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB theo nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 và Quyết định về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025, vốn điều lệ của SHB là **45.942.000.240.000** đồng, tương ứng **4.594.200.024** cổ phiếu.

II. Phương án tăng vốn điều lệ

- Số vốn điều lệ trước khi chào bán/phát hành: 45.942.000.240.000 đồng.
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: **7.500.000.000.000** đồng, trong đó:
  + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: **4.593.703.840.000** đồng;
  + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư: **2.000.000.000.000** đồng;
  + Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025: **906.296.160.000** đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán/phát hành tối đa là **53.442.000.240.000** đồng (tăng 16,32% so với vốn điều lệ tại thời điểm 30/09/2025).
- Nội dung chi tiết: Theo Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm.
- Thời gian thực hiện chào bán/phát hành: Trong Quí IV/2025 hoặc trong năm 2026 và/hoặc sau khi báo cáo/được sự chấp thuận từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

III. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông

1. **Chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của SHB** từ mức **45.942.000.240.000** đồng lên dự kiến **53.442.000.240.000** đồng theo Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm.

2. **Thông qua việc cập nhật nội dung tăng vốn điều lệ** nêu tại mục II, Tờ trình này vào Giấy phép hoạt động, Điều lệ của Ngân hàng có căn cứ theo kết quả thực tế tăng vốn điều lệ sau khi được các cơ quan quản lý thông qua và theo thời điểm thực hiện.

3. Phân công và giao Hội đồng Quản trị chủ động thực hiện:

- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- **Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh** Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của SHB, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông SHB; theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), nhằm triển khai hiệu quả các đợt tăng vốn điều lệ;
- **Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành** cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
- **Quyết định thời điểm, trình tự thực hiện** Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các Nhà đầu tư; Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB (Esop) sao cho hài hòa các lợi ích của cổ đông, tối ưu hóa nguồn vốn thu được được từ các cổ đông, Nhà đầu tư, Người lao động để phù hợp với hoạt động của SHB và các quy định của Pháp luật. **Quyết định phương án đảm bảo** việc Chào bán/Phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB.
- **Đối với phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu**: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết trong đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- **Đối với phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ**: căn cứ tình hình thực tế, quyết định khối lượng chào bán chính thức cho nhà đầu tư, hoàn thiện phương án chào bán chi tiết, thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rà soát, chỉnh sửa Phương án theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định mức giá chào bán cụ thể cho Nhà đầu tư tại thời điểm triển khai phương án chào bán.

- **Đối với phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; Xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động để thực hiện chương trình này. Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho người lao động đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi có người lao động nước ngoài tham gia.
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thời điểm niêm yết bổ sung cổ phiếu, bảo đảm lợi ích cổ đông;
- Quyết định phương án xử lý phần lẻ cổ phiếu, cổ phiếu lẻ phát sinh, cổ phiếu chưa được phân phối hết (nếu có);
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả Chào bán/Phát hành thực tế theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các tài liệu và các thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), nhằm triển khai hiệu quả các đợt tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của SHB, các quy định của pháp luật, Điều lệ SHB và quyền lợi của các cổ đông SHB;
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn; thay đổi nội dung về vốn điều lệ ghi trên Điều lệ SHB, Giấy phép hoạt động của SHB và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 1800278... C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đỗ Quang Hiển

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(đính kèm tờ trình số 07 /2025/TTr-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2025)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ:

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật số 56/2024/QH15 ngày 19/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính.*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 06/2022/TT-NHNN ngày 30/06/2022 và Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 sửa đổi một số điều của Thông tư 50/2018/TT-NHNN;*
- *Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;*
- *Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;*
- *Nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;*

2. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ

Việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của SHB có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, nâng cao khả năng cạnh tranh của SHB trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của SHB, cụ thể:

- Nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn nữa các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng nhằm thích ứng với những biến động của thị trường, tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Thực hiện các dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin, đẩy mạnh phát triển Ngân hàng số hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu Việt Nam.
- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư vào các dự án chiến lược của Ngân hàng.
- Mở rộng quy mô cho vay nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

II. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ dự kiến tăng

- Vốn điều lệ của SHB tại thời điểm 30/09/2025 **45.942.000.240.000** đồng, tương ứng **4.594.200.024** cổ phiếu, trong đó:
    + Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.593.703.838 cổ phiếu
    + Số cổ phiếu quỹ: 496.186 cổ phiếu
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: **7.500.000.000.000** đồng, trong đó
    + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: **4.593.703.840.000** đồng.
    + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư: **2.000.000.000.000** đồng.
    + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB năm 2025: **906.296.160.000** đồng.
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là **53.442.000.240.000 đồng.**
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: **5.344.200.024 cổ phiếu**, trong đó:
    + Số cổ phiếu đang lưu hành: 5.343.703.838 cổ phiếu.
    + Số cổ phiếu quỹ: 496.186 cổ phiếu.

2. Thông tin về cổ phiếu chào bán/phát hành thêm

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã cổ phiếu: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/phát hành tối đa: **750.000.000 cổ phiếu**, trong đó:
    + Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: **459.370.384** cổ phiếu;
    + Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư: **200.000.000** cổ phiếu;

+ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025: **90.629.616** cổ phiếu;

3. Nguồn tiền dùng để tăng vốn điều lệ:

- Từ nguồn chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 4.593.703.840.000 đồng
- Từ nguồn chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư 2.000.000.000.000 đồng.
- Từ nguồn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025: 906.296.160.000 đồng.

4. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chi tiết

4.1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã chứng khoán: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Loại tiền: Việt Nam Đồng
- Mệnh giá cổ phiếu chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán**: 459.370.384 cổ phiếu
- **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá dự kiến**: 4.593.703.840.000 đồng.
- **Đối tượng chào bán:** cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- **Phương thức chào bán**: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền**: 100:10 (theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua sẽ nhận được 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua thêm 10 cổ phiếu mới).
- **Nguyên tắc xác định giá chào bán:**

✓ Nguyên tắc xác định:

+ Giá trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của SHB đã được soát xét tại ngày 30/06/2025 là **15.563 đồng/cổ phiếu**.

+ Giá đóng cửa cổ phiếu SHB (trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) bình quân 10 phiên giao dịch liên tiếp từ ngày 03/10/2025 đến ngày 16/10/2025 là **17.700 đồng/cổ phiếu.**

✓ Xác định giá chào bán: Để đảm bảo đợt chào bán thành công, mặt khác để tăng tính ưu đãi cho cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **12.500 đồng/cổ phiếu.**

- **Phương án làm tròn, phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền (nếu có):**

  + Phương án làm tròn: Cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

  + Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền theo phương án làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

  + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- **Tỷ lệ chào bán thành công:** Không quy định

- **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán**: Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn khác để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

- **Các hạn chế chuyển nhượng:**

  + Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được quyền mua cổ phiếu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.

  + Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.

- **Thời gian dự kiến chào bán**: Dự kiến trong Quí 4/2025 hoặc trong năm 2026, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi báo cáo Ngân hàng Nhà nước và hoàn thành việc đăng ký chào bán với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- **Thời gian dự kiến hoàn thành**: Trong năm 2026 hoặc cho đến khi SHB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**:
Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là **5.742 tỷ** sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông và sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (tỷ đồng)
- Cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ TSCĐ	1.500
- Cho vay sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án	3.742
- Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà	500
TỔNG CỘNG	**5.742 (*)**

(*): *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân bổ số tiền thực tế thu được vào các mục đích trên.*

- **Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm:** để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của SHB.
- **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài**: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- **Lưu ký và niêm yết bổ sung**: Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của Pháp luật.

4.2. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã chứng khoán: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Loại tiền: Việt Nam Đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 200.000.000 cổ phiếu.**
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: **2.000.000.000.000 đồng.**
- Tỷ lệ chào bán: 4,35% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2025. ĐHĐCD ủy quyền cho HDQT điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu chào bán tại thời điểm thực hiện trên cơ sở phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

- **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Giá chào bán cho Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở bình quân số học giá đóng cửa của cổ phiếu SHB của 10 phiên giao dịch liên tiếp (trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) liền kề trước ngày Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết triển khai phương án chào bán. Mức giá này không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của SHB tại ngày 30/06/2025.

  Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định mức giá chào bán cụ thể tại thời điểm triển khai phương án chào bán.

- **Mục đích chào bán:** để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

- **Đối tượng chào bán:** Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.

- **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị nghiên cứu, đàm phán và quyết định lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là: (i) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (có thể bao gồm cổ đông hiện hữu của SHB), (ii) có tiềm lực tài chính và (iii) đáp ứng quy định hiện hành về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật.
  Ủy quyền cho HĐQT Ngân hàng thực hiện xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc Ủy quyền cho Công ty chứng khoán thực hiện việc xác định.

- **Danh sách các đối tượng chào bán và số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư:** ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua danh sách Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ; xác định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

- **Phương thức chào bán:**
  Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- **Phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt dự kiến huy động từ đợt chào bán:**
  Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Ngân hàng và/hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp, phù hợp với nguồn lực, dòng tiền và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của SHB.

- **Phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết:**
  Trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế chào bán không đạt như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục tìm kiếm, đàm phán và quyết định việc chào bán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác, với mức giá chào bán không thấp hơn giá đã chào bán cho nhà đầu tư ban đầu. Trường hợp vẫn còn cổ phiếu không phân

phối hết sau khi thực hiện phân phối tiếp theo nguyên tắc nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- **Hạn chế chuyển nhượng:**

  Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

- **Thời gian dự kiến chào bán:** Dự kiến trong Quí 4/2025 hoặc trong năm 2026, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi báo cáo Ngân hàng Nhà nước và hoàn thành việc đăng ký chào bán với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- **Thời gian dự kiến hoàn thành:** Trong năm 2026 hoặc cho đến khi SHB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.

- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**

  Số tiền thu được từ đợt chào bán theo Giá trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của SHB đã được soát xét tại ngày 30/06/2025 (*15.563 đồng/cổ phiếu*) là **3.112 tỷ đồng** *(*)* sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (tỷ đồng)
- Cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ TSCĐ	1.556
- Cho vay sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án	1.556
Tổng	**3.112**

(*): Dự kiến số tiền thu được theo Giá trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của SHB đã được soát xét tại ngày 30/06/2025 là 15.563 đồng/cổ phiếu. Ủy quyền cho HĐQT phân bổ số tiền thực tế thu được vào các mục đích trên.

- Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của SHB.

- **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- **Lưu ký và niêm yết bổ sung**: Cổ phần chào bán thêm sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại HOSE theo đúng quy định của pháp luật.

4.3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động SHB

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã chứng khoán: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Loại tiền: Việt Nam Đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 90.629.616 cổ phiếu.**
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: 906.296.160.000 đồng.
- Tỷ lệ phát hành dự kiến (số lượng cổ phiếu chào bán/ tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/09/2025): 1,97%.

  ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh tỷ lệ cổ phần phát hành trên cơ sở trình tự thực hiện các đợt phát hành thực tế và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.
- **Đối tượng phát hành**: Người lao động SHB được lựa chọn đáp ứng Tiêu chuẩn theo *Phụ lục 1* đính kèm phương án này.
- **Tiêu chuẩn Người lao động được lựa chọn tham gia chương trình**: Theo *Phụ lục 1* Phương án này. ĐHĐCD phân công và giao cho HĐQT quyết định danh sách người lao động, số lượng cổ phiếu cụ thể được phân phối cho từng đối tượng sau khi ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu ESOP này.
- **Phương thức phát hành**: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB.
- **Giá phát hành**: Là mức giá ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên của SHB, theo chương trình phát hành lựa chọn dành cho người lao động SHB với mức giá bán là **10.000 đồng/cổ phiếu.**
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phổ thông phát hành cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng **18 tháng** kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**: Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là **906 tỷ đồng** sẽ được sử dụng cho hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Ủy quyền cho HĐQT phân bổ số tiền thực tế thu được vào mục đích trên.
- **Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm** để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của SHB.
- **Xử lý cổ phần không phân phối hết sau đợt phát hành (nếu có)**: Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phần không được người lao động SHB có tên trong

Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua đăng ký mua hết (nếu có), ĐHĐCĐ phân công và giao HĐQT phân phối lại cho các người lao động khác trong Ngân hàng để đảm bảo phát hành đủ số cổ phần dự kiến phát hành.

- **Thời gian dự kiến phát hành**: Dự kiến trong Quí 4/2025 hoặc trong năm 2026, ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi báo cáo Ngân hàng Nhà nước và hoàn thành việc đăng ký chào bán với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- **Thời gian dự kiến hoàn thành**: Trong năm 2026 hoặc cho đến khi SHB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.
- **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài**: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định.
- **Lưu ký và niêm yết**: Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại HOSE theo đúng quy định của Pháp luật.

5. Kế hoạch thực hiện:

- Thời gian phát hành: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.
- Thời điểm chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng): ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.
- Thủ tục xác định danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng và phân bổ cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông theo danh sách: thực hiện theo quy trình thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

6. Các nguyên tắc khác:

- Tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư vào lĩnh vực tài chính: HĐQT cam kết đảm bảo các cổ đông, nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của SHB tuân thủ quy định về đầu tư vào lĩnh vực tài chính.
- Các tổ chức, cá nhân tham gia mua cổ phiếu của SHB phải chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của NHNN, Điều lệ SHB và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua.
- Quyền và nghĩa vụ của người mua cổ phiếu

+ Người mua cổ phiếu sẽ trở thành cổ đông phổ thông của SHB, có các quyền và nghĩa vụ đầy đủ áp dụng đối với cổ đông phổ thông theo quy định của Điều lệ SHB và Pháp luật Việt Nam
+ Người mua cổ phiếu có nghĩa vụ nộp tiền mua cổ phiếu theo quy định và thông báo của SHB.

+ Người mua cổ phiếu phải đảm bảo sử dụng nguồn vốn hợp pháp, không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua; không được mua dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
+ Người mua cổ phiếu chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng về giới hạn sở hữu cổ phiếu của cổ đông, cổ đông và người có liên quan;
+ Người mua cổ phiếu chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan;

7. **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.**

   (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

8. **Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.**

   (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

   Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

III. KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, NĂNG LỰC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA SHB ĐỐI VỚI QUY MÔ VỐN SAU PHÁT HÀNH VÀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG TƯƠNG ỨNG

Với mức vốn điều lệ tăng thêm, SHB có khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) luôn đáp ứng được yêu cầu quản trị của SHB. Các thành viên HĐQT SHB là những cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng ở Việt Nam và quốc tế, có năng lực lãnh đạo, đủ điều kiện tiêu chuẩn theo Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ, quy định của SHB.
- Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên thuộc Ban Kiểm soát đều có năng lực chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc thực hiện các chiến lược, quy chế, quy trình và giới hạn quản lý rủi ro của các đơn vị trong toàn hệ thống, đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật và của SHB, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Ban Điều hành (BDH) của SHB bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối nghiệp vụ. Ban Điều hành của SHB là những người có năng lực, trình độ, có nhiều năm kinh nghiệm, nhiệt huyết trong công việc.
- Hỗ trợ cho HĐQT có các ủy ban như Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban chiến lược, Ban An ninh nội bộ. Mỗi ủy ban đều có quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn trên cơ sở tuân thủ hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và nhu cầu quản trị điều hành của SHB. Sự đoàn kết nội bộ nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV SHB tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản trị điều hành của SHB được vận hành hiệu quả, minh bạch.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của SHB được hoàn thiện theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, Thông tư số 40/2018/TT-NHNN và theo thực tế thị trường và hoạt động kinh doanh của SHB. Đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ của SHB có chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động của SHB.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên SHB là những người có năng lực, có đam mê sáng tạo và nhiệt huyết trong công việc. Tính đến 30/06/2025, tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống SHB là 6.730 người với trình độ và tính chuyên nghiệp cao, trong đó có nhiều nhân sự quản lý cấp cao và nhân sự chuyên môn đến từ các tổ chức uy tín quốc tế và Việt Nam.
- Hệ thống quản trị rủi ro của SHB được triển khai theo mô hình 3 tuyến phòng vệ trong mọi hoạt động. Các phương pháp đo lường, kiểm soát và cảnh báo rủi ro liên tục được cải tiến theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- SHB tập trung nhiều nguồn lực để đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, an toàn, bảo mật, đây sẽ là nền tảng giúp SHB đột phá trong hoạt động kinh doanh và thực hiện thành công mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu.

Với hệ thống quản trị, điều hành, kiểm soát cùng với đội ngũ nhân sự và nền tảng công nghệ hiện đại như hiện nay, SHB hoàn toàn đủ khả năng để kiểm soát tốt hoạt động của ngân hàng khi tăng quy mô vốn, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Hội đồng Quản trị sẽ chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo các phương án nêu trên.

Trân trọng!

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI (TẠI NGÀY 30/09/2025) VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính	Mã số doanh nghiệp	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ sở hữu cổ phần trước khi tăng VĐL		Tỷ lệ sở hữu cổ phần dự kiến sau khi tăng VĐL	
						Tỷ lệ (%) so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ	Tỷ lệ (%) so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Số 31-33 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	0100233223	15/08/2023, Nơi cấp: Sở KH-ĐT Thành phố Hà Nội	1. Đỗ Quang Hiển (CCCD: 001062048690, ngày cấp: 12/05/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) 2. Nguyễn Tất Thắng (CCCD: 038060000025, ngày cấp 24/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) 3. Mai Xuân Sơn (CCCD: 001074024221, ngày cấp 10/01/2020, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	7,847	7,846	6,746	6,745

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG ĐÓ CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI (TẠI NGÀY 30/09/2025) VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Tên cổ đông	Tên người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên lạc	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD/ Mã số doanh nghiệp	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ trước khi tăng VĐL	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng VĐL	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T			Trụ sở chính: Số 31-33 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	0100233223	15/08/2023, Nơi cấp: Sở KH-ĐT Thành phố Hà Nội	1. Đỗ Quang Hiển (CCCD: 001062048690, ngày cấp: 12/05/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) 2. Nguyễn Tất Thắng (CCCD: 038060000025, ngày cấp 24/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) 3. Mai Xuân Sơn (CCCD: 001074024221, ngày cấp 10/01/2020, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	7,846	6,745	
2		Đỗ Quang Hiển	Cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ; Bố đẻ của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ; Con đẻ của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	Số 61 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	001062048690	12/05/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		2,724	2,342	

STT	Tên cổ đông	Tên người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên lạc	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD/ Mã số doanh nghiệp	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ trước khi tăng VĐL	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng VĐL	Ghi chú
3		Đỗ Vinh Quang	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ; Con trai của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Cháu nội của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	Số 61 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	001095038890	10/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		2,928	2,517	
4		Đỗ Quang Vinh	Anh trai của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ Con trai của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Cháu nội của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	Số 61 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	001089000968	04/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		2,768	2,379	
5		Đỗ Mỹ Linh	Vợ của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ Con dâu của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ	Số 61 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	001196013487	10/05/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		0,0002	0,0002	

STT	Tên cổ đông	Tên người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên lạc	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD/ Mã số doanh nghiệp	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ trước khi tăng VĐL	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng VĐL	Ghi chú
6		Đỗ Thị Thu Hà	Chị gái của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Bác ruột của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ Con gái của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	4/36 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	001159016279	07/10/2019, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		2,032	1,747	
7		Trần Hà Linh	Cháu ruột của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Cháu ngoại của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	4/36 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	001189034544	29/04/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		0,005	0,004	Kê khai bổ sung do Luật các Tổ chức tín dụng 2024 mở rộng đối tượng người có liên quan
8		Bùi Mai Phương	Cháu ruột của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Cháu ngoại của Bà Lê Thị Thanh - Thành viên HĐQT	38 Ngõ Vạn Kiếp, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	001193012308	11/04/2018		0,0001	0,0001	
9		Lê Thị Phương Lan	Chị vợ của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Bác ruột của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	17 P14 Bách Khoa, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	001161040991	07/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		0,064	0,055	

STT	Tên cổ đông	Tên người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên lạc	Số CMND/ CCCD/ ĐKKD/ Mã số doanh nghiệp	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ trước khi tăng VĐL	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng VĐL	Ghi chú
10		Lê Minh Hiển	Chị vợ của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Bác ruột của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	A1006 CT1 CC Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	001158044631	04/04/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		0,027	0,023	Kê khai bổ sung do Luật các Tổ chức tín dụng 2024 mở rộng đối tượng người có liên quan
11		Lê Thị Kim Oanh	Chị vợ của Ông Đỗ Quang Hiển - cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ Bác ruột của Ông Đỗ Vinh Quang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	P65 D6 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	008156000053	22/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		0,208	0,179	
12		Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	0102524651	15/11/2007, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Nguyễn Chí Thành (CCCD: 031080010045, ngày cấp: 04/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH)	1,463	1,258	
	Cộng							***20,066***	***17,250***	

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T và người có liên quan tại ngày 30/06/2024 là 19,76 % tuân thủ quy định của Luật các TCTD 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo quy định Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024, SHB kê khai bổ sung 5 cá nhân là người có liên quan của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T theo ghi chú.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp/ Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Cổ phần trước khi tăng vốn			Cổ phần dự kiến sau khi tăng vốn		
						Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%) so với vốn điều lệ
1	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI					207.086.381	4,508	4,508	227.795.019	4,263	4,262

Phụ lục 1: Đối tượng, tiêu chuẩn và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho người lao động của SHB

(Đính kèm Phương án tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025)

I. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia:

1. Đối tượng:

- Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) đương nhiệm, thành viên Ban Kiểm soát (BKS) đương nhiệm.
- Các cán bộ, nhân viên của SHB và các công ty con do SHB sở hữu 100% vốn điều lệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định.
- Các đối tượng được phân phối cổ phiếu ESOP phải đáp ứng theo quy định tại điều 63 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 về tỷ lệ sở hữu cổ phần.

2. Tiêu chuẩn tham gia:

Đối tượng tham gia cần đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn sau:

- Thuộc Nhóm 1 - 5 theo Danh mục Nhóm chức danh của SHB.
- Có đóng góp tích cực vào sự phát triển chung và hiệu quả hoạt động của SHB, góp phần đạt được các mục tiêu kinh doanh, quản trị rủi ro và vận hành an toàn, hiệu quả.
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định.
- Đáp ứng các tiêu chuẩn về thời gian làm việc và hiệu quả công việc.
- Không vi phạm kỷ luật lao động hoặc các quy định nội bộ khác của SHB.

II. Nguyên tắc phân bổ cổ phiếu ESOP 2025

Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân bổ đến từng đối tượng:

Việc xác định cụ thể số lượng cổ phiếu phân bổ đến từng đối tượng được xác định theo công thức:

Số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng đối tượng	=	**(X) Số lượng cổ phiếu cơ sở**	x	**(Y) Hệ số phân bổ theo vai trò**	x	**(Z) Hệ số phân bổ theo đóng góp và cam kết**

Trong đó:

1. Số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng đối tượng: là số lượng cổ phiếu của một đối tượng được mua được xác định theo công thức ở trên.

2. Công thức xác định (X) Số lượng cổ phiếu cơ sở:

- *Tiêu chí:* Là **số lượng cổ phiếu cơ sở** xác định cho từng **nhóm đối tượng,** làm căn cứ ban đầu để tính toán số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng đối tượng. Đây là là **mức cổ phiếu phân bổ cơ sở trước khi áp dụng** theo các hệ số: (Y) Hệ số phân bổ theo vai trò và (Z) Hệ số phân bổ theo đóng góp và cam kết.
- *Hệ số được xác định căn cứ vào:*
  - Số lượng cổ phiếu cơ sở được xây dựng và phân loại theo **05 nhóm đối tượng.**

- *Bảng (X) Số lượng cổ phiếu cơ sở*

Nhóm đối tượng	Số lượng cổ phiếu cơ sở (cổ phiếu)
Nhóm 1	70.000
Nhóm 2	50.000
Nhóm 3	30.000
Nhóm 4	12.000
Nhóm 5	5.000

Đại hội đồng cổ đông phân công và giao cho HĐQT quyết định việc phân nhóm đối tượng người lao động theo các nhóm nêu trên.

3. Công thức xác định (Y) Hệ số phân bổ theo vai trò:

(Y) Hệ số phân bổ theo vai trò được xác định theo công thức: (Y) = (Y1) x (Y2)

Trong đó:

(Y1) Hệ số phân bổ theo vai trò đóng góp của đơn vị:

- ***Tiêu chí:*** Là hệ số phản ánh **mức độ đóng góp của từng đơn vị** trong toàn hệ thống Ngân hàng đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh, quản trị rủi ro và vận hành an toàn, hiệu quả.
- ***Bảng (Y1) Hệ số phân bổ theo vai trò đóng góp của đơn vị:***

Vai trò đóng góp của đơn vị	Định nghĩa	Hệ số phân bổ
Vai trò quản trị, điều hành cấp cao của Ngân hàng	Áp dụng cho đối với các đơn vị là **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**; thực hiện chức năng quản trị, định hướng chiến lược và điều hành chung toàn Ngân hàng.	**4.5**
Vai trò kinh doanh	Áp dụng cho các đơn vị trực tiếp thực hiện **hoạt động kinh doanh**; phát triển khách hàng, sản phẩm và dịch vụ; tạo doanh thu, lợi nhuận và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Ngân hàng.	**1.5**
Vai trò quản lý, vận hành và hỗ trợ hoạt động	Áp dụng cho các đơn vị thực hiện chức năng **quản lý, vận hành và hỗ trợ**; đảm bảo hoạt động Ngân hàng an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định.	**1**

(Y2) Hệ số phân bổ theo vai trò đóng góp của từng đối tượng:

- ***Tiêu chí:*** Là hệ số phản ánh **vai trò, vị trí công tác và phạm vi trách nhiệm của từng đối tượng** trong đơn vị, gắn với mức độ ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu chung của đơn vị/ngân hàng.
- ***Bảng (Y2) Hệ số vai trò đóng góp của từng đối tượng:***

Vai trò đóng góp của từng đối tượng	Định nghĩa	Hệ số phân bổ tối đa
Vai trò dẫn dắt – tạo giá trị vượt bậc	(i) Giữ vai trò **chủ chốt; dẫn dắt và chịu trách nhiệm chính** đối với các nhiệm vụ trọng tâm. (ii) Có **quyết định hoặc sáng kiến mang tính định hướng**, tạo **tác động trực tiếp** đến kết quả của đơn vị.	**2.0**
Vai trò đóng góp trọng yếu	(i) Giữ vai trò **quan trọng; tham gia chủ động và chịu trách nhiệm cao** trong các nhiệm vụ trọng tâm. (ii) Có **đóng góp hoặc sáng kiến ở mức trọng yếu**, tạo **tác động rõ** đến kết quả của đơn vị.	**1.5**
Vai trò đóng góp tích cực	(i) Giữ vai trò **thực hiện tích cực; hoàn thành vượt** nhiệm vụ được giao. (ii) **Đảm bảo vượt tiến độ và chất lượng**, góp phần vào kết quả chung của đơn vị.	**1.0**
Vai trò thực thi theo yêu cầu	(i) Giữ vai trò **thực thi; hoàn thành** nhiệm vụ được giao. (ii) **Chủ động thực hiện đầy đủ** các công việc trong phạm vi yêu cầu của vị trí công tác, góp phần vào kết quả chung của đơn vị.	**0.8**
Vai trò tuân thủ – hỗ trợ cơ bản	(i) Giữ vai trò **thực thi; hoàn thành** nhiệm vụ được giao. (ii) **Hỗ trợ thực hiện** các công việc góp phần vào kết quả chung của đơn vị.	**0.5**

4. Công thức xác định (Z) Hệ số phân bổ theo đóng góp và cam kết:

(Z) Hệ số phân bổ theo đóng góp và cam kết được xác định theo công thức: (Z) = (Z1) x (Z2)

Trong đó:

(Z1): Hệ số hoàn thành Hiệu quả công việc (HQCV) của từng đối tượng:

- ***Tiêu chí:*** Là hệ số phản ánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu công việc của từng đối tượng trong kỳ đánh giá so với mục tiêu/KPI được giao theo quy định của Ngân hàng.
- Hệ số hoàn thành HQCV được tính bằng Tỷ lệ hoàn thành HQCV cá nhân của từng đối tượng bình quân 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm do HĐQT quyết định.
- ***Hệ số quy đổi:***
  - Tỷ lệ hoàn thành HQCV 100% tương ứng Hệ số 1.0, tối đa không quá 1.2;
  - Cứ mỗi 1% tăng/giảm HQCV sẽ tương ứng 0.01 hệ số tăng/giảm.

(Z2): Hệ số phân bổ theo thâm niên của từng đối tượng:

- ***Tiêu chí:*** Là hệ số phản ánh **thời gian công tác và mức độ gắn bó liên tục của từng đối tượng** tại Ngân hàng, thể hiện sự ghi nhận đối với kinh nghiệm, sự ổn định và đóng góp lâu

dài.

- ***Bảng (Z2) Hệ số phân bổ theo thâm niên của từng đối tượng***

Thâm niên làm việc tại SHB	Hệ số phân bổ
Từ 10 năm trở lên	**2**
Từ 05 năm đến dưới 10 năm	**1.5**
Dưới 05 năm	**1**

5. Nguyên tắc phân phối lại cổ phiếu không phân phối hết (cổ phiếu còn dư):

- Trường hợp kết thúc đợt phát hành, số lượng cổ phiếu không được các đối tượng có tên trong Danh sách được mua cổ phiếu do Hội đồng quản trị thông qua đăng ký mua hết (bao gồm số cổ phiếu không đăng ký mua, không thanh toán tiền mua, bị vượt tỷ lệ sở hữu pháp luật quy định[1] - nếu có), Đại hội đồng cổ đông phân công và giao HĐQT phân phối lại cho các người lao động khác trong Ngân hàng với điều kiện không ưu đãi hơn so với cổ phiếu phát hành cho người lao động được mua theo đối tượng và tiêu chuẩn quy định tại phần I của Phụ lục 1 này.
- Số lượng cổ phiếu vẫn còn dư (nếu có) sau khi đã phân phối lại theo nguyên tắc nêu trên sẽ được HĐQT quyết định phân bổ tiếp cho một số đối tượng khác hoặc được hủy bỏ để kết thúc đợt phát hành.
- Số lượng cổ phiếu được phân phối lại và Danh sách chi tiết đối tượng được mua sẽ do HĐQT xem xét, quyết định.
- Nguyên tắc xử lý cổ phiếu trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động (HĐLĐ) tại SHB:
  - Đối với người lao động được quyền mua cổ phiếu theo đối tượng và tiêu chuẩn quy định tại phần I của Phụ lục 1 này: nếu chấm dứt HĐLĐ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng (18 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành) thì người lao động vẫn được tiếp tục sở hữu cổ phiếu sau khi chấm dứt HĐLĐ và được quyền chuyển nhượng cổ phiếu sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định.
  - Đối với người lao động mua cổ phiếu thuộc diện phân phối lại từ cổ phiếu còn dư (theo quy định tại mục 5 phần II Phụ lục 1 này): nếu chấm dứt HĐLĐ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng thì phương án xử lý đối với số cổ phiếu đã thực hiện sẽ theo quyết định của HĐQT.

[1] Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần: (1) Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; (2) Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; (3) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng; ...

SHB

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

Số: 40 /2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc triển khai Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) số 15 /2025/BB-HĐQT ngày 11./.12./2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua triển khai Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB theo nội dung Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 16/10/2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 với một số nội dung chính như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.
- Mã cổ phiếu: SHB
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/phát hành: **750.000.000 cổ phiếu**, trong đó:
  + Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: **459.370.384 cổ phiếu**;
  + Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: **200.000.000 cổ phiếu**;

+ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025 *(ESOP năm 2025 của SHB)*: **90.629.616 cổ phiếu**.

- Trình tự thực hiện 03 Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB như sau:

  + Triển khai thực hiện 03 Phương án: *(1) Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; (2) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; (3) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025* trong cùng một đợt.

  + Sau khi nộp Hồ sơ đăng ký chào bán/Tài liệu báo cáo phát hành và nhận được văn bản/thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/Thông báo về việc nhận được Tài liệu báo cáo phát hành của SHB, HĐQT SHB sẽ tiến hành chốt Danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các nội dung liên quan để thực hiện phân phối cổ phiếu đồng thời 03 Phương án*: (1) Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; (2) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; (3) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025.*

Điều 2. Đối với Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thông qua các nội dung:

1. **Danh sách nhà đầu tư** tham gia đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của SHB: Theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
2. **Phương án sử dụng vốn thu được** từ đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 5.742.129.800.000 đồng sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông và sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

Phương án sử dụng vốn	**Số tiền dự kiến (đồng)**	**Thời gian dự kiến giải ngân**
- Cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ TSCĐ	1.500.000.000.000	Trong 2026
- Cho vay sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án	3.742.129.800.000	Trong 2026
- Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà	500.000.000.000	Trong 2026
Tổng cộng	**5.742.129.800.000**	

3. **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài** như sau:

- Căn cứ văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB là 30%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 10/12/2025 (bao gồm cá nhân và tổ chức) của SHB là 193.280.354 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 4,21%.
- Trong thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, SHB đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật.
- Khi thực hiện phân phối cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) cho các đối tượng khác, HĐQT SHB phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SHB tuân thủ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN.

4. **Các nội dung liên quan về phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu** không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025.

Điều 3. Đối với Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, thông qua các nội dung:

1. **Giá chào bán:**

   Giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở bình quân số học giá đóng cửa của cổ phiếu SHB của 10 phiên giao dịch liên tiếp (trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) liền kề trước ngày Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết triển khai Phương án chào bán.

2. **Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán**: Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (bao gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) có tiềm lực tài chính và đáp ứng đầy đủ quy định pháp luật hiện hành về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

3. **Giao Tổng Giám đốc** tiến hành đàm phán với các Nhà đầu tư tiềm năng có

nhu cầu mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Vietnam Enterprise Investments Limited;
- DC Developing Markets Strategies Public Limited Company;
- Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust;
- Amersham Industries Limited;
- Hanoi Investments Holdings Limited;
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam;
- Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI (PVIAM);
- Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT (FPT Capital);
- Và các nhà đầu tư đủ điều kiện có nhu cầu mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ của SHB khác.

Theo mức giá chào bán đã nêu trên.

4. **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài** như sau:

- Căn cứ văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB là 30%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 10/12/2025 (bao gồm cá nhân và tổ chức) của SHB là 193.280.354 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 4,21%.
- Ngân hàng sẽ chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với số lượng 200.000.000 cổ phiếu, chiếm 3,74% vốn điều lệ dự kiến sau đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2025 của SHB (53.442.000.240.000 đồng).
- Khi thực hiện phân phối cổ phiếu cho các Nhà đầu tư, HĐQT SHB phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SHB tuân thủ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN.

5. **Các nội dung liên quan về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ** không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025.

Điều 4. Đối với Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho dành cho người lao động của SHB, thông qua các nội dung:

1. **Phương án sử dụng vốn thu được** từ đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB năm 2025: Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 906.296.160.000 đồng sẽ được sử dụng cho hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế như sau:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Cho vay sản xuất kinh doanh, Cho vay KHCN tiêu dùng	906.296.160.000 đồng	Trong 2026
Tổng cộng	**906.296.160.000 đồng**	

2. **Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài** như sau:

- Căn cứ văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SHB là 30%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 10/12/2025 (bao gồm cá nhân và tổ chức) của SHB là 193.280.354 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 4,21%.
- Tổng số lượng cổ phiếu ESOP 2025 dự kiến phát hành là: 90.629.616 cổ phiếu, tương ứng 1,97% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Trong đợt phát hành, SHB chỉ phát hành cho CBNV người Việt Nam, khi thực hiện phân phối cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) cho người lao động khác, HĐQT SHB cam kết phân phối cổ phiếu cho người lao động khác là người Việt Nam, đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SHB tuân thủ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và văn bản số 1505/UBCK-PTTT ngày 20/04/2021, văn bản số 1010/UBCK-PTTT ngày 01/03/2022 của UBCKNN.

3. Các nội dung liên quan về Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho dành cho người lao động của SHB không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025.

Điều 5. Thông qua cam kết triển khai thực hiện thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau đợt Chào bán/Phát hành như sau:

Hội đồng quản trị SHB cam kết *"Triển khai thực hiện điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và thay đổi đăng ký niêm yết đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt Chào bán/Phát hành theo đúng quy định hiện hành"*

Điều 6. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai nội dung phê duyệt tại Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của SHB và pháp luật, bảo đảm đem lại hiệu quả hoạt động cho SHB.

Điều 7. Các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Văn phòng HĐQT, Ban Quan hệ nhà đầu tư và Phụ trách các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Thành viên HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu VT, Ban IR

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Đỗ Quang Hiển

BIDV

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VN
CHI NHÁNH SỞ GIAO DỊCH 3

Số: 413 /TB-SGD3
V/v: Xác nhận tài khoản phong tỏa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO PHONG TỎA TÀI KHOẢN

Kính gửi Quý khách hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 3 xin thông báo tới Quý khách hàng việc phong tỏa tài khoản tiền gửi của Quý khách hàng tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

Tên Tài khoản phong tỏa	:	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Số Tài khoản phong tỏa	:	6808222222
Loại Tài khoản phong tỏa	:	TGTT TCTD TRONG NƯỚC (Tài khoản phục vụ mục đích tăng vốn)
Loại tiền	:	VNĐ
Số dư tài khoản tại ngày phong tỏa	:	0 đồng
Mục đích	:	Nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của SHB theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 18/11/2025.

Nội dung quản lý tài khoản: Theo đề nghị của Quý ngân hàng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 3 đã thực hiện phong tỏa (thực hiện hạn chế ghi nợ) tài khoản số 6808222222 kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội có văn bản đề nghị gỡ hạn chế ghi nợ tài khoản trên kèm theo Công văn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của SHB gửi đến ngân hàng chúng tôi. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chỉ được sử dụng tiền từ tài khoản số 6808222222 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam– Chi nhánh Sở Giao dịch 3 sau khi cung cấp đầy đủ hồ sơ nêu trên để Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam– Chi nhánh Sở Giao dịch 3 bỏ hạn chế ghi nợ.

Trân trọng!

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH SỞ GIAO DỊCH 3
TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1800278630

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 12 năm 1993

Đăng ký thay đổi lần thứ: 35, ngày 02 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON - HA NOI COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên công ty viết tắt: SAHABANK

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 77, phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *9423388* Fax: *9410844*

Email: *shbank@shb.com.vn* Website: *www.shb.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 36.629.085.420.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi chín tỷ không trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-05-2025
Số chứng thực 11364 Quyển số 05 SCT/BS

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.662.908.542

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ THU HÀ Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *26/10/1973* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001173047668*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *P204-E6 Tổ 8D, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P204-E6 Tổ 8D, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG AN NHẤT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Văn Tình